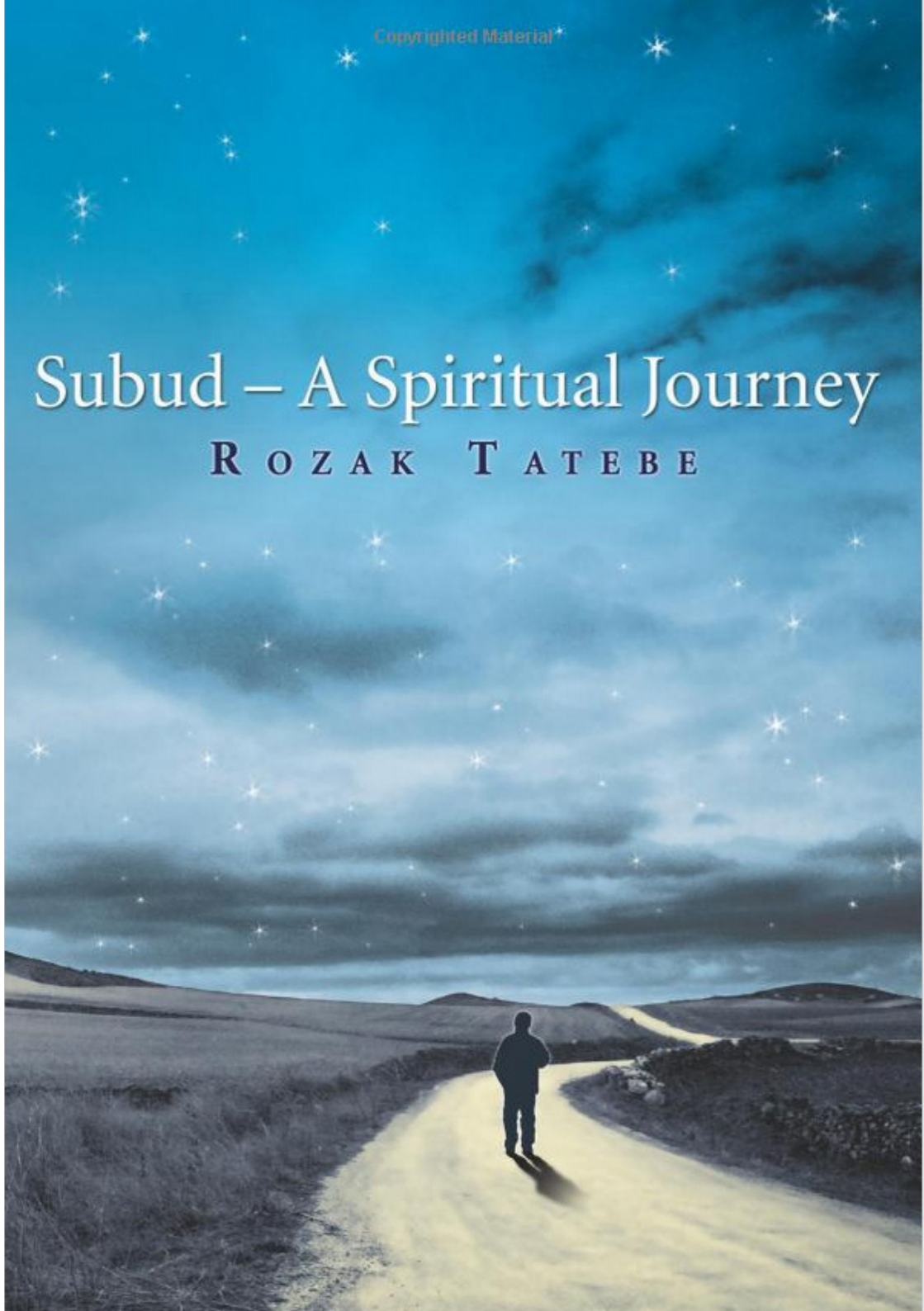


Copyrighted Material

Subud – A Spiritual Journey

R O Z A K T A T E B E



Hành trình tâm linh trong Subud

Nguyên tác **Subud - A Spiritual Journey** của **Rozak Tatebe**

Minh Thần dịch 2012

© Phiên bản 10.2015 góc nhỏ

Rozak Tatebe

Hành trình Tâm linh trong Subud

Minh Thân
dịch 2012



2015



Rozak Tatebe

Lời nói đầu

Đây không là tự truyện. Đó là một cốt truyện về việc như thế nào, nhờ một chứng nghiệm đột nhiên và phi thường, tôi có thể biết được Đấng Tối Thượng là Tạo Hóa. Trong lúc tận hưởng những giây phút cực kì hạnh phúc, cái linh hồn kém phát triển của tôi lấy lại những gì đã mất để nghiệm được sự giao tiếp với Đấng Tối Thượng.

Tôi thuật lại ở đây những thử thách không tiên liệu được, và những sự kiện xảy ra trong suốt lúc tôi làm quen với một đường lối tu tập. Những điều tôi thuật lại có vẻ vượt ra ngoài lĩnh vực của lương tri. Nhưng tất cả những gì xảy ra đều là sự thật. Mỗi biến cố được thuật lại y hệt như việc đã xảy ra.

Mục lục

Lời nói đầu	5
Ngọn lửa của tạo hóa	9
Linh hồn, đó là gì vậy?	12
Hai chứng nghiệm kỳ diệu	15
Môi trường thời thơ ấu	18
Đi tìm đạo	24
Gặp bạn hiền	31
Latihan của Subud	37
Những ngộ nhận và lầm lẫn	41
Bắt đầu bị thử thách	43
Bị thử thách nhưng được cứu độ	47
Những chứng nghiệm ban đầu	55
Chứng nghiệm cơ bản của nội tâm	62
Sumiko	65
Cột ánh sáng	82
Mục tiêu tối thượng	87
Mũi tên xuyên qua tim tôi	88
Vài chứng nghiệm	92
Trắc nghiệm với Bapak	109
Trắc nghiệm và đời sống thế gian	117

Latihan và tôn giáo	121
Về cái chết	130
Thành tâm tiếp nhận	143
Hội nghị Thế giới ở Columbia	146
Lời Bạt	153

Ngọn lửa của tạo hóa

Việc đầu tiên mà tôi muốn viết về là một chứng nghiệm khiến mình bắt đầu đi tìm Đấng Tạo Hóa, và là điều làm cho linh hồn mình đặt những bước đi đầu tiên trong cuộc hành trình của nó. Đó là một chứng nghiệm mà tôi hoàn toàn không được chuẩn bị, một điều chợt đến với mình mà mình không hiểu được theo lối thông thường.

Hồi đó tôi 21 tuổi và là sinh viên đại học. Tôi ở một phòng nhỏ bé trong một tòa nhà ở Tokyo tương tự với một nhà ở tập thể. Một hôm vào khoảng buổi trưa, tôi đang biếng nhác ngồi trên thảm tatami mà chẳng biết đặc biệt sẽ làm gì thì chợt cảm thấy như có điều gì đó đang thay đổi chung quanh mình. Ngay sau đó tôi phải trực diện nhìn một quang cảnh kỳ lạ. Tôi trông thấy một mặt trời ánh sáng cực kỳ chói lọi đang nóng cháy -đang nóng cháy do một Quyền Năng nào đó mà mình không có từ ngữ để diễn tả. Có lẽ ta có thể gọi đó Là Ngọn Lửa của Tạo Hóa. Mặt trời nóng cháy là do Ngọn Lửa đó. Điều khác thường là ngay Trái đất cả, ngay cả nội tâm mình, cũng đang nóng cháy với Ngọn Lửa đó.

Điều đó như là tôi có thể nhìn xuyên qua tới trung tâm trái đất, và trái đất thì đang nóng cháy và có đầy Ngọn Lửa của Tạo Hóa. Trái thành một lớp mỏng chung quanh diện tích trái đất là hệ sinh thái bao che nó như một cái vỏ. Tuy một vài thành phần của nó dơ bẩn, bạc

màu và teo lại một cách ghê tởm, nhưng mọi thứ vẫn lóng lánh với Ngọn Lửa.

<Đó là Ngọn Lửa của Thượng Đế!> tôi tự nghĩ. Ngay lúc đó tôi cảm thấy mình đang ngồi nhìn Tạo Hóa.

Điều càng khiến ngạc nhiên hơn nữa là mặt trăng cũng có đầy Ngọn Lửa đó. Mặt trăng là một nơi lạnh lẽo, không có sự sống, và từ trước tới nay tôi vẫn nghĩ đó là một khối vật chất câm lặng, vô tri vô giác. Nhưng lúc này thì nó có đầy Ngọn Lửa của Tạo Hóa, sống động và lấp lánh. Về phần mình tôi kinh ngạc nhìn chòng chọc cái quang cảnh lạ thường đó của mặt trời, mặt trăng và trái đất, tất cả đều có đầy Ngọn Lửa đó.

Nhận thấy tất cả các thiên thể khác đã không nhập vào ý thức mình, tôi liền chú ý đến những cái đó. Để thử nghiệm, tôi tập trung sự chú ý vào Hỏa Tinh. Khi làm vậy tôi có thể trông thấy Hỏa Tinh cũng có đầy Ngọn Lửa của Tạo Hóa. Nhưng tôi chỉ có thể cảm thấy có Hỏa Tinh tại một nơi rất xa và là một cái chấm rất nhỏ.

Kể đến tôi tập trung sự chú ý vào những định tinh ngoài thái dương hệ. Vì không thể nhớ hết tất cả tên của tinh thể này hay tinh thể kia, nên tôi nghĩ tới tinh thể gần nhất thái dương hệ. Nhưng tất cả những gì mà tôi có thể thấy là một cái gì đó mờ nhạt đến nỗi như không có đó. Tôi hơi thất vọng vì điều này hình như cho mình thấy giới hạn của phạm vi ý thức mình

Tôi không còn nhớ mình đã ngồi nhìn chòng chọc cái quang cảnh đó được bao lâu. Tôi cảm thấy hình như mình đã ngồi rất lâu, nhưng cũng biết chắc thực ra không hơn một hay hai phút. Dần dần cái quang cảnh đó tự thu hẹp lại, và khi nhận thức được điều đó, tôi thấy mình đang ngồi trên tấm thảm tatami. Tôi nhìn chung quanh mình, để cảm giác được Ngọn Lửa đó trên những bức tường và cột nhà chung quanh mình. Có lẽ đó là do trí tưởng tượng của mình nhưng tôi vẫn còn nhận thức được dấu vết yếu ớt của những gì đó, cho tới khi dần dần cái đó cũng tiêu tan.

Trải nghiệm đó thật bất ngờ, không tìm mà gặp, và nó có một ảnh hưởng không thể đo lường được đối với mình. Những gì tôi đã trông thấy thì đích thực đến nỗi mình không còn nghi ngờ gì được. Điều này như việc mình đã thấy được bằng chứng về sự hiện hữu của Đấng Tối Cao, Đấng chủ tể của vũ trụ -điều mà tôi không tin từ trước tới nay. Sự tin tưởng đó mãnh liệt đến nỗi trên căn bản mãi mãi chẳng có gì thay đổi, bất chấp những tình huống mình phải trải qua trong suốt đời mình kể từ đó trở đi.

Tôi đem chén đĩa của mình tới bồn rửa bát, và không hiểu vì sao tôi lại rửa sạch những thứ đó -có lẽ vì tôi thấy khó chịu là đã muộn màng. Vẫn còn chén đĩa trong bồn rửa bát của những kẻ đã ăn uống xong trước mình, và tôi bắt đầu rửa sạch ngay cả những chén đĩa đó. Ngay chính lúc đó, một lần nữa tôi lại chợt cảm thấy sự hiện diện của vũ trụ; tôi cảm thấy sự liên hệ của mình với nó. Thật khó mà diễn tả được những điều tôi cảm thấy là hình như vũ trụ tương tự với một thể liên tục (continuum) mềm dẻo, co dãn, và bản thân mình thì được nối kết với nó qua vôi nước. Khi rửa chén đĩa, tôi cảm thấy hình như việc rửa sạch cho những kẻ khác là điều tạo nên một sự rung động bên trong thể liên tục mềm dẻo, như sóng gợn trên mặt hồ nước, và sự rung động đó có vẻ như đã lan tới nơi tận cùng của vũ trụ. Đối với mình thì đó là một cảm giác hoàn toàn mới lạ, và tôi hình như đã phát hiện được một điều quan trọng: đó là việc ngay cả những việc làm tầm thường nhất, những ý nghĩ đơn sơ nhất, cũng gây nên những gợn sóng lan truyền khắp vũ trụ, và khi làm như vậy thì cũng tạo được một tác động nào đó.

Những gì tôi nhận thức được không chỉ có bấy nhiêu, và sau này tôi thấy rõ nó đã tạo nên những sự thay đổi khiến ngạc nhiên nơi mình. Vì những sự thay đổi đó không thể chối cãi được, nên đó là những điều chứng tỏ cho mình thấy những trải nghiệm đó không chỉ là mộng mơ.

Linh hồn, đó là gì vậy?

Hiện nay ‘linh hồn’ là một từ có nghĩa mơ hồ. Nó thường được dùng để biểu thị một cách bóng bẩy những nghĩa khác nhau – như chỉ có nghĩa là những đáp ứng của tâm hồn hay tín ngưỡng nòng cốt của một người nào đó. Đó là vì thiên hạ không còn tin tưởng quả thực có nơi mình một linh hồn. Sở dĩ vậy là vì khoa học đã coi con người không khác gì hơn những thực thể vật chất, khoa học đã chối bỏ sự hiện hữu của bất cứ gì vượt ngoài những cái đó.

Nhưng chối bỏ việc có những gì cao siêu nơi con người cũng là chối bỏ không cho con người có khả năng dùng điều đó để nối kết mình với Quyền Năng của Đấng Tối Cao. Thiên hạ đã không để ý đến và cuối cùng đã bỏ mất cái tiềm năng nơi mình có thể vượt lên trên cái thế gian này để giao tiếp với một lĩnh vực tâm linh dưới sự điều khiển trực tiếp của Quyền Năng của Đấng Tối Cao.

Điều người ta thường hiểu về <linh hồn>, nếu đó không là gì liên quan tới ma quỷ, là những gì hiện diện thâm sâu nơi con người mình. Điều nên hiểu về một ‘chứng nghiệm tâm linh’ là việc coi đó là một hiện tượng tâm linh, hay có tính lạ thường, mặc dù thiên hạ tin hay không tin.

Nhưng dù tỏ ra huyền bí như thế nào đi nữa, phần đông những hiện tượng đó xảy ra trong một kích thước vẫn còn nằm trong tầm nắm bắt được của trí tuệ con người. Con người vẫn còn có thể xen vào hay vận dụng những cái đó.

Tuy nhiên một chứng nghiệm tâm linh đích thực thì vượt ra ngoài lĩnh vực của trí óc. Điều xảy ra là một sự gặp gỡ giữa linh hồn và Quyền Năng Thiêng Liêng.

Đó là một chứng nghiệm được ban cho mình cho mình từ phía trên. Ta không thể nhận được qua nỗ lực hay dục vọng mình.

Tuy nhiên trong những xã hội hiện nay, những xã hội dưới sự thống trị của kiến thức và tinh thần thế tục, người ta không còn ân phước nghiệm được những điều đó. Các tôn sư thì đem ra chợ buôn bán những quyền năng siêu nhiên để lôi kéo thiên hạ về phe mình. Những vị lãnh tụ đó có vẻ như đã không hoàn toàn nhận thức được cái tiềm năng ban tặng cho con người để thực sự nghiệm được những gì vượt ra ngoài những lợi lộc và trị giá vật chất. Nhưng sự trải nghiệm đó lại là điều gì hoạt động như một dòng nước dưới mặt đất, để tạo nên một nhịp cầu vô hình giữa Tạo Hóa và nhân loại.

Tất cả những chứng nghiệm mà tôi sẽ nói tới trong cuốn sách này đều nằm trong kích thước những giới hạn của mình, và do đó có thể bị cho là có tính cách quá cá nhân. Nhưng đó cũng có thể được coi là những lời chứng của một con người về sự thật của nhịp cầu giữa Tạo Hóa và nhân loại.

Còn về những thay đổi mà tôi thấy nơi bản thân mình do kết quả của những gì mình lần đầu tiên nghiệm được, thì đó là điều liên quan tới ý niệm về nghiệp quả. Cái ý niệm về việc những gì mình gieo trồng thì mình sẽ gặt hái được, là điều được khắp nơi và lâu đời chấp nhận trong nhiều tôn giáo; mình cuối cùng sẽ lên được thiên đàng nếu tích lũy những điều thiện mà không khoe khoang. Hồi đó tôi tin ở điều đó đến nỗi mình âm thầm mong đợi sẽ được thưởng công cho những việc làm tầm thường nhất của mình. Bất cứ lúc nào làm những gì mà mình cho là đức độ, tôi nghĩ ngay tới việc mình sẽ được ban thưởng. Cái ý nghĩ đó càng lúc càng chế ngự đầu óc

mình, khiến tôi không thể dứt bỏ nó.

Có lần khi chợt thấy mình đang muốn lấy điểm để sau này được lên thiên đàng sau khi mình đã dọn dẹp giày dép để bừa bãi trước cửa nhà, tôi rùng mình kinh tởm bản thân mình. Tôi muốn mình được tự do, và ước ao có lối hành xử mà không mong được thưởng công. Nhưng tôi thấy mình như bị mắc kẹt trong một cái bẫy của trí óc - mình càng cố gắng không nghĩ tới việc được thưởng công thì cái ý nghĩ đó lại càng bám chặt lấy mình, và mình càng tranh đấu để được tự do thì cái bẫy đó lại càng xiết chặt thêm.

Một cách bất ngờ tôi thấy mình hoàn toàn không còn bị sự mong ước được thưởng công ảnh hưởng tới. Bất chấp tôi hành xử như thế nào, cái ý nghĩ đó không còn hiện ra trong đầu óc mình nữa. Ngay cả khi cố ý chú tâm tới cái ý nghĩ đó, tôi thấy nó không có gì là hấp dẫn - như nó không liên quan gì tới mình. Điều này đáng chú ý vì nó xảy ra một cách hoàn toàn không khiến mình cố gắng, không khác gì một điều thần diệu. Vì những lý do mình không hiểu được, tôi nhận thấy mình đã được giải thoát khỏi cái tư tưởng về sự thưởng công, và tôi có thể sống cuộc đời mình mà được tự do hơn.

Hai chứng nghiệm kỳ diệu

Tất nhiên, sau khi nghiệm được những điều đầu tiên nói trên, tôi rất lấy làm hân hoan. Cái thông điệp mà tôi nhận được là việc Đấng Tối Cao không gì khác hơn là hạnh phúc và vui sướng, và việc nhận biết được sự hiện hữu của Ngài cũng là điều khiến mình hạnh phúc và vui sướng. Tôi muốn nói cho những người khác hay về cái chân lí đó. Niềm hân hoan đó kéo dài hai hay ba tháng, rồi dần dần giảm đi, nhưng lúc đó tôi lại có thêm hai chứng nghiệm kỳ lạ khác.

Cái chứng nghiệm thứ nhất là việc nghe thấy cái âm thanh tối thượng mà tôi nghĩ là do tình thương tạo nên. Một hôm tôi đang nằm trên giường trong cơn mơ, thì chợt nhiên tôi nghe thấy một âm thanh trên trời nơi bên trái mình, và cái âm thanh đó có vẻ như càng lúc càng trở nên gần gũi và lớn tiếng hơn. Tôi vừa mới nghĩ nó từ phía trên của mình thì đột nhiên nó xoay đổi chiều hướng để qua bên phải của mình, tuy nó vẫn còn bên trên mình. Tất cả những điều đó chỉ mất có bốn hay năm giây. Những gì tôi nghe thấy không là một giai điệu mà là một nốt nhạc dài liên tục - một nốt nhạc có những âm hưởng siêu phàm. Điều đó thật kỳ diệu, nhưng khi tôi nghe thấy cái âm thanh cực kì mê hồn đó, cơn mơ của mình liền biến mất, và tôi cảm thấy mình hoàn toàn khỏe khoắn. Tôi nghĩ cái âm thanh đó do tình thương tạo nên, và cái ý nghĩ đó cứ lớn vờn trong đầu óc mình. Điều đó tạo nên một trạng thái phấn khích thật thanh cao.

Ngay cả tới hiện nay tôi cũng không chút gì biết được tại sao mình đã nghĩ đó là âm thanh do tình thương tạo nên. Không có gì đã chứng tỏ đó không gì khác hơn là âm thanh của một chiếc máy bay đang bay qua. Việc tình thương có âm thanh, và một âm thanh có thể là tình thương, là điều gì phi lí. Nhưng với tôi thì sự thật đó là thứ gì khác biệt với bất cứ âm thanh nào có trên trần gian. Tôi chỉ có thể nói rằng nó có một âm vang siêu phàm. Cái âm thanh đó khiến mình có cảm nghĩ là nó đã ngẫu nhiên rơi xuống từ Thiên Đàng, và bay lượn một lát trong không khí của trần gian. Tôi đã không tin là có một kích thích như vậy, nhưng kể từ đó trở đi tôi bắt đầu nghĩ tới việc dù sao cũng phải coi đó là điều rất có thể có.

Hồi đó ở Tokyo xe điện là một phương tiện thuận lợi cho người ta đến đây đó trong thành phố. Có một điều mình nghiệm được và không dễ quên, là lúc tôi ngồi trên một chiếc xe điện. Có một vài người đứng bám vào những dây bằng da trong khi những người khác thì ngồi; phần đông đều ăn mặc xoàng xĩnh, khuôn mặt họ trông có vẻ mệt mỏi và buồn phiền. Có những đàn bà đeo tạp dề với những túi đựng đồ, những đàn ông trung niên với những bộ đồ lao công, những người già nam lẫn nữ với những quần áo sờn mòn đang gật gà gật gù gù. Không có gì là bất thường, ngoài sự kiện tôi có thể thật rõ rệt nhìn xuyên qua thân thể của các hành khách để thấy được những linh hồn trong đẹp rực sáng như pha lê trong lồng ngực mỗi người. Tôi có cảm tưởng là họ có những linh hồn đẹp như Đức Quan Thế Âm. Tôi không thể tin được những gì mình trông thấy. Nhưng ngay cả khi tôi chớp mắt, cái quang cảnh trước mặt mình vẫn không có gì thay đổi.

Tuy điều đó chỉ kéo dài vài giây nhưng tôi thấy đó là một bí ẩn khiến hoang mang. Nếu những gì tôi đã chứng kiến là thật, thì làm sao đám người đó, những kẻ mà linh hồn trông đẹp như Đức Quan Thế Âm, lại không ý thức được gì mà sống một cuộc đời bất hạnh xa cách cái đẹp của linh hồn mình? Tại sao họ lại phải sống một cuộc đời khốn khổ như vậy?

Trả lời được câu hỏi đó là điều ngoài khả năng mình. Chủ trương của Phật giáo, Thiên Chúa giáo và phần đông các tôn giáo khác là mỗi cá nhân đều có một phần Tia Sáng của Thượng Đế hay Phật tánh nơi mình. Có lẽ đó là cái mà tôi đã trông thấy - mặc dù vậy, nó vẫn chưa

giải đáp được câu hỏi của mình. Dù cố gắng tới đâu đi nữa, tôi cũng chưa tìm thấy đáp án, và bí ẩn đó vẫn còn là một bí ẩn.

Cái tình trạng khiến mình thấy lên tinh thần đó được hai hay ba tháng, và đó là khoảng thời gian tôi có hai chứng nghiệm cùng xảy ra đó. Lòng tôi tràn đầy một niềm vui tuyệt vời vì mình biết được sự hiện hữu đích thực của Đấng Tối Cao mà người ta gọi là Thượng Đế hay Tạo Hóa.

Có điều đặc biệt này là bởi niềm vui và sự phấn khởi của mình là điều gì khác biệt với tình trạng bị kích động, nên bất cứ lúc nào tôi tìm cách gây lại cái tình trạng đó thì tất cả những gì tôi sâu sắc cảm thấy là việc mình đã đánh mất cái gì đó.

Nhưng trước khi đi vào chi tiết về chuyện đó, tôi xin được cho biết thêm về cái bối cảnh cho những chứng nghiệm ban đầu đó và về môi trường của gia đình mình.

Môi trường thời thơ ấu

Do công việc của phụ thân, tôi sinh ra tại Bắc Triều Tiên là một thuộc địa của Nhật Bản trước chiến tranh. Khi tôi được ba tuổi, chúng tôi đến Seoul là nơi mình ở cho tới lúc hết chiến tranh. Song thân là những môn đồ tận tâm của phong trào tâm linh Seicho-no-Ie (Chân Lí Đời Sống) và kể từ khi đó tôi biết cách suy luận, sự giáo dục của mình bị ảnh hưởng nặng nề của cái đó.

Động cơ khiến phụ thân gia nhập Seicho-no-Ie là bệnh glaucoma (bệnh tăng nhãn áp) của mẫu thân. Hồi đó glaucoma là một căn bệnh không chữa trị được. Ngay cả hiện nay người ta cũng không làm gì được khác hơn ngoài việc làm cho căn bệnh chậm phát nhờ thuốc men. Tất cả các y sĩ đều nói với mẫu thân là bà sẽ hoàn toàn bị mù trong vài năm tới. Cam chịu sự việc đó, bà liền chuẩn bị làm những điều cho đời sống mình sau khi bị mù. Bà luôn đem theo bên mình cây shamisen (một loại đàn ba dây) khiến bà có thứ gì đó làm cho mình vui, và khi đi ngủ tôi có thường nghe bà gảy đàn. Một hôm mẫu thân nghe Dr. Taniguchi, người lập ra Seicho-no-Ie, nói về việc tất cả chúng ta đều là con cái của Thượng Đế và ban đầu thì không có bệnh tật. Điều này có nghĩa là bệnh tật có thể được chữa trị bằng cách thay đổi trạng thái của trí óc. Bà bắt đầu thấy có chút hy vọng.

Song thân đi Tokio để có thể ở gần cơ quan đầu não của Seicho-no-Ie,

và họ thuê một căn phòng gần đó. Trong một tháng họ đều mỗi ngày dự những buổi đạo đàm của Dr. Taniguchi. Họ gia công học đường lối thiền định của Seicho-no-le và lớn tiếng tụng những điều về sự khả thị của Dr. Taniguchi. Hồi đó mẫu thân có nhiều chứng nghiệm; có một điều bà thường nói tới là việc như thế nào, một buổi sáng nọ, mỗi chiếc lá trên các thân cây bên đường đều có vẻ rục rở tỏa sáng, như thể thế gian đã hoàn toàn biến đổi.

Chợt nhiên bà được lành bệnh glaucoma một cách kì diệu. Sau vụ đó, song thân đem tặng căn nhà của mình cho chi nhánh Triều Tiên của Seicho-no-le để dùng đó làm cơ sở. Họ hoạt động tận tâm trở thành những người có thẩm quyền truyền bá ở Triều Tiên giáo lý của Dr. Taniguchi. Bởi cá nhân mình đã nghiệm được việc được lành bệnh glaucoma - một căn bệnh mà người ta cho là không chữa trị được - nên đặc biệt mẫu thân là người tận tụy với Dr. Taniguchi; niềm tin của bà tuyệt đối đến nỗi một vài người được bà truyền cho đường lối tu tập của Seicho-no-le, đã có thể khắc phục được bệnh tật của họ.

Ngoài chuyện bệnh tật, phần nhiều những vấn đề mà thiên hạ hỏi mẫu thân là những chuyện giữa vợ và chồng hay giữa cha mẹ và con cái. Nhiều vấn đề đi ra ngoài cái thông thường như chuyện cha mẹ có con trai bị bệnh tâm thần phân liệt, tính tình hung dữ, chuyện một người mẹ có con gái bị ma quỷ ám ảnh, hay chuyện một người đàn bà nội trợ nói rằng mình có khả năng du hành ngoài thân xác và có thể đi đến bất cứ nơi nào mình thích, nhưng lại không đi đứng được vì đau hông.

Cha mẹ đứa trẻ bị bệnh tâm thần phân liệt sợ hãi không dám vào phòng đứa con mình, nên mẫu thân đã phải thay mặt họ vào nói chuyện với nó. Nó dần dần tin cậy mẫu thân, coi bà như mẹ ruột và thường đến thăm chúng tôi. Nó thường đến giữa mùa đông, lúc thời tiết là mười độ trừ, đi chân không, mang dép xăng đan và mình khoác một bộ đồ tắm mỏng. Nó cười xòa, lấm bắm nói với chính mình, đến nhà chúng tôi chơi khoảng vài tiếng đồng hồ, rồi tức tốc ra về. Mẫu thân nói với tôi là nó thông minh, tôi nên nhờ nó giúp mình làm toán, và sau đó tôi không thấy nó đáng sợ nữa. (Tình trạng nó dần dần trở nên khá hơn sau chiến tranh, nó đã có thể lập gia đình và kiếm được việc làm).

Đó là hoàn cảnh của mình với mẫu thân khi tôi lớn lên. Trong lúc đó tôi cũng trải qua những việc đáng sợ đối với một đứa trẻ. Có lần mẫu thân

đem đứa bé gái bị ma ám đến nhà mình ở. Hồi đó là mùa hè, mẫu thân, đứa bé gái đó và tôi, mọi người nằm ngủ trên một chiếc giường mắc mùng, mẫu thân thì nằm giữa. Bởi mẫu thân thường đem người ngoài đến nhà mình ở, và chính bà cũng chẳng cho biết chút gì về kẻ được mời đến ở, nên tôi nghĩ chẳng có gì lạ lùng về đứa bé gái. Nhưng giữa đêm có những tiếng động làm tôi thức dậy. Mẫu thân đang nói chuyện với đứa bé gái. Hồn ma đã nhập vào nó công bố với một giọng nói thâm trầm của đàn ông mình là thần thánh cao siêu nhất của trời đất. Mẫu thân đáp lời bằng cách cho hay nó không được như vậy, mà thực ra chỉ là một hồn ma thấp kém. Tôi cứng đờ khi nghe nói điều đó, nhưng ngay sau khi tôi cử động được đôi chút, đứa bé gái the thé hét: “một kẻ khác lại đến!”

Sau đó mẫu thân nói với tôi là hồn ma nhập vào đứa bé gái đã cho nó hay nó sẽ chết nếu muốn ăn uống, và do đó nó không chịu ăn uống gì. Tuy nhiên, sáng hôm sau mẫu thân đã thuyết phục được nó phải ăn uống, và tất nhiên, nó chẳng bị gì hết.

Khoa học và y học không nhìn nhận việc trị bệnh qua cầu nguyện và đức tin, nhưng tôi có thể chứng kiến điều đó quá thực đã xảy ra nơi mẫu thân. Tất nhiên, mọi bệnh tật đều không chữa lành được, nhưng điều cũng không thể phủ nhận được là mọi bệnh tật được chữa lành nhờ đức tin đều không do thủ đoạn lang băm hay sự chẩn đoán sai.

Ngoài chuyện đó ra, bản thân tôi đã trải qua một điều cũng đáng nói về Seicho-no-le. Điều đó xảy ra khi mẫu thân lần đầu tiên đem tôi tới dự một buổi họp của Seicho-no-le. Tôi còn nhỏ, và tất nhiên chẳng hiểu gì hết khi ngồi cạnh bà. Thời gian tọa thiền là ba mươi phút, tôi làm y hết những gì các người lớn làm. Mắt nhắm và tay chấp lại, tôi ngồi khoanh chân trên sàn nhà. Được khoảng mười lăm phút, chân tôi như bị kim đâm. Không thể chịu đựng được nữa, tôi duỗi chân, mở mắt ra và nhìn chung quang mình. Tự nhiên tôi liếc nhìn cổ tay trái mình. Vài tháng trước đó một cái mụn đã mọc lên nơi đó, và kích thước của nó càng lúc càng to lớn. Nhưng khi liếc nhìn cái mụn đó, tôi thấy kích thước của nó đã bớt đi được phân nửa. Càng nhìn lâu chừng nào thì tôi càng không thể nghi ngờ được là cái kích thước đó đã không giảm bớt. Tôi lập tức nhắm mắt, ngồi khoanh chân và chấp tay trở lại. Năm phút sau, tôi mở mắt và thận trọng nhìn một lần nữa cái mụn của mình. Nhưng nó đã biến mất không để lại dấu vết nào, da thịt nơi có mụn trở nên mịn màng.

Điều có thể xảy ra là mụn sẽ biến mất theo thời gian, trước khi mình nhớ lại là phải nhìn xem nó còn đó hay không. Nhưng việc một cái mụn biến mất chỉ trong ba mươi phút, không những thế chính mình cũng chứng kiến được sự biến mất đột ngột của nó, thì đó không thể coi là một chuyện thông thường được. Thực ra còn có một điều khiến hoang mang. Nhân vật mà tôi thấy chủ tọa buổi họp, là một người đàn ông trung niên râu đen, thân hình vạm vỡ, mang một bộ đồ truyền thống của Nhật Bản. Nhưng trên đường về nhà khi tôi hỏi mẫu thân về nhân vật đó, thì bà lại nói là không có một người nào như thế. Lúc hội họp tôi đã trông thấy nhân vật đó, và những điều mẫu thân nói khiến tôi chẳng hiểu gì hết, nhưng bà lại quả quyết là trong số các môn đồ của Seichon-le không có ai như vậy. Chuyện đó đã chưa từng được giải đáp.

Tôi đã lớn lên trong hoàn cảnh đó; đó là một môi trường mà việc chữa bệnh bằng đức tin là chuyện khá thông thường. Hồi đó tôi còn là học sinh của trung học, và đã hấp thụ được những kiến thức về tôn giáo và một lẽ lối suy luận qua những tác phẩm của Dr. Taniguchi. Tôi bắt đầu tìm hiểu về con đường đời của mình. Theo đạo lí của Dr. Taniguchi thì tất cả các tôn giáo đều dựa trên một chân lí y như nhau, nhưng mỗi tôn giáo thì nhìn sự việc từ những góc độ khác nhau. Từ cái cơ bản đó ông triển khai một triết lí và đường lối duy tâm, và đưa thêm vào đó những phân tích của mình về Phật giáo, Thiên Chúa giáo và đạo Shinto. Ngoài ra ông còn dùng Khoa Học Thiên Chúa giáo (Christian Science) và phân tâm học để chỉ cho thấy cái thế giới của chân lí là thế giới đích thực, cái thế giới của sự toàn thiện tối thượng, và những hiện tượng của thế gian này chỉ là những hình bóng của trí óc.

Sự bại trận của Nhật Bản đã khiến cho nền tảng lối sống của tôi bị lung lạc. Phần đông các tôn giáo ở Nhật Bản đều tuân hành cái tín ngưỡng theo đó nước Nhật là quê hương của thần thánh, và những tôn giáo đó đã đồng lõa với những chiến lược của quân đội. Khi đất nước bị bại trận, niềm tin của người dân nơi tôn giáo không còn là bao. Vì những giá trị cổ truyền bị đảo lộn, nên xã hội Nhật Bản từ một xã hội chủ yếu là tâm linh đã biến thành một xã hội phần nhiều là vật chất.

Sau khi chúng tôi hồi hương về Nhật Bản, tôi ghi danh theo một khóa học dự bị để vào một đại học mới được thành lập. Trong ba năm trời tôi ở nơi một nhà ở tập thể của sinh viên tại vùng ngoại ô thành phố

Shimizu. Tại đó tôi ở chung với những sinh viên cùng lứa tuổi với mình, trong một môi trường hoàn toàn thế tục. Tranh luận với họ về những tư tưởng thiên tả có ảnh hưởng lớn thời hậu chiến, tôi đã không còn cái tính ngây thơ trong thời mình lớn lên, và trở thành một thanh niên có tư tưởng hoài nghi và bi quan đến nỗi tôi luôn đem theo mình một viên thuốc xyanua (cyanide) để có thể tự tử.

Tuy nhiên, một điều xảy ra là một gáo nước lạnh làm tôi tỉnh khỏi cơn mơ muốn chết: một anh bạn thân cũng là sinh viên đã thử tự tử. Anh nuốt một lô những viên thuốc ngủ, rồi đến phòng tôi để nói lời từ giã. Khi anh nói, lời nói của anh trở nên khác lạ, và anh thú thật với tôi là mình sắp tự tử. Chúng tôi đều là những kẻ chán ghét đời sống, và khi trò chuyện, tôi thấy cực kì ái ngại về việc mình có nên để cho anh ta chết lúc này và nơi đây hay không. Cuối cùng tôi không thể để cho anh chết; trong lúc anh còn nửa tỉnh nửa mê, tôi đi gọi một giảng viên và cứu được mạng sống của anh. Anh cay đắng trách móc tôi khi được dịp, nhưng không còn tìm cách tự tử nữa. Hồi đó anh mê đọc triết gia Kierkegaard và thường dẫn chứng những cách ngôn của ông: 'Kết hôn hay không kết hôn, dù sao bạn cũng phải hối hận'. Nhưng rồi anh thay đổi thái độ và trở thành một kẻ say đắm theo Cộng Sản. Bằng cách cứu anh thoát chết mà không hỏi ý kiến anh, tôi đã làm cho cái ước mơ được chết của mình bị bóp chết ngay trong trứng nước, và kể từ đó tôi không còn dự định tự tử nữa.

Sau những năm theo khóa học dự bị, tôi ghi danh tại Đại Học Tokio và đó là một bước ngoặt trong đời sống mình. Trước đó tôi đã quên hết những gì liên quan đến đấm tâm linh Seicho-no-Ie, và cũng không còn tiếp xúc lại với họ nữa. Đó là vì trong lúc tôi cư ngụ nơi cư xá sinh viên tại nơi mình ở, theo ước mong của Dr. Taniguchi mẫu thân đã đến Tokio ở để làm việc tại những cơ sở của Seicho-no-Ie và trở thành một giáo phẩm của Seicho-no-Ie. Vì đó là lần đầu mình đến Tokio nên tôi chưa có nhiều bạn bè. Theo đề nghị của mẫu thân tôi gia nhập phân chi thanh niên nam nữ của Seicho-no-Ie khiến mình có thêm nhiều bạn.

Phần đông các thành viên đều như tôi, họ là những thành viên thế hệ thứ nhì mà cha mẹ là những môn đồ của Dr. Taniguchi. Không như tôi, họ là những người còn duy trì được niềm tin từ thời thơ ấu. Đúng hơn thì phân chi thanh niên nam nữ hoàn toàn gồm những khuôn mặt trẻ

như họ. Mọi người, nam cũng như nữ, đều vui vẻ, là những bạn trẻ dễ mến, những người đề cập tới 'Thượng Đế' không một chút hoài nghi. Nhưng càng giao thiệp lâu với họ, tôi càng cảm thấy khó chịu về từ ngữ 'Thượng Đế'.

Họ luôn nhắc tới danh xưng của Thượng Đế, nhưng chính họ có chấp nhận là 'Thượng Đế' hiện hữu hay không, tôi tự hỏi. Tôi không thể tin như họ, nhưng lại ngần ngại không dám nói như vậy. Nếu tôi làm thế, chắc chắn họ sẽ rất khoan hòa bỏ công sức ra làm cho tôi tin là 'Thượng Đế' hiện hữu.

Những gì tôi tìm kiếm không là những bằng chứng có tính lý thuyết. Những điều tôi muốn là những gì khác, những điều khiến tôi tuyệt đối tin tưởng là 'Thượng Đế' hiện hữu. Càng thành thật với bản thân mình, tôi càng thấy thực ra mình không thể tin là 'Thượng Đế' hiện hữu. Vấn đề đó càng lúc càng đè nặng lên bản thân mình. Chẳng bao lâu tôi thấy mình bị lạc vào một ngõ cụt.

Cái chứng nghiệm về Ngọn Lửa của Tạo Hóa - điều tôi nói tới trong phần đầu của tập sách này - đã xảy ra trong lúc cái tình trạng của mình là như trên.

Đi tìm đạo

Trong Thiền Tông người ta nói tới cái tình trạng nhập định tuyệt đỉnh của một kẻ đã giác ngộ là có thể ‘vẫy tay và cử động chân một cách tự nhiên’ - nói cách khác, đó là cái trạng thái vui sướng đến nỗi cơ thể tự động nhảy múa theo nhịp điệu của nó. Tôi đã nếm được một trạng thái tương tự, sau khi nghiệm được sự hiện hữu của Đấng Tối Cao, nhưng sau hai hay ba tháng cái cảm giác cực kì vui sướng đó lắng xuống, và tôi thấy mình trở lại cái tình trạng trước đây của mình. Tôi kinh ngạc thấy nó khác biệt như thế nào.

Chắc chắn là bản thân mình đã thay đổi sau cái chứng nghiệm đó - không chỉ lẽ lối suy tưởng mà cả nhân cách mình cũng thay đổi. Bây giờ thì tôi tin ở ‘Thượng Đế.’ Tôi không còn là cậu thanh niên hay hoài nghi và cau có. Nhưng khi nhìn vào nơi bên trong mình, tôi thấy nhiều cái của mình vẫn còn y như xưa. Những nhược điểm của tính tình mình đã không thay đổi, và những đáp ứng theo xúc động của mình vẫn y như trước đây. Tôi bực tức vì những chuyện nhỏ nhặt nhất – và điều này đã đẩy mình trở lại một trạng thái tiêu cực.

Tôi ước ao bắt lại được niềm vui tuyệt diệu mà mình đã nhận được. Tôi muốn tìm cách có thể giữ nó lại. Tôi đã nếm được một niềm vui vô ngần, và không thể tiếp tục sống mà thiếu nó. Đó là bước đầu khiến tôi đi tìm đạo. Tôi muốn xác định được thực chất của điều mình nghiệm được và

việc trước đây đã có những điều tương tự với trường hợp của mình hay không. Nhưng không như hiện nay, hồi đó ở Nhật Bản thì chỉ có dăm ba cuốn sách về tôn giáo hay tâm linh. Cuối cùng những cố gắng của mình đã khiến tôi kiếm được một cuốn sách của William James mà đầu đề là *Sự Đa Dạng của Chứng Nghiệm Tôn Giáo* (The Varieties of Religious Experience).

Theo James điều tôi nghiệm được là sự 'cải tâm đột ngột'. James đề cập tới nhiều trường hợp từ những tác phẩm xưa kia, và phân tích việc những điều đó có một mẫu số chung. Ông giải thích sự cải tâm đột ngột là một chứng nghiệm trong đó thành linh mình chợt đổi diện một hiện tượng khiến mình cảm thấy có sự hiện diện của cái gì đó 'linh thiêng'. Ngay lúc đó, trước đây thì mình không tin tưởng hay không quan tâm tới Thượng Đế, mình tức khắc biến thành một người có đức tin.

James định nghĩa sự cải tâm là 'hiện tượng trong đó một cá nhân di chuyển trọng lượng chánh yếu của năng lực và sự thích thú của mình đến khu vực tâm linh.' Ông so sánh những kết quả đó với những điều trong đó một người nào đó dần dần tin tưởng, và kết luận những quá trình khiến thiên hạ tin tưởng có thể khác biệt, nhưng thực chất thì không có sự khác biệt trong kết quả. James cũng bàn luận tới việc có hay không một thiên khai nào đó, hay một mệnh trời hoạt động ẩn nấp trong sự cải tâm, nhưng vì là một học giả, nên ông tránh né có bất cứ kết luận nào.

Tôi tin chắc cái chứng nghiệm của mình thuộc loại được coi là đột ngột cải tâm. Tuy phần nhiều những thí dụ về sự 'cải tâm đột ngột' mà James trích dẫn là những điều xảy ra trong một bối cảnh Thiên Chúa giáo, nhưng cái nội dung nòng cốt thì không liên quan gì tới những giáo thuyết của bất cứ tôn giáo đặc biệt nào, mà đó chỉ là cái chứng nghiệm về việc mình trực tiếp giao tiếp được với điều gì đó linh thiêng. Thực ra, cái chứng nghiệm của tôi không ăn nhập gì với tôn giáo, mà có thể coi là tương tự với sự nhận thức về Thiên Chúa (beatic vision) hay sự ý thức về cái vô tận (cosmic consciousness)

Đối với tôi cái chứng nghiệm đó như thứ Macma (magma) xuất phát từ một ngọn núi lửa đang nổ. Khi một ngọn núi lửa nổ, dung nham phun ra nhưng khi lan tràn nó vẫn còn là chất lỏng, chứ chưa là chất cứng.

Vì phải chảy từ đầu núi cho tới chân núi, nên trên đường đi nó trở nên cứng rắn và biến thành những hình thù khác nhau, tùy theo những nét đặc biệt của địa hình. Khi đọc James, tôi thấy hình như tôn giáo cũng có đặc điểm tương tự, vì khởi điểm của nhiều tôn giáo, nếu không phải là tất cả, là việc có một nhân vật nào đó có một chứng nghiệm nào đó mà ta có thể so sánh với sự bùng nổ của núi lửa. Nhân vật đó hiểu cái chứng nghiệm của mình tùy theo bối cảnh văn hóa của mình. Cái chứng nghiệm đó được truyền đạt cho những người cùng thời, trong những ngôn từ mà họ hiểu được, rồi thì nó biến thành tôn giáo hay tín ngưỡng.

Điều này khiến hiểu được những khác biệt nổi bật giữa các tín ngưỡng khác nhau. Nói cách khác, tuy cái cảm giác về sự liên hệ với Thượng Đế hay với cái gì đó là linh thiêng thì y như nhau, nhưng những khác biệt trong tín ngưỡng hay trong những điều được coi là trọng tâm thì hiện rõ qua những khác biệt trong nhân cách của các vị giáo chủ và văn hóa của thời đại họ. Quan niệm như vậy thì ta sẽ nhận thấy bất chấp sự đa dạng của các tôn giáo, thông thường thì nền tảng chỉ là một Đấng Tối Cao duy nhất. Có lẽ điều tôi đã nghiệm được thì không hẳn là vậy, nhưng tối thiểu thì cũng như nhau.

Điều đó phần nào đã giải đáp được câu hỏi đầu tiên mà tôi đặt ra. Câu hỏi kế tiếp là có hay không cái tiềm năng có thể tái tạo một chứng nghiệm như vậy hay điều gì đó tương tự?

Cái tôi tìm kiếm không là các thánh thần của đa thần giáo, mà là sự giao tiếp trực tiếp với Thượng Đế là Đấng Tạo Hóa. Tôi muốn tìm hiểu việc cái chứng nghiệm của mình là điều những thường nhân khác cũng có hay không, việc xưa kia có hay không những trường hợp như vậy, và hoàn cảnh nào đã khiến cho những điều đó xảy ra. Manh mối đầu tiên tình cờ được tôi tìm thấy trong một cuốn sách mà mình đã có. Đó là cuốn *Sự An Ủi của Thượng Đế* (Divine Consolation) của Meister Eckhart. Cuốn sách đó là của một vị chủ nhiệm khoa đáng kính của đại học tên là Shinsaku Aihara tặng cho tôi.

Đó là bản dịch đầu tiên qua tiếng Nhật từ bản gốc bằng tiếng Đức là một tác phẩm sưu tầm những bài thuyết pháp của Eckhart. Ngay trước khi tôi tốt nghiệp, ông Aihara đã tặng nó cho tôi để thưởng công cho sự tốt nghiệp của mình. Tôi đã cất giữ nó nhưng chưa từng đọc nó.

Có một thí dụ hiển nhiên trong Thánh Kinh về sự giao tiếp với Thượng Đế của những thường nhân trong sự Hạ Trần (Pentecost) lần đầu, khi Chúa Thánh Thần từ Trên Trời xuống trần thế để nhập vào những người đã tụ tập lại sau cái chết của GiêXu. Trong Thiên Chúa giáo Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần chỉ là một, nên sự giao tiếp với Chúa Thánh Thần cũng có nghĩa là giao tiếp với Thượng Đế. Tuy nhiên, sự cố đó xảy ra trong những hoàn cảnh đặc biệt về cái chết của GiêXu, và tôi không thấy có gì liên quan với trường hợp của mình.

Người ta cho Eckhart là nhà thần bí vĩ đại nhất của nước Đức thời Trung cổ, một học giả lừng danh có một không hai được mọi người biết đến, vì ông là người đầu tiên đã thuyết pháp bằng tiếng Đức thay vì tiếng La Tinh, để các thường nhân có thể hiểu được. Tuy nhiên, sau khi ông chết, phần nhiều những điều ông truyền dạy đều bị Tòa Thánh Vatican coi là dị giáo, vì ông đã thuyết giảng việc có thể trực tiếp giao tiếp với Thượng Đế. Tất cả các tác phẩm của ông đã bị tịch thu và đốt cháy. Chỉ những tác phẩm mà đầu đề được thay đổi để bảo mật, là còn tồn tại cho tới nay.

Eckhart nói rằng chúng ta không nên lấy làm mãn nguyện với một Thượng Đế do tư duy của trí óc, vì một khi tư duy đã mất đi thì Thượng Đế cũng mất luôn. Thế nên, chúng ta về cơ bản nên có một Thượng Đế vượt ra ngoài tư tưởng của con người và tất cả các tạo vật. Ông mô tả cái trạng thái của tâm trí khiến điều đó có thể xảy ra là trạng thái *Abgeschiedenheit* (sự cách ly). Sự cách ly đó là một trạng thái trong đó tâm trí hoàn toàn phó thác cho 'ý muốn của Thượng Đế - một trạng thái gần như hư không mà ta đạt được bên ngoài tư ngã mình. Ông thường dùng ẩn dụ dưới đây để làm cho ý nghĩ của mình dễ hiểu hơn.

Khi ta viết trên một tờ giấy, và nếu có gì trên đó, những chữ viết và hình ảnh đó có đẹp tới mấy đi nữa, thì đó là những chướng ngại đối với người viết là người thấy thích viết hơn trên một tờ giấy trắng.

Tương tự, nếu Thượng Đế phải viết một điều gì, thì ta cần phải đưa ra một bề mặt bỏ trống. Cái trạng thái không có gì hết gần như hư không là điều đã có trước khi Thượng Đế tạo ra vạn vật. Eckhart nói một con người trong trạng thái đó sẽ tự động chứa đựng Thực Chất của Thượng Đế, và sẽ trông thấy Thượng Đế trong vạn vật.

Sau khi đã đọc Eckhart, tôi tình cờ bắt gặp những ý nghĩ tương tự trong những tác phẩm của Thánh John of the Cross - một trong những nhà thần bí danh tiếng nhất của Tây Ban Nha trong Thời Phục Hưng rực rỡ của sự cải cách tôn giáo. Thánh John coi chỗ đến cuối cùng của đời sống tu viện là việc đạt được một trạng thái thanh khiết và trống không. Đạt được trạng thái đó, ta sẽ có thể nhận được ảnh hưởng trực tiếp của Chúa Thánh Thần. Nhưng ông cũng cho hay trước là ta đầu tiên phải trải qua nhiều giai đoạn và thử thách gay go để sống sót được trên đường đi.

Qua những trường hợp đó, tôi nhận thấy là quả thực đã có những người nghiệm được một sự giao tiếp trực tiếp với Đấng Tối Cao. Điều này không những khiến tôi hy vọng mà còn chán nản. Tôi hiểu được rằng cái bí quyết cho sự giao tiếp đó là làm cho trí óc được trong sạch để trạng thái của nó trở nên trống không. Tuy nhiên điều này đòi hỏi mình phải có ý chí phi thường và tập theo một phương pháp tiết dục mà một thường nhân như tôi thấy không thể thực hiện được.

Tôi đã chỉ nhắc tới những trường hợp của Thiên Chúa giáo, nhưng mục tiêu lối tu hành của Phật giáo cũng là việc khiến cho trí óc đạt được một trạng thái trống rỗng gần như hư không (mu:tâm hư). Zazen (tọa thiền) và những phương pháp tu hành khác của đạo Phật đều dẫn tới việc đạt được cái đích đó, con đường được coi là làm cho mình thoát khỏi vòng luân hồi để đạt tới Niết Bàn. Dù có chuyên cần tu tập cực khổ tới đâu đi nữa, nhưng không có gì bảo đảm là mình sẽ đạt được trạng thái hư không. Một điều khác khiến tôi do dự là nguy cơ có thể bị những thực thể không xác thịt ám ảnh. Khi còn nhỏ, tôi đã chứng kiến những hành động kỳ quái của một đứa bé gái bị ma ám. Tuy đó là điều có thể giải thích theo tâm lí học và y học, nhưng tôi biết rõ là nó rất có thể xảy ra. Nếu bất cẩn và không được một chân sư dẫn dắt, người ta có thể thu hút những hồn ma đó. Dr. Taniguchi đã đề cập tới điều đó trong tự truyện của mình, khi ông nói tới cái nguy cơ do những thực thể siêu nhiên trong thời niên thiếu của mình, lúc ông theo lối tu hành của giáo phái Omoto Shinto. Theo ông, lối thiền định của Seicho-no-Ie đặc biệt khiến ta có thể tránh được cái nguy cơ đó.

Kết quả việc đi tìm đạo của mình là tôi nhận thức được việc ngay cả điều này là không thể không xảy ra được, cái cơ may tái lập được cái

chúng nghiệm mình mong ước cũng rất mong manh. Nếu xét tình trạng của xã hội, tôi thấy hiện nay hình như không có một phương pháp nào có thể đáp ứng sự mong muốn của mình.

Sau khi tốt nghiệp đại học, tôi vào làm việc nơi công ty ấn loát Kyobunsha. Công ty đó được Dr. Taniguchi thành lập, và chủ yếu là nơi ấn loát những tác phẩm của ông. Về cơ bản đó là chi nhánh ấn loát của Seicho-no-le, nhưng nó đã bành trướng để có thể ấn loát những tác phẩm khác không là của Dr. Taniguchi, đặc biệt bản dịch những tác phẩm về phân tâm học của Freud, Jung và những người khác.

Tôi chọn làm việc cho Kyobunsha, vì tôi thích ngành ấn loát. Vả lại, thời thơ ấu tôi đã quen thuộc với Seicho-no-le, nên mình có thể làm việc trong một môi trường dễ chịu. Ngay từ lúc linh thị được Ngọn Lửa của Tạo Hóa, tôi càng quan tâm nhiều hơn tới tôn giáo, và cảm thấy mình muốn sống trong một môi trường tôn giáo. Nhưng tôi không mong đợi trong lòng Seicho-no-le mình sẽ tìm thấy con đường tái lập được cái chứng nghiệm đặc biệt của mình, hoặc lối thiền định của Seicho-no-le sẽ giúp mình trên con đường đó. Cái chứng nghiệm của mình hoàn toàn là điều không mong chờ và không dính dáng gì tới đường lối tu tập của họ, nhưng về cơ bản thì nó cũng tương ứng với những gì Dr. Taniguchi thường nói.

Thời kỳ làm việc đầu tiên của tôi là ấn loát tạp chí cho tuổi trẻ. Tôi trở thành biên tập viên của tạp chí chánh yếu dành cho tất cả các thành viên. Vì cái đó như một nhật ký hàng tháng viết thay cho Dr. Taniguchi, nên kể từ đó quan hệ của mình với ông trở nên thân thiết hơn.

Là một biên tập viên trẻ, điều tôi mong ước là phong trào Seicho-no-le sẽ không chính thức trở thành một tôn giáo. Ban đầu nhóm của Dr. Taniguchi là một phong trào của tư tưởng, chứ không là một tôn giáo. Cái quan niệm khởi thủy của ông là không dựa trên những khoản tặng của các thành viên, mà là thành lập kinh doanh Kyobunsha để ấn loát những tác phẩm của ông mà tiền lời sẽ trợ giúp cho Seicho-no-le.

Đối với một phong trào tâm linh thì đó là một quan niệm mới mẻ - thậm chí là một thí nghiệm có tính cách mạo. Nhưng sự bại trận của đất nước và theo đó là những thay đổi của xã hội đã khiến nền tảng tại

chánh của nhóm không được như mong muốn, và người ta đã lựa chọn việc làm cho mình được công nhận bằng cách biến mình thành một tôn giáo chính thức. Chẳng bao lâu, Seicho-no-ie đã đi theo con đường của những phong trào duy linh, những tôn giáo mà nỗ lực là việc củng cố nền tảng tài chánh bằng cách có thêm nhiều thành viên. Seicho-no-ie đã tập trung tất cả các nỗ lực vào việc xây cất một trung tâm rộng lớn để lôi kéo thêm nhiều thành viên, thay vì lập thêm những cơ sở từ thiện, như viện mồ côi mà Dr. Taniguchi đã lập nên cho trẻ mồ côi là nạn nhân của chiến tranh. Cũng trong khoảng thời gian này, tôi thấy luyến tiếc cái chứng nghiệm ban đầu của mình, và đồng thời cũng nhận thấy cái thực tế là mình không có cách nào tái lập nó được. Tất cả những điều đó khiến nỗi tuyệt vọng của mình trở nên mãnh liệt thêm.

Đúng đó là lúc tôi gặp một người Anh, anh Hussein Rofe.

Gặp bạn hiền

Việc gặp Hussein Rofe là một khúc quanh trong cuộc đời tôi, tuy hồi đó tôi chưa từng nghĩ là có thể xảy ra. Hussein Rofe là một người Anh gốc Xiri. Tuổi anh hơn ba mươi, và qua anh tôi làm quen được với phong trào tâm linh gọi là Subud.

Việc tôi gặp anh là kết quả của những trường hợp ngẫu nhiên liên tiếp xảy ra.

Một buổi sáng nọ trong năm 1954, có một chuyện không mấy đáng chú ý trong ban ấn loát của Kyobunsha. Dr. Taniguchi phải gặp một người nước ngoài trẻ trung, một người mà ông không biết tên và cũng không quen biết. Một người Mỹ gốc Nhật thuộc thế hệ thứ hai, một người làm việc trong cơ quan với tư cách biên tập viên tiếng Anh, được chỉ định làm thông ngôn. Tuy nhiên, hôm đó anh điện thoại cho tôi để cho hay mình lên cơn sốt rất nặng nên không thể đến. Một người khác được hấp tấp tìm kiếm để thay thế anh. Kết cuộc thì người được chỉ định là J., một thành viên của ban tuổi trẻ, một người đều đặn quan hệ với cơ quan ấn loát. Ở đại học J. Là người học trên tôi hai lớp và là người thông thạo tiếng Anh, vì anh đã được học bổng Fulbright để học tại một đại học ở Mỹ.

Sau này tôi được J. cho hay là anh hơi có vấn đề với việc thông ngôn.

Anh không có thì giờ khiến mình được chỉ dẫn tường tận, trước cuộc gặp mặt giữa Dr. Taniguchi và anh bạn nước ngoài. Vì biết Dr. Taniguchi có thể viết và đọc tiếng Anh rất khá, nên anh cho là ông cũng hiểu được tiếng Anh nói. Hậu quả là trong cuộc gặp gỡ đó J. quá chăm chú đến những gì anh bạn nước ngoài, Hussein Rofe, nói khiến phải bỏ sót nhiều điều không được dịch - trong đó có cả những đoạn thật dài! (Điều này có thể khiến hiểu được tại sao Dr. Taniguchi đã chưa từng hoàn toàn hiểu được Subud).

Tất cả những điều này chỉ là phỏng đoán, sau khi mọi chuyện đã qua, và buổi gặp gỡ đó đã xảy ra mà không có gì rắc rối. Sáng hôm sau, anh trưởng ban ban ấn loát của Kyobunsha nói với chúng tôi là theo Dr Taniguchi nghĩ thì Hussein là một người ngay thẳng, có thiện chí. Do đó mà theo đề nghị của J. các bạn trẻ trong ban ấn loát nên tìm cách mời anh đến gặp họ. Một buổi gặp mặt được định trong đó phần đông là giới trẻ, và tôi cũng là người tham dự.

Lần đầu gặp anh, tôi thấy cá nhân anh và những gì anh nói chẳng có gì là đặc sắc. Theo những gì anh nói, anh đến Nhật Bản để giới thiệu một lối tu tập gọi là latihan của Subud. Anh đã không cho biết thêm nhiều chi tiết, và bởi vì các biên tập viên đến gặp anh theo những ấn tượng tốt đẹp của Dr. Taniguchi, nên trọng tâm cuộc trò chuyện là những chủ đề không đáng kể như những chuyện về chuyến du hành của anh. Ngày hôm sau, tôi quên hết tất cả những gì liên quan tới anh.

Tuy thế, nhiều ngày sau đó, J. bất ngờ điện thoại cho tôi. Anh nói rằng chiều này mình sẽ đến gặp Rofe, và mời tôi cùng đi với anh. Thật là ngạc nhiên, vì đây là lần đầu tôi nhận được một cú điện thoại của J. Nhưng tôi tò mò muốn biết tại sao anh lại để ý rất nhiều đến Rofe. Điều đó thì thấy rõ trong cách anh nói trong điện thoại, và tôi thắc mắc tại sao một người nước ngoài lại có thể hấp dẫn anh tới cỡ đó, một kẻ mà tôi thấy không có gì đặc biệt. Nhưng J. là một đàn anh có thực tài, một người mà tôi kính trọng, và như vậy thì không có gì phải thắc mắc, tuy tôi vẫn còn hơi do dự, không biết mình có nên đi hay không.

Khi chúng tôi đến, tôi nhận thấy một chuyện bất ngờ. Ngay sau cuộc gặp gỡ với Dr. Taniguchi J. đã liên lạc với Rofe và thực ra đã bắt đầu lối tu tập (gọi là latihan) của cái phong trào mới xuất hiện gọi là Subud. Tôi đã

bị đánh lừa một cách khôn khéo. Vì biết tôi là người có tính thận trọng, nên J. đã dàn cảnh để qua mặt được cái tính thận trọng đó. (Tuy thế, sau này tôi nghe nói chính Hussein là người đã chọn tôi trong số các biên tập trẻ trong buổi gặp mặt lần đầu. Anh đã yêu cầu J. mời tôi đến.)

Tôi được cho hay về những gì đã xảy ra trong buổi gặp mặt với Dr. Taniguchi. Hussein đề nghị ông thử tập latihan xem sao, nhưng ông đã từ chối và nói rằng làm vậy thì không khác gì thử thách Thượng Đế. Chỉ coi mình là kẻ cùng đi cho có bè bạn, tôi đã đi theo J. và nghĩ rằng mình sẽ chỉ việc nghe những gì Hussein phải nói. Thay vì vậy, tôi thấy chính mình là kẻ bị đưa lên tuyến đầu của chiến trận.

Khuôn mặt Hussein tỏ vẻ nghiêm nghị hơn lúc gặp gỡ các biên tập viên trẻ. Anh giải thích latihan của Subud là một con đường hoàn toàn mới mẻ khiến mình có thể trực tiếp giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế. Những từ ngữ 'trực tiếp giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế' lôi cuốn sự chú ý của tôi, ngay cả khi tôi tự hỏi mình nên kiếm cách nào tốt đẹp nhất để chuồn khỏi nơi đây). Giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế chính là điều tôi tìm kiếm kể từ lúc có cái chứng nghiệm ban đầu của mình.

Hussein giải thích tiếp: 'giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế, của Đấng Tối Cao, là điều có thể được, khi tư tưởng và cảm xúc trở nên lắng đọng và trí óc trở nên trống không. Latihan của Subud khiến cho điều đó có thể làm được.'

Anh nói tiếp: 'khi mình giao tiếp với Quyền Năng đó, cái linh hồn mê ngủ nơi thâm sâu nhất của mình sẽ thức tỉnh.'

Những lời nói đó thật tương ứng với cái thực tại mà tôi đã tìm kiếm suốt đời mình.

'Một khi đã thức tỉnh, linh hồn mình sẽ là sư phụ, là tôn sư, là hướng dẫn viên của mình. Vì trực tiếp giao tiếp với Quyền Năng của Thượng Đế, nên trong Subud mình không cần trưởng thượng hay tôn sư, những người là trung gian giữa mình và Tạo Hóa - mình không cần những người đó.'

Đó chính là điều khiến tôi đặc biệt chú ý. Nếu những gì anh nói là đúng, thì ta có thể giao tiếp với quyền năng của Đấng Tối Cao, và đó là điều đáng lý ra phải được.

Một khi nói xong, Hussein chợt hỏi tôi có nghĩ là mình muốn nghiệm được latihan không. Nếu tôi muốn, anh mong tôi sẽ trở lại ba tháng sau. Tôi rất lúng túng vì điều bất ngờ đó. Hiển nhiên điều anh muốn hỏi là tôi có muốn tập latihan Subud ngay lúc này và nơi đây không.

‘Nếu tôi làm cho trí óc mình trống không, thì sẽ có nguy cơ là bị ma ám?’ tôi hỏi.

Anh quả quyết: ‘Không có chuyện đó!’ Anh nói tiếp là linh hồn con người còn mạnh hơn bất cứ hồn ma hắc ám nào.

Trí óc tôi như cái máy phải làm quá sức, khi tôi nhìn khuôn mặt của Hussein, khuôn mặt mà một người bạn mình sau này gọi là trông như đại bàng. Tất cả những gì anh giải thích và giải đáp đều rõ rệt với tôi. Nhưng việc làm này có đúng hay không, nếu tôi tin cậy anh bạn nước ngoài này, một kẻ mà tôi đã gặp cách đây vài ngày? Điều duy nhất mà tôi biết về anh là tên họ anh. Tôi không biết chút gì về việc anh sinh nơi nào, tiểu sử anh ra sao. Nhưng có hỏi đi nữa thì cũng đã có vẻ muộn rồi, và dù anh có cho tôi hay đi nữa, thì cũng không có cách nào để kiểm chứng những điều anh kể.

Tôi hỏi Subud có bao nhiêu thành viên thì anh đáp: ‘200 người hay khoảng đó.’ Tôi điếng người. Chỉ có 200 thành viên ở Nam Dương, quê hương của vị là người đã sáng lập Subud! Với số người thừa thốt đó thì sẽ chẳng còn ai nhớ tới Subud khi mai sau nó biến mất. Tuy so với Phật giáo Souka Geika thì nhỏ bé hơn, nhưng Seicho-no-Ie cũng được khoảng 200 000 thành viên. Nếu Subud thật kỳ diệu thì tại sao lại có ít thành viên như vậy?

Tôi cũng không mấy để ý tới khía cạnh Nam Dương. Nếu Subud xuất phát từ Ấn Độ, nơi xưa kia xuất hiện nhiều tôn sư, thì điều đó có thể chấp nhận được, nhưng ở Nam Dương? Tuy hiện nay tình hình đã thay đổi, nhưng đối với người Nhật Nam Dương vẫn còn bị coi là một quốc

gia lạc hậu vùng nhiệt đới, và cách đây không bao lâu nó nằm dưới sự thống trị của người Hòa Lan. Phần đông thiên hạ, kể cả tôi, không biết chút gì về những truyền thống văn hóa và nghệ thuật huy hoàng của Nam Dương.

Nếu trì hoãn không trả lời câu hỏi của Rofe thì tôi sẽ phải tuyệt vọng. Những gì tôi muốn nói là: 'Tôi sẽ suy nghĩ cẩn kỹ về chuyện đó và sẽ trở lại gặp anh.' Nhưng có cái gì đó cản tôi không cho mình nói như vậy. Nơi nào đó trong đáy lòng mình, tôi cảm thấy nếu về nhà thì mình sẽ không bao giờ còn cơ hội đến gặp Hussein một lần nữa. Đó cũng là chứng cứ về việc cái quan niệm về sự giao tiếp với Đấng Tối Cao đã hấp dẫn mình tới cỡ nào.

Tôi quyết định thử xem sao và tự thuyết phục mình bằng một luận cứ yếu ớt. 'Nếu anh ta tin chắc là như vậy thì không có gì là nguy hại, mình sẽ cũng sẽ tin những gì anh ta nói. Nếu không có gì là nguy hại, thì mình cũng sẽ không bị thiệt thòi gì. Mình chỉ việc coi chuyện này là cuộc gặp gỡ với một anh chàng khiến mình tập đàm thoại bằng tiếng Anh. Và điều xảy ra là căn phòng của Hussein là nơi tôi được khai mở (việc nghiệm được cái latihan đầu tiên của mình, khi mình bắt đầu tiếp giao được với Thượng Đế, Đấng Tối Cao.) Khi đứng nhắm mắt trong tư thế thư thái, tôi có thể nghe thấy Hussein vừa di động chung quanh mình, vừa ca hát điều gì đó. Nhưng chính tôi thì không cảm thấy gì hết.

Tuy nhiên, tôi đã cam kết là mình sẽ tiếp tục thử xem sao trong ba tháng, nên mỗi tuần hai lần tôi đến nơi chốn của Hussein. Lần thứ hai, thứ ba và ngay cả lần thứ tư, tôi vẫn chẳng cảm thấy gì hết, và đứng thẳng đơ trong ba mươi phút, mắt nhắm. Hussein có lẽ đã nghĩ rằng sở dĩ tôi đã không nghiệm thấy gì hết là vì tôi đã không làm cho mình bớt căng thẳng được, nên anh bảo tôi nằm trên sàn nhà để tiếp nhận latihan.

Việc thiên hạ chẳng cảm thấy gì hết trong một khoảng thời gian không là điều bất thường. Có nhiều nguyên do tùy theo người được khai mở, và một trong những nguyên do đó là cơ thể mình quá căng thẳng và cứng đơ.

Lần thứ nhì, tôi nằm trên sàn nhà để tập latihan. Tôi cảm thấy có điều

gì đó như một luồng điện chạy qua chạy lại nơi phía dưới lưng mình. Lần kế tiếp, ngay khi tôi cảm thấy sự kích thích đó càng lúc càng trở nên mãnh liệt hơn, một luồng cảm xúc bao la dâng trào từ nơi thâm sâu nhất của mình, và trước khi hiểu được những gì đã xảy ra, tôi được làm cho đứng dậy, thân mình lung lay, miệng lớn giọng ca hát. Tôi cảm thấy thật vui vẻ, như có phần nào đó của bản thân mình được giải thoát, và xuyên qua những bức tường đồ vỡ nó có thể bước vào một thế giới rộng lớn và mới mẻ, sau khi đã bị giam cầm tại một nơi đen tối dưới mặt đất.

Lần kế tiếp, tôi mong đợi sẽ cảm thấy khuây khỏa y như vậy. Tuy nhiên, trong lúc cơ thể mình cử động và ca hát, tôi không thể tái tạo cái cảm giác vui vẻ đó. Không sao hết. Tôi đã chứng thực được điều đó trong cái latihan đầu tiên của mình. Cuối cùng tôi đã tìm thấy cái tối thượng mà mình đang tìm kiếm.

Latihan của Subud

Trước khi tiếp tục, tôi xin được đề cập đôi chút về nguồn gốc của Subud, và những điều này sẽ làm cơ sở cho những chứng nghiệm tiếp theo đó. Tuy nhiên, tôi muốn mình được hiểu rõ là bất cứ những gì bày tỏ về Subud đều là những lý giải và diễn giải của cá nhân mình, những điều tôi coi là sẽ giúp cho hiểu được những chứng nghiệm của mình, cho câu chuyện mình kể được tiếp diễn. Đó không là những điều chính thức giải thích về Subud. Với những ai muốn hiểu biết nhiều hơn về Subud, họ có thể liên lạc với Hiệp Hội Subud Thế Giới (<http://www.subud.org/>).

Tháng 6 năm 1901 một đứa bé được sinh ra tại đảo Java của Nam Dương. Ban đầu người ta đặt tên cho nó là Sukarno. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau lúc chào đời nó đau ốm trầm trọng. Một ông lão mà không ai biết từ đâu đến, xuất hiện nơi cửa nhà và đề nghị đổi tên nó thành Subuh (bình minh). Sau đó đứa bé bình phục và khỏe mạnh lớn lên. Tên họ đầy đủ của ông là Muhammad Subuh Sumohadiwidjojo, nhưng người ta thường gọi ông là ‘Bapak’ hay ‘Pak Subuh’. Trong tập sách này, tôi đề cập tới ông là ‘Bapak’. ‘Bapak’ có nghĩa ‘người cha’ và được dùng ở Nam Dương không chỉ để xưng hô với cha mình, mà còn với những người lớn tuổi hay cấp trên mình.

Nhiều tình tiết về tuổi thơ của Bapak đã được phổ biến, và tôi không nhắc lại những điều đó nơi đây. Điều quan trọng phải giải thích là Subud bắt đầu có do kết quả của một chứng nghiệm mà Bapak có lúc 24 tuổi. Cái đó không thể giải thích được, nhưng - như sau này Bapak đã có thể xác nhận - nó hoàn toàn có thật. Điều này đã xảy ra: một đêm nọ trong lúc người đi dạo, quang cảnh xung quanh mình chợt sáng chói như có ánh sáng ban ngày. Kinh ngạc, người nhìn lên trên và thấy một quả cầu đang bay lượn và tỏa ánh sáng, thứ ánh sáng còn chói lòa hơn mặt trời. Ánh sáng đó tiến tới rồi nhập vào cơ thể người qua đỉnh đầu, khiến cho toàn thể con người mình lay động. Lo sợ mình đang bị đau tim, Bapak vội vã về nhà và nằm trên giường, nhưng lần này thì người lại trông thấy ánh sáng đó xuất phát từ trong lòng mình, và toàn thân mình trở nên trong suốt.

Cam chịu sẽ phải chết, Bapak chuẩn bị giao phó bản thân mình cho Đấng Toàn Năng. Nhưng khi làm vậy người nhận thấy cơ thể mình tự ý cử động, và khi người đứng dậy khỏi giường ngủ, điều khiến mình ngạc nhiên là đôi chân mình đem mình tới căn phòng bên cạnh là nơi mình hai lần cầu kinh theo Hồi giáo. Đôi chân người đem mình trở lại phòng ngủ là nơi người ngủ thiếp đi.

Đêm kế tiếp và trong thời kỳ một ngàn ngày những điều y như vậy xảy ra mỗi đêm cho người. Người có nhiều chứng nghiệm tâm linh trong khoảng thời gian đó, và hầu như không thể ngủ được. Nhưng điều lạ lùng là người có thể tiếp tục làm việc như bình thường, lúc ban ngày. Sau này, người được làm cho hiểu rằng những gì mình tiếp nhận được là có thể truyền cho người khác, và những người đó tới phiên họ cũng có thể truyền lại cho những người khác nữa.

Trong thời kỳ đó Bapak được cho hay là trong tương lai thế giới sẽ trải qua một cuộc chiến lớn, và điều đó sẽ khiến cho Nam Dương có thể giải thoát khỏi sự thống trị của người Hà Lan để được độc lập; và sau đó thì chính Bapak sẽ có thể du hành vòng quanh thế giới. Điều đó sẽ được báo trước bởi việc sẽ có một người nước ngoài nói được nhiều thứ tiếng đến thăm.

Khi được 32 tuổi, Bapak có một chứng nghiệm khác làm thay đổi cuộc đời mình. Đó là một điều mà người ta nói rằng cả GiêXu và Muhammed

đã trải qua - sự thăng thiên. Linh hồn Bapak rời khỏi trái đất, vượt qua thái dương hệ và du hành qua bảy tầng thế giới là những nơi nằm ngoài cái không gian mà chúng ta biết. Bapak nói tới việc các tinh tú đã lấp lánh như kim cương phía dưới mình, khi mình rời xa cái vũ trụ trong đó mình ở. Người tiếp tục du hành cho tới khi mình trực diện giao tiếp với cái Quyền Năng Tối Thượng tiết lộ cho mình biết nguồn gốc cái vũ trụ của chúng ta và những bí mật của sự sống. Người được cho hay sứ mệnh của mình là nói cho những người tìm kiếm sự giao tiếp tâm linh với một Quyền Năng Siêu Đẳng biết đó là điều gì mới mẻ được phân phát cho nhân loại. Sau đó Bapak nhận thấy mình có thể truyền nó cho những người khác, sự giao tiếp tâm linh mà mình đã tiếp nhận được - từ những người hàng xóm thân cận cho tới tất cả những ai tìm kiếm sự giao tiếp đó, tuy bất cứ sinh hoạt tâm linh đáng chú ý nào là điều không thể có được dưới sự cai trị của người Hà Lan.

Điều tiên tri mà Bapak được cho hay, đã xảy ra hai mươi năm sau. Năm 1947, sau khi Đế Nhị Thế Chiến chấm dứt và Nam Dương được độc lập, Bapak thành lập một hiệp hội tâm linh gọi là Subud. Ba năm sau trong năm 1950, điều tiên tri là sẽ có một người nước ngoài nói được nhiều thứ tiếng đến thăm Bapak, cũng xảy ra. Nhân vật đó là Hussein Rofe. Cho tới lúc đó Bapak đã không tự mình làm bất cứ gì mà chỉ việc kiên nhẫn đợi chờ cho những điều đó xảy ra.

Rofe là một thiên tài về ngôn ngữ và có thể nói được 25 thứ tiếng. Anh đã đến nhiều nước từ lúc còn trẻ, và kiếm sống bằng cách dạy ngôn ngữ. Mục đích sự tìm kiếm của anh là việc quen biết được một vị minh sư. Anh đến Nam Dương từ Phi Châu, qua trung gian là Ấn Độ. Trong lúc anh ở Tây Java, một người là học sinh của anh tình cờ nói cho anh hay về Bapak. Khi có cơ hội anh lập tức đến thăm Bapak và đặt nhiều câu hỏi. Tất cả những điều Bapak đáp đều làm tâm trí anh mãn nguyện, và anh liền hỏi là mình có thể được ban cho sự giao tiếp đó không. Anh bắt đầu tập latihan, và là người nước ngoài đầu tiên trở thành hội viên.

Hussein cư ngụ nơi nhà Bapak trong một năm. Cảm thấy sứ mệnh của mình là thông báo cho thế giới biết về sự hiện hữu của lối tu tập lạ thường đó, anh tìm đường trở về Âu Châu bằng cách viết bài cho những tạp chí và báo chí về Trung Đông.

Khi đến Nhật Bản, Hussein đã chưa tìm được đường về Âu Châu, và do một bài báo của mình, anh được mời dự một hội nghị về các tôn giáo trên thế giới tại thành phố Shimizu, dưới sự tài trợ của một trong những tôn giáo mới có tên là Anaina-kyo.

Nhưng tại hội nghị về các tôn giáo, không một ai đã chăm chú nghe anh diễn thuyết. Hiển nhiên mục đích đích thực của hội nghị là tuyên truyền cho Anaina-kyo. Thất vọng, anh trở về Tokyo và trên đường về anh đi tìm những vị lãnh đạo tôn giáo nào có thể tự nhiên phần nào hiểu được latihan và Subud. Nghe nói về Dr. Taniguchi từ Seicho-no-Ie, anh yêu cầu được diện kiến.

Khi được cho hay về việc Dr. Taniguchi đã từng thường xuyên nhận được những khái thị về tâm linh, và gần đây thì những điều đó trở nên bớt đi, Hussein nghĩ rằng Dr. Taniguchi có thể sẽ muốn nghe nói về latihan, một đường lối mới mẻ để giao tiếp trở lại với Tạo Hóa. Nên anh đến gặp Dr. Taniguchi và đề nghị ông thử tập latihan. Tuy nhiên, Dr. Taniguchi không thấy hứng thú. Thay vì vậy, do ngẫu nhiên, sự thiếu hứng thú đó lại khiến tôi quen biết Hussein.

Những ngộ nhận và lầm lẫn

Chính nhờ Hussein mà tôi được biết về Subud, và tuy vẫn còn hơi hoài nghi nhưng tôi đã tự mình bắt đầu tập latihan. Chẳng bao lâu tôi nhận thấy là trái với những gì mình mong đợi, quả thực có trên thế gian này có một con đường khiến mình có thể trực tiếp giao tiếp với Đấng Toàn Năng, dưới hình thức một đường lối tu tập. Càng tập latihan, tôi càng bị lôi cuốn. Điều tôi thấy hấp dẫn nhất là cái tính chất giản dị và tinh khiết của nó.

Tập latihan bạn không cần chuẩn bị. Để tiếp nhận được, bạn không cần cầu kinh, lễ nghi, định tưởng, ca hát hay âm nhạc. Nếu được thư thái, bạn hãy tìm cách cảm nhận nội tâm mình, phó thác bản thân mình cho Đấng Tối Cao, và latihan sẽ lập tức khởi phát. Ngay sau khi bạn muốn nó ngưng lại, nó sẽ ngưng lại. Vậy, nó giản dị một cách lạ lùng; latihan có thể xảy ra bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào, mà không cần phải có những thứ phụ thuộc này nọ.

Eckhart nói rằng Thượng Đế là sự Cực Kỳ Giản Dị - Đấng Duy Nhất. Ông cũng nói rằng trong trình tự tâm linh của các sự việc, mình càng lên cao thì các sự việc càng trở nên giản dị, nhưng nếu mình càng xuống thấp thì các sự việc càng trở nên phức tạp. Tôi cảm thấy điều đó cũng đúng với latihan. Chẳng hạn, khi Thượng Đế nói, *Ta muốn có ánh sáng!* thì có ánh sáng. Nhưng loài người, cái trình tự của họ thì thấp hơn rất nhiều với cái của Tạo Hóa, cần phải có dụng cụ, máy móc và những quy trình được định trước, khi họ muốn tạo ra thứ gì. Khi tôi muốn nói về latihan, nó tức khắc tự biểu hiện nơi bên trong bản chất mình, và cái tính cách giản

dị khiến kinh ngạc đó đã thuyết phục được tôi đó là cái gì không do con người tạo ra, mà do tác động của cái quyền năng thuộc Đấng Tối Cao.

Hơn nữa, latihan không khởi phát khi ý chí, dục vọng và tư tưởng hoạt động, mà chỉ tức khắc xuất hiện khi những yếu tố đó của con người được loại bỏ. Điều này không có nghĩa là những yếu tố đó phải biến mất; nó chỉ có nghĩa là những cái đó tạm thời được đặt nơi bên lề của ý thức là nơi chúng không thể tự mình hoạt động được. Như vậy thì ý chí, tư tưởng và dục vọng bị hạn chế lại, và latihan tiếp diễn trong một trạng thái mà ý thức và những cảm giác của nội tâm hoàn toàn thức tỉnh. Tất nhiên điều này là lí tưởng nếu tư tưởng và cảm xúc có thể hoàn toàn được loại bỏ, nhưng thực tế thì không dễ gì được vậy. Tuy nhiên, cái quyền năng hoạt động trong latihan có thể làm cho tư tưởng và cảm xúc mình trở nên yên tĩnh đến chỗ khiến mình tiếp nhận được latihan. Cái trạng thái đó sức mạnh của ý chí không thể ép buộc cho có được, mà chỉ có thể đạt được không nhờ bất cứ nỗ lực nào của con người - và đó là một trong những đặc điểm chánh yếu của latihan.

Đó là cũng là điều che chở sự tinh khiết của latihan, vì ý chí, dục vọng, tư tưởng và cảm xúc của con người thường đem vào chân ngã mình những điều ô uế. (Bạn hãy nghĩ tới tình trạng cảm xúc tinh khiết và trong trắng của một đứa bé sơ sinh mà tư tưởng và xúc động chưa phát triển!). Latihan chỉ có thể khởi phát trong một trạng thái không bị ảnh hưởng bởi hoạt động của những yếu tố đó. Bởi vì Đấng Tối Cao là nguồn gốc của tất cả những gì là tinh khiết, và đối với tôi cái đặc tính đó là bằng chứng về việc quả thực latihan là do cái Nguồn Gốc Thanh Cao đó, và cái sinh lực hoạt động trong latihan là do cái Quyền Năng đó.

Tôi thấy hình như sự kiện latihan có thể hiện hữu trên thế gian này tự nó là một sự màu nhiệm. Tôi chỉ thấy tràn trề vui mừng vì đã được ban cho cơ hội nghiệm được được điều đó do kết quả của một cuộc gặp gỡ thật tình cờ mà hoàn toàn không biết gì về những thử thách và nỗi cực khổ tương lai dành cho mình.

Tôi hơi ý thức được những điều sẽ xảy ra quanh mình, sau khi mình bắt đầu tập latihan được một tháng.

Bắt đầu bị thử thách

Một buổi sáng nọ, tôi thấy trên bàn giấy một điều trên sổ ghi nhớ của mình, khi mình đến cơ quan. Đó là của Dr. Taniguchi và điều đọc được là: 'Tôi muốn một báo cáo về việc latihan hoạt động như thế nào.' Tôi đã không cho bất cứ ai hay nơi cơ quan về việc mình đã bắt đầu tập latihan. Vậy việc Dr. Taniguchi đã sớm phát hiện được điều đó đã khiến mình ngạc nhiên, nói vậy là không quá đáng. Tôi đã biết rằng tại buổi họp với Hussein Dr. Taniguchi đã không nghe theo đề nghị của Hussein là tự mình thử tập latihan xem sao. Điều này sẽ không thành vấn đề nghiêm trọng với mình, nếu tôi phúc đáp cho Dr. Taniguchi. Tuy tin tưởng latihan của Subud nhưng tôi chỉ mới theo tập được một tháng, và không cách nào tìm được những ngôn từ đích xác để thuyết phục bất cứ ai về mục đích của Subud và tại sao tôi lại tin nó. Ngay cả cho tới nay, sau rất nhiều năm tập latihan, tôi vẫn thấy khó dùng ngôn từ mà giải thích được Subud.

Tôi suy nghĩ thật lâu và nhiều nhưng vẫn không biết cách nào để phúc đáp. Tôi đi đến kết luận cách duy nhất là thử viết một cách khách quan đến mức tối đa về những thử tục nhập môn của Subud, hay như điều được gọi là khai mở, kể cả những điều lúc đó xảy ra cho mình, và việc mình cảm thấy thế nào.

Tôi nhận được một phúc đáp của Dr. Taniguchi, ngay ngày hôm sau.

‘Latihan của Subud tương tự với lối tu hành mà tôi theo của phái Omoto Shinto. Có nguy cơ là mình sẽ chiêu hồn những thực thể không xác thực. Anh phải ngưng tập ngay lập tức.’

Theo tình trạng cái quan hệ của mình với Dr. Taniguchi, thì đó đúng là một mệnh lệnh. Về khía cạnh quản lý ông là thẩm quyền cao nhất nơi cơ quan, cao hơn cả ông giám đốc của Kyobunsha; nói theo ngôn từ của tôn giáo thì ông là sư phụ và tôi là đệ tử. Về mọi mặt cái vị thế của tôi là phải tuân lệnh ông. Tuy nhiên tôi không hề có ý định ngưng tập latihan. Tôi đã tin tưởng và theo quan điểm của mình, sự nhận xét của Dr. Taniguchi chỉ dựa trên những ngộ nhận. Tôi biết điều ông muốn nói là gì, khi ông đề cập tới cái nguy cơ bị ma ám, vì đã đọc về điều đó trong cuốn tự truyện của ông. Do đó mà tôi đã nhấn mạnh về điểm đó với Hussein khi lần đầu mình tập latihan. Nhưng tôi thiếu kiến thức và tài khéo léo làm cho Dr. Taniguchi không hiểu lầm mình. Nên sau khi do dự nhiều, tôi đã quyết định là sẽ không phúc đáp ông và sẽ không màng tới những gì ông nhắn.

Tôi lấy làm lo lắng về việc Dr. Taniguchi sẽ đối xử chuyện đó như thế nào, việc ông sẽ nói với mình những gì, nhưng điều may mắn là nhiều ngày trôi qua mà ông không liên lạc gì với tôi. Điều đó đã không làm mất đi quan hệ giữa tôi với ông. Một năm rưỡi sau đó chuyện đó lại xảy ra, và có liên quan tới một căn bệnh mà tôi mắc phải.

Nhóm người không có là bao tập latihan chung quanh Hussein bắt đầu gia tăng, phần đông là những thân nhân và bạn bè của J. Dần dần những bạn bè của tôi cũng tham gia, và nhóm chúng tôi được hơn mười người. Lúc đầu Hussein đã nói rằng nếu có thể so sánh latihan của Subud với trường học, thì đó là trình độ đại học, chứ không là trung học hay tiểu học. Anh có cảm nghĩ những người có thể hiểu rõ được giá trị của latihan phần đông là những người trong giới lãnh đạo tâm linh, những nhân vật ý thức được những giới hạn của con người, cái mức độ tối đa mà họ có thể đạt được qua ý chí và nỗ lực của mình. Hussein mong tìm gặp được những nhân vật đó, để họ giúp cho Subud được truyền bá trên khắp thế giới. Thế nên, sau khi không còn mong mỏi gì được nơi Hội Nghi Quốc Tế Tôn Giáo mà mình được mời đến dự, Hussein đã tìm cách thuyết phục Dr. Taniguchi. Thất bại trong vụ đó, anh đi đến kết luận là mình không

thể truyền bá Subud trên khắp thế giới từ Nhật Bản, và anh quyết định trở về Nam Dương trước mùa đông.

Tháng chín, sáu tháng sau khi đến Nhật Bản, Hussein ra đi y như cách mình đã đến, bằng tàu thủy. Anh có ý định xin thị thực tái nhập cảnh cho Nam Dương từ Hong Kong, nhưng vì những lí do nào đó điều đó đã không thể được, và anh đã phải hai năm ở lại Hong Kong. Kết cuộc thì Hussein đã có mặt bên cạnh chúng tôi không đầy bốn tháng.

Sau khi chúng tôi mất Hussein, J. trở thành trưởng nhóm, và tôi là trợ tá để củng cố nhóm. Mọi người đều nâng đỡ nhau trong latihan. Năm trước đó, tôi đã kết hôn với một đồng nghiệp và bà cũng bắt đầu tập latihan. Vợ tôi cùng với người vợ, người mẹ và chị dâu của J., tạo thành nhóm nữ. Sự việc là như thế, nhóm Subud đầu tiên trên thế giới bên ngoài Nam Dương, được thành lập ở Nhật Bản, và mọi việc có vẻ như đang thăng tiến và tự động tiến hành.

Tuy nhiên, các hội viên hồi đó, kể cả cá nhân tôi, đã ngộ nhận rất nhiều về Subud. Chúng tôi biết được latihan là một phương pháp hoàn toàn mới mẻ khiến giao tiếp được với quyền năng của Thượng Đế, nhưng lại không hiểu được những đặc tính và quá trình nhờ đó latihan tạo nên sự thanh lọc, cùng với cái thái độ và những điều kiện thích hợp cho latihan. Chúng tôi chỉ nghĩ rằng tập latihan sẽ khiến mình tiến triển về tâm linh một cách nhanh chóng hơn những phương pháp khác, và tâm linh mình sẽ cao siêu hơn những người khác. Nói cách khác, sự hiểu biết về latihan của chúng tôi hoàn toàn nằm trong cái khuôn khổ của những điều mình biết về các đường lối thông thường hay thiên định.

Nhóm chúng tôi bị lung lạc trầm trọng, sau khi Hussein đã ra đi khoảng mười tháng. J., trưởng nhóm và cột trụ của nhóm, chợt gửi cho mỗi người một thông điệp trong đó anh cho hay là mình đã quyết định giải tán nhóm Subud Nhật Bản và có ý định tổ chức một buổi họp về chuyện đó vào một ngày nào đó. Với tôi điều đó như sét đánh ngang tai, và tôi vội vã đến nhà J. Để tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Điều tôi hoàn toàn không biết được là J. đã tìm gặp các vị lãnh đạo tâm linh và tôn sư khác để kiểm chứng coi tâm linh mình đã tiến xa tới mức nào với latihan. Anh không hiểu rằng so sánh mình với người khác

là điều hoàn toàn trái ngược với những tư tưởng căn bản của Subud. Điều ngạc nhiên là anh đã dính líu tới những vụ có những quyền lực siêu nhiên đối lập, những điều của các nhà tu khổ thực và khổ hạnh xưa kia. Anh đã tìm gặp được một nữ tôn sư, và pháp thuật của bà đã khiến anh thán phục tới nỗi anh không chút nghi ngờ tin mỗi lời bà nói. Bà nói rằng Thượng Đế cho mình hay bởi vì Hussein đã ra đi, nên Subud là nơi tập trung của ma quỷ, và vì vậy Subud phải lập tức giải thể. Vì tin những lời nói của bà, nên J. tìm cách giải tán nhóm. J. kể lại cho tôi nghe những điều kỳ bí mà anh đã trải qua nhờ bà ta, và khi anh nói, tôi thấy rõ là anh đã bị loạn óc.

Điều may mắn là buổi họp trong có mọi người, đã xảy ra trong một không khí yên bình, và sau khi thông qua các thủ tục, điều được quyết định là mỗi người nên tuyên bố là mình có muốn tập latihan nữa hay không. Tuy mọi người đều thấy rõ là đầu óc J. không được bình thường, nhưng phần đông đã không còn tin tưởng latihan do hậu quả của thái độ và những nói của anh. Nhiều người đã gia nhập nhờ J., và khi anh từ nhiệm thì cuối cùng chỉ còn lại bốn người, kể cả cá nhân tôi, tuyên bố là mình sẽ tiếp tục tập latihan.

Sau vụ đó, cái nhóm chỉ còn lại bốn người của chúng tôi lặng lẽ tiếp tục tập latihan, nhưng bốn tháng sau đó chúng tôi bị một tai họa khác. Tôi đã trở thành trung tâm của nhóm, nhưng lại chợt phải gục ngã vì bệnh lao và không còn thể tham dự các buổi họp. Hiển nhiên việc khi nào tôi sẽ khỏi bệnh là điều không thể tiên đoán được, nên nhóm không đủ sức để tiếp tục và bắt buộc phải thôi tập.

Bị thử thách nhưng được cứu độ

Việc tôi bị bệnh lao là một cú sốc với mình cũng như với những thành viên của nhóm. Hồi đó chúng tôi có nhiều ngộ nhận về Subud, và một trong những điều đó liên quan tới bệnh tật. Chúng tôi tin rằng nếu mình tập latihan, bệnh tật mình sẽ được chữa trị và mình sẽ không bao giờ còn bị đau ốm trầm trọng nữa. Chính Hussein cũng nói như vậy. Nhưng đó hoàn toàn là một sự ngộ nhận. (Hussein hiểu biết rất nhiều về Subud, và đã hấp thụ được Subud khi còn cư trú nơi nhà Bapak. Điều đó khiến anh hiểu thấu Subud, tuy mới chỉ vào Subud được ba năm hay khoảng đó, nhưng có những lĩnh vực trong đó anh thiếu kinh nghiệm và hiểu biết.)

Quả thực nói chung thì khi tập latihan, sức khỏe mình sẽ khá hơn, và latihan cũng tác động tốt đẹp tới bệnh tật. Nhưng mục đích của latihan không là chữa bệnh, mà là thanh lọc toàn thể bản ngã mình, khiến linh hồn mình có thể phát triển và trọn vẹn thấm nhập vào trí óc và cơ thể mình. Đôi khi có tác động thứ yếu là bệnh tật mình được chữa khỏi, nhưng những lúc khác thì có những điều trong quá trình thanh lọc làm cho một căn bệnh tiềm tàng bộc phát, hoặc khi mình trải qua những sự

đột biến, cơ thể mình đôi khi có thể để lộ những triệu chứng tương tự với một căn bệnh. Bệnh tật có nhiều nguyên nhân. Vấn đề một căn bệnh đặc biệt nào đó có được chữa lành hay không bằng cách tập latihan, là điều tùy thuộc nơi những nguyên căn của bệnh, nơi sự liên quan của căn bệnh tới quá trình thanh lọc của mình, và nơi ý muốn của Thượng Đế với mình là gì. Thế nên, điều này là không thích đáng, nếu mình tập latihan chỉ để chữa bệnh. Muốn chữa bệnh thì mình nên đi tìm một y sĩ. Tuy nhiên, hồi đó chúng tôi có quan niệm sai lạc là với điều kiện tập latihan mình sẽ không bị đau ốm.

Khi rõ rệt là tôi bị bệnh lao, ngoài ra còn bị sốt rất nặng, và khi tôi nhận thấy mình không thể nhanh chóng lành bệnh, tôi hoang mang không hiểu tại sao mình đã mắc bệnh. Muốn hiểu tại sao, tôi viết thư hỏi Hussein đang ở Hong Kong, nhưng anh chỉ hồi đáp là mình chưa từng trải qua một điều như vậy, và nghĩ chuyện đó thật lạ thường.

Điều đó đã khiến tôi bị xáo trộn, nhưng một điều khác xảy ra còn làm mình bị thử thách về tâm lí hơn nữa. Khi Dr. Taniguchi nghe nói về căn bệnh của tôi, ông thông báo điều dưới đây trong tập san của Seiche-no-le mà tôi là biên tập viên.

‘Hai thành viên trẻ đầy hứa hẹn của nhóm chúng ta đã dính líu tới Subud, và hậu quả là một người bị điên loạn, người còn lại thì mắc bệnh lao.’

Tuy Dr. Taniguchi không cho biết tên họ của những người đó, nhưng hiển nhiên ông đang nói về J. và tôi. Tôi không nghĩ Subud là nguyên nhân căn bệnh mình, nhưng không có chứng cứ nào để chứng minh là không đúng, và tôi cũng không hiểu chút gì về việc tại sao lại bị bệnh. Đầu óc tôi bị quay cuồng vì những câu hỏi không được giải đáp.

Tôi lo lắng về việc những lời nói của Dr. Taniguchi có thể ảnh hưởng tới cái địa vị là thành viên Kyobunsha của mình, và ngoài ra còn có cái ảnh hưởng tế nhị hơn tới cái địa vị của mẫu thân vừa là thành viên và giáo phẩm của Seiche-no-le. Thực ra, mẫu thân đã được khai mở trong Subud ngay trước lúc J. từ nhiệm. Điều đó làm cho nhóm bị xáo trộn, và mẫu thân đã hai lần nghiệm được latihan. Bà bị đặt trong tình trạng khó

xử là phải lựa chọn giữa sự phán đoán dựa trên kinh nghiệm và sự phán đoán của Dr. Taniguchi, giáo chủ của Seiche-no-le. May mắn là bà chưa từng nói gì để chỉ trích tôi hay Subud.

Cũng có một khía cạnh tài chánh khiến tôi lo nghĩ. Tiền tiết kiệm của mình là con số không, và theo những điều lệ của Kyobunsha thì nếu bệnh tình của tôi không được lành mạnh sau sáu tháng, công ty sẽ phải trả sáu tháng lương nghỉ việc cho tôi, nhưng tôi sẽ không còn được làm việc nữa, và như vậy thì sẽ không còn thu nhập nào. Vợ tôi phải trông nom đứa con đầu lòng, và không thể đi làm, ngay cả khi bà muốn. Nên tình cảnh mình trở nên eo hẹp trong nội cũng như ngoại giới.

Tuy nhiên, đó chính là lúc Đấng Toàn Năng ra tay cứu độ mình. Vào khoảng thời gian đó, một người nước ngoài là hội viên Subud đến Nhật Bản làm việc. Do một sự ngẫu nhiên quái lạ, bệnh lao của tôi trở nên rõ rệt lúc buổi chiều tôi đến gặp người đó. Tên anh là Michael Rogge, và anh là người Hà Lan. Anh làm việc cho Ngân Hàng Thương Mại của Hà Lan, và được chuyển tới từ chi nhánh Hong Kong để giữ chức phó giám đốc của chi nhánh Kobe. Anh được Hussein khai mở ở Hong Kong một tháng trước đó, và trước khi đến Kobe, anh đã gặp Bapak ở Nam Dương. Trong hai tháng đầu ở Nhật Bản anh phải sống tại Tokyo. Chính trong thời kì đó anh viết thư cho tôi.

Nên một buổi chiều tháng chạp, tôi đến thăm anh với một thành viên khác của nhóm Subud. Vì nghĩ mình sẽ phải ăn uống trước khi đến gặp Michael, nên chúng tôi vào một tiệm mì gần nơi anh ở. Chợt nhiên tôi cảm thấy cơ thể mình rất nóng, và nhận thấy mình đang lên cơn sốt. Tôi nghĩ chắc mình đã bị cúm. Sau đó tôi nhận thấy mình bị sốt rất nặng, điều người ta cảm thấy khi bệnh lao sắp phát, khi nó nhanh chóng lan tới phổi. Tuy nhiên, tôi vẫn còn có thể đến gặp Michael rồi về nhà. Ngày hôm sau tôi không thể ngồi dậy khỏi giường.

Việc Michael đến Nhật Bản là niềm an ủi rất lớn cho tôi, vì mình phải trải qua một thời kỳ hồi phục lâu dài. Tất cả các thành viên khác của Subud đều mất niềm tin nơi latihan và đã bỏ đi; thậm chí họ nghĩ rằng Michael ở Kobe, còn tôi thì ở Tokyo, và lúc đó Michael là người duy nhất ở Nhật Bản tập latihan bên cạnh tôi. Tôi liên lạc thư từ với anh bằng vốn tiếng Anh không hoàn hảo của mình. Trong hai năm tôi phải điều

dưỡng, anh cũng trợ giúp tôi về mặt tài chánh. Ngay cả khi tôi không hề yêu cầu anh giúp cho mình về tài chánh, anh cũng mỗi tháng gửi tiền cho tôi, không lần nào thiếu, vì tôi vẫn chưa có thu nhập. Số tiền đó cần thiết cho sự sống còn của bản thân tôi, của vợ tôi và đưa con gái sinh ra lúc tôi bệnh tật. Vậy, bệnh tật đã làm cho mình mất đi tất cả các bạn bè, nhưng lại khiến cho mình được một người bạn quý mến là người nước ngoài và hội viên Subud.

Michael cũng viết cho tôi một bức thư gửi cho Bapak về căn bệnh của tôi. Hồi đó, Bapak chỉ liên lạc thư từ bằng tiếng Nam Dương hay tiếng Hà Lan, và tôi không thể trực tiếp viết thư cho người. Michael nhận được một bức thư hồi đáp bằng tiếng Hà Lan của Bapak, và gửi cho tôi một bản dịch qua tiếng Anh. Bapak đã hồi đáp câu hỏi của anh như dưới đây.

Về câu hỏi của ông Tatebe, việc ông ấy có được phép tập latihan ở nhà hay không, Bapak trả lời là được, nếu ông ấy có thể làm cho latihan mình ngưng lại mà không cần sự trợ giúp của người khác. Về câu hỏi thứ hai của anh: nếu chính ông ấy nghĩ rằng tiếp tục đi bác sĩ khám bệnh là cần thiết, Bapak cũng nghĩ vậy. Trả lời câu hỏi thứ ba của anh: căn bệnh đó không do latihan, mà ngược lại thì đúng hơn. Trước khi bắt đầu theo tập latihan, ông ấy đã có nhiều căn bệnh khác, những điều mà ông ấy không nghĩ rằng đó là bệnh tật, vì không cảm thấy đau đớn, thì thực ra đó là bệnh tật. Latihan có kết quả là khiến ông ấy cảm thấy đau đớn vì căn bệnh của mình.

Lời khuyên của Bapak là như sau:

Thượng Đế hiểu được khả năng linh hồn của mỗi cá nhân, và hiểu được việc mỗi cá nhân có thể như thế nào tiếp nhận được đặc ân của Thượng Đế. Lời khuyên của Bapak cho những ai theo tập latihan là hãy phó thác mọi việc cho sự vĩ đại của quyền năng Thượng Đế. Với ông Tatebe thì cũng thế. Ông ấy nên phó thác mọi việc cho Đấng Toàn Năng, để cho Thượng Đế có thể chữa lành căn bệnh của ông, và làm cho ông được mạnh khỏe hơn trước nhiều.

Tôi ngạc nhiên thấy Bapak biết được mình đã có nhiều bệnh tật, trong đó bệnh phổi chỉ là một, nhưng những điều người giải thích khiến tôi bớt lo sợ. Những gì Bapak nói khiến tôi có thể hiểu được rằng bệnh lao

của mình đã ngấm ngấm nơi mình trước khi mình bắt đầu tập latihan. Cả phụ thân và ông anh tôi đều đã mắc bệnh lao, và những triệu chứng như màu sắc của đờm rãi mình đã khiến tôi tự hỏi chắc là mình đã bị lao nhiều năm trước đây.

Tuy nhiên, tôi xem thường lời khuyên phó thác mọi việc cho Thượng Đế của Bapak, và thấy điều đó không có gì là thâm thúy. Nhiều tôn giáo đã nói tới sự quy thuận Thượng Đế, và tôi đã rất quen thuộc với những ngôn từ đó. Nhưng tôi đã không nhận biết được sự khác biệt giữa việc hiểu được những lời nói đó trong đầu óc mình và đem dùng nó trong thực tế, và cũng không thấy được rằng mình đã hoàn toàn không tin cậy cái quyền lực toàn năng đó. Quy thuận cái quyền năng đó vừa là khởi điểm vừa là chung cuộc của Subud, và tuy tin tưởng Subud và chuyên cần tập latihan, nhưng với tôi quy thuận chỉ là một khái niệm trong đầu óc.

Hậu quả là thay vì nghe nghe theo lời khuyên của Bapak mà hoàn toàn phó mặc cho Thượng Đế những gì sẽ xảy ra, tôi lý luận rằng nếu hiệu quả của latihan là làm lộ diện căn bệnh ngấm ngấm của mình, thì chắc chắn latihan sẽ chữa lành được nó. Nên thực ra tôi càng chuyên cần tập latihan hơn. Tôi vẫn còn bị huỷ hoại bởi cái ảo tưởng là như vậy thì bệnh tật mình sẽ được chữa trị. Tôi muốn cho Dr. Taniguchi thấy là ông đã sai lầm khi nói rằng căn bệnh của tôi là hậu quả của việc tập latihan, và có ý định sẽ tái lập nhóm Subud càng sớm càng tốt. Nhưng ít ra thì nếu tôi được lành bệnh một cách kỳ diệu bằng cách tập latihan, điều đó tự nó sẽ bác bỏ được lập luận của ông, và khiến tôi không còn phải nghi ngờ. Nếu không thì Subud sẽ thua bại và Dr. Taniguchi sẽ thắng cuộc. Đó là lỗi lý luận của mình. Hiện nay nhìn lại việc đó, lỗi lý luận đó ngu xuẩn như thế, nhưng hồi đó tôi không biết được đó chỉ là ý muốn của chính mình, và thực ra là điều hoàn toàn trái ngược với sự quy thuận Đấng Toàn Năng.

Tôi không chịu vào bệnh viện, vì muốn được tự do tập latihan. Thay vì theo đúng cái nguyên tắc tập latihan hai hay ba lần mỗi tuần, tôi tập latihan hằng ngày, và đôi khi thậm chí hai lần mỗi ngày để cho bệnh tật mình được chữa lành sớm hơn. Đó là một sự ngộ nhận dựa trên cái quan niệm phổ biến là càng làm việc nhiều bao nhiêu thì những thành quả mình gặt hái được sẽ càng nhiều bấy nhiêu. Tuy nhiên, sự tiến

bộ trong latihan là điều do Thượng Đế định đoạt, Đấng hiểu được tình trạng của mỗi cá nhân. Điều đó thật rõ ràng trong lời khuyên này của Bapak: ‘Thượng Đế hiểu được khả năng linh hồn của mỗi cá nhân, và hiểu được mỗi cá nhân có thể tiếp nhận nhiều như thế nào đặc ân của Thượng Đế.’ Thay vì phó thác mọi việc cho Thượng Đế, tôi đã hiểu lầm như vậy nghĩa là bằng cách tập latihan cho thật nhiều, mình sẽ sớm hơn xứng đáng nhận được đặc ân của Thượng Đế.

Trước hết tôi chuyên tâm tập latihan ở nhà, và dùng thời gian còn lại để dưỡng bệnh và đọc Cựu Ước, Kinh Koran và những kinh Phật mà mình chưa được dịp đọc trước đây. Trong thời kỳ đó, tôi có một chứng nghiệm bất ngờ. Điều đó xảy ra trên đường về nhà từ một bệnh xá gần đó, nơi tôi đến để lấy một vài món thuốc.

Lúc đó là vào khoảng giờ ăn trưa và không có một bóng ma nào nơi đó. Ngay khi chậm chạp đi xuống một đường dốc thoải, chẳng hiểu vì sao tôi lại bị một cảm xúc ăn năn đối với Thượng Đế chiếm đoạt lấy mình. Đó là một xúc động hoàn toàn mới mẻ, khác hẳn cái cảm giác ân hận. Tôi phải xin lỗi và xin được tha thứ -không phải cho những hành vi đã qua, mà cho tình trạng hiện nay của mình. Tôi hiểu được rằng trong lúc tiếp nhận cái ân phước phi thường của latihan Subud, tôi cũng có thể thấy được tình trạng mình không được trong sạch như thế nào, và dù mình có xin lỗi nhiều lần đi nữa thì như vậy cũng vẫn sẽ không bao giờ đủ. Hiển nhiên đó là điều gì đã tuôn ra từ nơi thâm sâu nhất của bản chất mình. Một mặt, tôi hơi lấy làm ngạc nhiên, mặt khác, tôi có thể quan sát bản thân mình. Ngay lúc đó, tôi khóc. Tôi hiểu được rằng đó là sự thành tâm ân hận của linh hồn mình.

Tuy tôi đã có những chứng nghiệm như vậy, nhưng hiển nhiên là sức khỏe mình đã không khá hơn sau ba, bốn và ngay cả sáu tháng. Tôi càng bối rối hơn và bắt đầu mất kiên nhẫn. Sau chín tháng trong đó mỗi ngày phải chiến đấu rất nhiều với tinh thần mình, tôi hoàn toàn bị kiệt quệ và đành chịu thua. Sau nhiều lần tranh luận với mẫu thân, tôi đồng ý vào bệnh viện nằm. Những gì mình trông cậy vào đã hoàn toàn tiêu tan và tình trạng mình hoàn toàn kiệt quệ, tôi dẹp bỏ cái ý định muốn chứng minh những luận điệu của Dr. Taniguchi là không đúng. Trong tình trạng đó, tôi bỏ luôn cả cái ý kiến quyết chí muốn tái lập nhóm Subud -quả thực tôi đã không màng tới những gì sẽ xảy ra. Tôi vào nằm một bệnh

viện cho bệnh lao tại Nakano. Những gì tôi hiểu được sau này thì đó là những bước đầu của mình để có thể hoàn toàn quy thuận và tin cậy Thượng Đế. Đó không phải là tôi đã tự đưa mình đi trên con đường quy thuận, mà là hoàn cảnh mình đã bắt buộc mình đi trên con đường đó. Đến nước này thì tôi cóc cần mọi chuyện, nhưng thực ra lại nhận thức được đó là lần đầu mình phó thác định mệnh mình cho điều gì cao cả hơn bản thân mình.

Một khi đã dẹp bỏ mọi việc và vào bệnh viện, tôi cảm thấy thư thái. Khi được khám bệnh, tôi hay được là lá phổi bên phải của mình có hai hố hốc, và căn bệnh đã lan qua lá phổi bên trái, khiến phải mổ. Hồi đó, việc trị bệnh bằng thuốc men chỉ mới bắt đầu, và phẫu thuật là phương pháp được ưa chuộng. Điều may mắn cho tôi là không phải mổ ngay lập tức, và bởi sự trị liệu bằng thuốc men có tiến bộ, nên dần dần có những dấu hiệu cho thấy tình trạng mình trở nên khả quan và tôi sẽ không phải bị mổ.

Phần nhiều thời gian của tôi là đọc những sách mà Michael cho tôi mượn. Đó là những sách về thuyết thần trí (theosophy) hay của những tác giả chưa được giới thiệu ở Nhật Bản như Krisnamurti, Gurdjieff và Ouspensky và vân vân. Tôi có thể đọc những sách đó bằng tiếng Anh vì có nhiều thời giờ.

Tôi cũng có thể tiếp tục tập latihan, bằng cách lựa những chỗ lúc nào đó không có nhiều người. Vì đã dẹp bỏ cái ý định chẳng bao lâu sẽ tái lập được nhóm Subud, nên tôi muốn lặng lẽ tập latihan trong mười năm cho tới khi mình có đầy đủ kinh nghiệm. Tôi đã học và hiểu được điều này là khó khăn như thế nào nếu mình tìm cách làm cho người khác nhìn nhận latihan.

Sau tám tháng nằm bệnh viện, tôi nhận được những tin bất ngờ trên giường bệnh mình. Hussein đã bị kẹt ở Hong Kong, cuối cùng đã trở về Anh quốc và khai mở cho John Bennett là người lãnh đạo nhóm Gurdjieff ở Anh sau khi Gurdjieff và Ouspensky qua đời, và Bennett đã mời Bapak đến Anh. Mọi việc đã nhanh chóng xảy ra, và các tin nhận được đều ngắn gọn và mau lẹ. Hàng trăm người đã được khai mở ở Anh qua hệ thống Gurdjieff, và việc cô đào điện ảnh người Anh Eva Bartok được lành bệnh một cách kì diệu khiến cho giới truyền thông xôn xao.

Được mời đến, Bapak đến thăm nước Đức và Hà Lan, và sau đó đến Mỹ và Úc.

Đối với tôi, những biến cố đó khó tin được. Hussein đã kể cho tôi hay là khi anh được khai mở, Bapak đã nói với anh là chẳng bao lâu nữa người sẽ du hành khắp thế giới, nhưng hồi đó tôi không thể tin được. Hồi đó mà khách quan nhận xét thì chưa có một cơ cấu nào khiến cho điều đó có thể xảy ra, và tôi cũng cho là chuyện đó không thể có được. Nhưng sự kiện hiển nhiên chuyện không thể xảy ra đã thực sự xảy ra là điều đủ làm cho nhịp tim tôi đập nhanh thêm. Đường lối mà tôi theo, việc tiếp tục tập latihan một mình trong mười năm, có lẽ cần phải được làm cho thích nghi.

Thực ra, tôi chưa được bình phục và phải mất thêm bảy tháng nữa. Khi cuối cùng được trở về nhà, tôi nghĩ rằng mình đã học được thế nào là kiên nhẫn, và biết là chắc mình có thể sẽ đối phó với bất cứ gì chợt xảy ra trong tương lai. Tuy nhiên, tôi không biết gì nhiều về những gì sẽ đợi chờ mình.

Những chứng nghiệm ban đầu

Nơi đầu tiên tôi đến thăm sau khi xuất viện là nhà của J. Tuy anh đã làm những gì đã làm và bỏ Subud, nhưng tôi nghĩ có lẽ tình trạng anh đã bình thường trở lại, và muốn coi xem bây giờ anh như thế nào và nghĩ gì về Subud.

J. dạy Anh ngữ tại đại học. Mới đầu, anh hành xử như mình đã hoàn toàn quên hết những gì đã xảy ra trước đây, nhưng ngay sau khi tôi cho anh hay về việc Bapak hiện đang bên Anh và Subud đã bành trướng tới nhiều quốc gia Châu Âu, anh tỏ vẻ rất chú ý. Phụ thân J. nói với tôi là chính ông cũng muốn tiếp tục tập latihan nhưng đã bắt buộc phải bỏ tập vì lối hành xử tệ hại của người con trai mình. Bà vợ của J. và chị dâu của anh cũng có ý muốn tập latihan nhóm, nếu nhóm Subud được tái lập. Vậy, một cách bất ngờ tôi thấy mình có thể lập tức tái lập nhóm như đã mong muốn.

Tuy nhiên có một vấn đề cấp bách phải giải quyết trước khi tôi có thể làm được vậy. Đó là việc mưu sinh. Điều may mắn là Kyobunsha đã liên lạc với tôi qua mẫu thân để cho hay là tôi có thể làm việc trở lại. Không những thế, họ vui mừng để cho việc làm của tôi được thích ứng trong một khoảng thời gian với tình trạng dưỡng bệnh của mình. Tôi ngờ rằng như thế phần nào là do ý muốn của Dr. Taniguchi, và quả thực đối với một kẻ bị yếu mệt như tôi sau một thời gian dài lâu lấy lại sức khỏe thì sự đề nghị giúp đỡ đó là sự độ lượng mà mình không hề yêu cầu. Nhưng tôi trì hoãn lại việc cho hay mình có bằng lòng hay không. Cuối cùng mẫu thân và ông anh tôi bắt đầu mất kiên nhẫn. Tin chắc là không ai sẽ mướn một kẻ ốm yếu như tôi, ông anh tôi đành chịu thua trước điều đối với ông là sự đại đột của tôi. Xét một cách khách quan, ông nghĩ như vậy là đúng. Cùng ở chung với tôi kể từ lúc tôi vào bệnh viện, mẫu thân thường mỗi ngày đem chuyện đó ra bàn cãi, ngay khi bà đi làm về từ Seicho-no-le.

Lý do khiến tôi ngần ngại không trở lại làm việc tại Kyobunsha là vì nếu làm vậy, tôi sẽ không thể công khai tiếp tục tập latihan, và như vậy sẽ khiến cho việc tái lập nhóm Subud trở nên mơ hồ. Nhưng mẫu thân dứt khoát không hiểu được tại sao điều đó lại quan trọng. Bà lập luận là muốn tập latihan thì điều này đâu có gì là không được, nếu tôi âm thầm tập trong một khoảng thời gian. Cuối cùng là một giải pháp làm vừa lòng đôi bên; mẫu thân năn nỉ tôi đi làm trở lại chỉ trong một hay hai năm, rồi sau đó tôi có thể kiếm một cơ nào đó để xin nghỉ việc.

Nhưng tôi vẫn còn do dự. Tôi tranh cãi với bà, nhưng chẳng đi tới đâu hết.

-Nếu con còn thấy ngại không muốn đi làm trở lại, thì chắc chắn là vì con không thích Seicho-no-le.

-Thế thì tại sao con lại không làm như điều mẹ bảo?

-Vì con không muốn âm thầm tập latihan.

-Nếu con nói thế thì như vậy là vì con chống lại Seicho-no-le.

Mẫu thân hiện là một giáo phẩm hàng đầu của Seiche-no-Ie, và Dr. Taniguchi không những là thượng cấp của bà, mà còn là giáo chủ của một giáo phái mà bà là môn đồ; ông còn là một nhân vật mà bà mang ơn vì đã khiến mình được lành mạnh khỏi một căn bệnh hiểm nghèo. Cho tới lúc đó chắc hẳn mẫu thân đã phải xấu hổ vì những điều Dr. Taniguchi tuyên bố về căn bệnh của tôi. Điều đó phần nào có liên quan tới bà, vì hiển nhiên những đề nghị của Kyobunsha là làm theo ý muốn của Dr. Taniguchi; đối với tôi từ chối có nghĩa là bất chấp thiện chí của ông, và như vậy là công khai chống đối giáo lý và uy quyền của ông. Nếu điều đó xảy ra, bà cảm thấy con đường duy nhất của mình sẽ là rời bỏ Seiche-no-Ie. Tôi đau lòng ý thức được hoàn cảnh của mẫu thân, nên không thể dứt khoát từ chối đề nghị nói trên mà chỉ có thể trả lời một cách ngập ngừng.

Tình trạng đó kéo dài nhiều ngày cho tới khi có một điều bất ngờ xảy ra. Một buổi tối nọ, chúng tôi tranh luận cho tới hai giờ sáng; mẫu thân đi ngủ vì mệt mỏi, trong khi tôi vẫn còn ngồi nơi mình đã ngồi. Mệt là người, tôi cảm thấy đầu mình nóng tới nỗi như có chất chì bị nấu chảy trong đó, và tôi không thể suy nghĩ và ngủ được. Nửa tỉnh nửa mơ, tôi ngước mắt lên và thì thầm gọi danh hiệu của Thượng Đế.

Ngay lúc đó, tôi cảm thấy một sự rung động nhẹ nhàng và có một cái gì đó đi xuống như một đám mây trong suốt nó bao bọc lấy toàn thân mình. Tôi cảm thấy như có một cơn gió nhẹ mát mẽ thổi qua đầu óc mình, và tức thì lúc đó cái đầu mà mình cảm thấy là nặng nề chợt trở thành một tấm giấy trắng. Tôi cảm thấy như mình đang quan sát bộ óc trống không của chính mình. Và hình như có ai đó nói: "Hãy viết một bức thư cho Dr. Taniguchi."

Ngay sau khi điều đó được nói ra, hết chữ này tới chữ khác bắt đầu hiện ra trong đầu óc tôi, như có một máy chữ điện đang hoạt động. Những chữ đó đến với một tốc độ khiến tôi có thể đọc được, và ngay sau khi tôi đọc xong một chữ, nó liền biến mất để nhường chỗ cho chữ kế tiếp. Điều khiến tôi ngạc nhiên là những chữ đó tạo thành một bức thư mà tôi phải viết cho Dr. Taniguchi. Trong bức thư đó, tôi thẳng thắn bày tỏ những ý nghĩ của mình về latihan của Subud. Tôi nói rằng mình không hề có ý định tiếp tục tái lập nhóm Subud, và không cảm thấy có sự đối nghịch giữa Subud và những quan niệm của Seiche-no-Ie. Thế nên, điều

này không là vấn đề nếu tôi tiếp tục làm việc cho Kyobunsha, và mang ơn đề nghị của công ty. Tuy nhiên, điều có thể xảy ra là những ý định của tôi sẽ bị coi là có vấn đề với tổ chức Seiche-no-le hay với tình trạng hòa hợp của những nhóm trong đó. Do đó mà tôi để cho Dr. Taniguchi tùy ý phán xét việc tôi nên hay không trở lại làm việc.

Bức thư đó viết khá dài. Khi tôi xong xuôi, đám mây trong suốt tan đi và tôi chợt tỉnh lại. Đầu óc tôi thật khuây khỏa. Tôi không biết kết quả sẽ ra sao nhưng nghĩ rằng mọi việc sẽ khả quan hơn. Tôi đến lay mình bà mẹ đang ngủ của mình, để nói cho bà hay là chẳng có gì phải lo, mọi chuyện sẽ được tốt đẹp, nhưng hiển nhiên trong lúc còn nửa tỉnh nửa mơ, bà đã không biết chút gì về những điều tôi đang nói.

Điều xui xẻo duy nhất là tôi đã hoãn lại việc viết thư cho tới ngày hôm sau và đã đi ngủ ngay sau đó. Vì tin chắc những lời nói đó đã được khắc sâu vào đầu óc mình, nên tôi không hề nghĩ là mình có thể quên đi bất cứ chữ nào. Nhưng ngày hôm sau khi đến ngồi nơi bàn giấy mình, tôi nhận thấy mặc dù mình vẫn còn nhớ những ý chính, nhưng ký ức của mình về những chi tiết và những từ ngữ đã được dùng thì trở nên mờ nhạt. Hậu quả là bức thư do chính mình viết ra thì kém xa bức thư kỳ diệu mà mình đã nhận được.

Chắc chắn là Dr. Taniguchi đã cảm thấy cái gì đó khi ông đọc bức thư. Cuối cùng tôi nhận được hồi đáp của ông: “Anh đã chứng tỏ được lòng chân thật của mình, và tôi tin rằng hiện nay anh đang được một vị thần hộ vệ siêu đẳng nào đó hướng dẫn. Tuy nhiên, vì anh mong muốn tạo nên một nhóm Subud, tôi cảm thấy điều tốt hơn hết là anh không theo Seiche-no-le nữa mà làm những điều của mình nơi bên ngoài Seiche-no-le.

Vậy thì vấn đề của tôi đã được giải quyết. Không ai trong Seiche-no-le sẽ trách cứ tôi được, nếu tôi ra đi theo chỉ thị của Dr. Taniguchi, theo hồi đáp của ông do những yêu cầu của tôi. Địa vị của mẫu thân cũng sẽ không bị hề hấn gì. Tôi đến thăm Dr. Taniguchi với mẫu thân nơi tư gia ông, và ông vui lòng chúc phúc cho tôi.

Đối với tôi khi mình bị đặt trong một tình thế tiến thoái lưỡng nan, thì giải pháp đó là một đặc ân của Thượng Đế. Thực vậy, có thể nói rằng đó

là cái chứng nghiệm tâm linh đầu tiên và đích thực của tôi, kể từ lúc bắt đầu tập latihan. Đó là điều hiếm có khi mình nhận được mỗi chữ của một bức thư dài, từ đầu tới cuối, và thực ra kể từ đó trở đi tôi đã chưa từng nhận được những chỉ thị cận kề như vậy. Tôi cảm thấy nguyên nhân khiến mình được trợ giúp một cách đặc biệt như vậy là điều liên quan tới việc sau này mình tái lập nhóm Subud. Điều kỳ lạ xảy ra trong đó có một bức thư viết cho mình vừa là của mình, vừa không là của mình, đã khiến tôi suy nghĩ và nhận thấy mình đã được sáng mắt trong nhiều trường hợp.

Trước hết, cái ý nghĩ về việc viết thư cho Dr. Taniguchi là điều hoàn toàn bất ngờ và một sự lựa chọn mà tôi không hề ấp ủ. Tôi cảm thấy bất cứ những gì mình viết để truyền đạt ý tưởng của mình trong một bức thư cho Giáo Chủ, là điều sẽ bị coi là chống đối lại uy quyền của ông, sau khi ông tuyên bố Subud là nguyên nhân căn bệnh của tôi, và như vậy thì tình trạng của tôi sẽ trở nên tồi tệ hơn. Do đó mà tôi đã không coi đó là một sự lựa chọn. Nhưng việc làm của Thượng Đế thì khác hẳn.

Kể đến, nội dung của bức thư chẳng có gì là kỳ quái. Tôi đã bày tỏ ý nghĩ của mình về Subud một cách thẳng thắn và biết điều khiến cho không thể hiểu lầm được, và những gì tôi viết trong thư đều chan chứa lòng biết ơn và sự biện luận có cơ sở. Sau này, tôi nhiều lần nghe Bapak nói rằng Thượng Đế là ‘Đấng bình thường’.

Nhưng điều khiến ngạc nhiên nhất với tôi là mình đã để cho Dr. Taniguchi định đoạt vận mệnh mình. Giao phó vận mệnh mình cho một người khác là điều tôi chưa từng nghĩ tới. Nhưng khi đang viết – hay đang đọc - bức thư nói trên, tôi hiểu rằng giao phó vận mệnh mình cho Dr. Taniguchi không gì khác hơn là quy thuận Thượng Đế, và đó là điều tôi đã làm trong hoàn cảnh đó.

Do đó mà Dr. Taniguchi đã cảm thấy được cái gì đó khi đọc bức thư của tôi, và kết quả của mọi chuyện là điều khiến cả mẫu thân lẫn bản thân tôi được hài lòng, rất có thể là kể cả Dr. Taniguchi.

Mọi việc đều được êm xuôi sau vụ đó. Michael mời tôi đến nhà anh tại Kobe ở trong một tháng, và chúng tôi dự tính dịch ra tiếng Nhật và xuất bản cuốn Về Subud (Concerning Subud) của John Bennett đã được xuất

bản ở Anh. Để cho sách được xuất bản nhanh hơn, chúng tôi đồng ý là chia việc dịch thuật cho ba người, J., người chị hay em dâu của anh và bản thân tôi.

Khi trở về Tokyo tôi nhận thấy J. đã bắt đầu chuẩn bị thành lập nhóm Subud và đang tìm kiếm một nơi chốn cho latihan. Lúc đó cũng có hai hay ba người bạn thân của anh gia nhập, và một nhóm latihan được lập lại trong tháng sáu. Vì tôi đã không làm việc trở lại tại Kyobunsha, nên vấn đề trọng yếu là kiếm việc làm. Tuy nhiên, sau khi đã trải qua tất cả những điều nói trên, tôi không mấy lo lắng.

Thậm chí tôi đã không phải đi kiếm việc, vì một người bạn mà tôi chỉ quen biết sơ qua, đến cho tôi hay là văn phòng sở hữu trí tuệ (patent office), nơi phụ thân anh làm việc, đang tuyển nhân viên. Tôi có thể bắt đầu đi làm từ tháng tám. Văn phòng đó là một cơ quan sở hữu trí tuệ quốc tế mà 90% các công việc là làm bằng sáng chế (patent) và những đơn xin tên thương mại (trademark applications) từ Nhật Bản gửi cho nước ngoài và ngược lại. Điều may mắn là tôi đã quen thuộc với tiếng Anh lúc còn nằm bệnh viện, và sau một cuộc gặp mặt ngắn ngủi với ông giám đốc, tôi lập tức được nhận vào làm việc.

Tiếp theo là những ân phước còn bất ngờ hơn nữa. Công ty sở hữu trí tuệ đã bành trướng, và tháng giêng kế tiếp phải chuyển tới một cao ốc mới. Tới lúc đó, vì nơi chốn cho văn phòng quá nhỏ bé và không có chỗ đặt một bàn giấy cho tôi, người ta hỏi tôi là có được hay không nếu cứ hai ngày thì đến làm việc một lần. Đối với tôi, một kẻ đã phải nằm liệt giường và chưa hoàn toàn được bình phục, điều đó như một giấc mộng đã trở thành sự thật. Chỉ sau khi bắt đầu làm việc tôi mới nhận thấy ban đầu ngay cả nếu chỉ làm việc có một ngày thôi thì mình sẽ phải mệt mỏi và phần nhiều thời gian ngày hôm sau sẽ phải nằm giường.

Đầu đề cuốn sách của Bennett được dịch thành Subud, sự màu nhiệm của thế kỷ 20 và được xuất bản vào tháng chạp. Michael mong muốn chúng tôi mời Bapak đến Nhật Bản đúng vào lúc sách được xuất bản. Chúng tôi vẫn còn chỉ là một nhóm nhỏ bé, và cái triển vọng mời Bapak đến có vẻ như khó thực hiện được, vì chúng tôi thiếu tài chánh. Tuy nhiên, nhờ những cố gắng của Michael, sự chấp thuận của Bapak và sự trợ giúp của Subud Anh, chúng tôi đã có thể khiến cho việc đó thành sự

thật.

Tháng hai năm sau (1959) Bapak đến Nhật Bản. Cuốn sách của ông Bennett đã tạo nên nhiều phản ứng nơi người đọc, và trong năm ngày Bapak ở Nhật Bản, có hơn 200 người đã tiếp nhận được latihan. Như vậy thì nhóm Subud Nhật Bản đã được tái lập một cách kì diệu, và Bapak bổ nhiệm phụ tá và một ban quản trị. Tôi xin phép được giải thích phụ tá là những người có trách nhiệm khai mở những hội viên mới và trông chừng latihan họ, còn công việc của ban quản trị là quản lý khía cạnh tổ chức của nhóm. Như vậy, chúng tôi bắt đầu lại từ đầu với nhiều hội viên mới, và tôi trở thành một trong bốn phụ tá nam được bổ nhiệm.

Chứng nghiệm cơ bản của nội tâm

Khoảng sáu tháng sau khi Bapak lần đầu đến Nhật Bản, ngày tháng của tôi cực kì bận rộn. Vì là phụ tá, tôi phải hỗ trợ latihan của hội viên, giảng giải cho hội viên dự bị, khai mở cho hội viên mới, tham gia thành lập những nhóm tại những đô thị khác. Không có đủ phụ tá, nhưng mặc dù vậy, đó không là một điều nên làm, nếu tôi bổ nhiệm những người hầu như không có chút kinh nghiệm nào về latihan.

Cuối cùng, vào mùa hè, số phụ tá gia tăng và tôi có thể nghỉ mệt. Tôi cảm thấy một cơn mệt êm dịu và một sự hài lòng bình tĩnh. Tôi thấy hình như mình đã làm tròn được trách nhiệm của mình, vì là một trong những người đầu tiên ở Nhật Bản đã phát hiện được Subud, và do đó vai trò của mình đến đó là hết. Có lẽ vì mệt mỏi nên tôi cảm thấy trong lòng mình có cái gì đó na ná như sự khát khao được chết hay Thiên Đàng. Tuy nhiên, tôi lại bị lôi cuốn vào một cơn lốc của những sự cố trong mùa thu năm đó, một cơn lốc kéo dài hơn hai năm, và trở thành một điều có ý nghĩa nhất trong đời mình mà nội tâm mình nghiệm được.

Ban đầu là những sự cố khá kì bí. Những điều đó lần lượt xảy ra, và đối

với tôi thì hoàn toàn không thể hiểu được. Nhìn lại vụ đó, tôi nhận thấy chuyện đó đã bắt đầu một năm trước đó, khi sức khỏe mình hồi phục và tôi bắt đầu làm việc tại công ty sở hữu trí tuệ. Ban đầu là những giấc mơ kì bí trong hai đêm liên tiếp; trong đêm sau khi tôi đến công ty sở hữu trí tuệ để xin việc và trong đêm kế tiếp.

Trong giấc mơ đầu tiên, tôi đi một mình xuống một đường hầm đen tối. Tôi có thể trông thấy một ánh sáng mờ nhạt, và nghĩ rằng đó là lối ra. Khi đến gần hơn tôi trông thấy bức tường bên phải mình có chỗ lõm thành một căn phòng, trong đó có một ông cụ tóc trắng đang ngồi bên một bàn giấy đối diện đường đi. Khi tôi đi qua trước mặt ông, ông kêu gọi tên tôi. Vì nghĩ có thể ông quen biết mình, tôi đứng lại, và ông từ tốn cho tôi hay ba điều.

“Bệnh tật của cậu không là lỗi cậu. Nó do huyết tộc của cậu.” Điều thứ nhất ông cho hay.

Đó là “Những người biết tới tên tuổi cậu sẽ tăng lên gấp đôi, thậm chí gấp ba, sẽ có nhiều hơn là những người cậu hiện nay quen biết.” Đó là điều thứ hai ông cho hay.

Kể đến ông cụ lấy ra hai hay ba bức phác họa và đưa cho tôi coi. Những bức họa đó mô tả một thiếu nữ từ đầu tới vai, theo những góc cạnh khác nhau.

“Tốt hơn là cậu nên kết hôn với người đàn bà này,” ông cụ nói.

Tuy ông cụ có vẻ quen biết tôi, nhưng sao ông lại không biết là tôi đã có gia đình và một đứa con? Tôi nghĩ như vậy nhưng không nói ra. Khi ông không còn nói gì nữa, tôi quyết định đi, nhưng ngay khi mở cửa ra thì tôi thức giấc.

Đó là một giấc mơ có ý nghĩa nhưng tôi không biết được sự việc sẽ ra sao. Về bệnh tật của tôi, điều ông cụ nói chắc chắn là bệnh lao, nhưng làm sao đó lại có thể là lỗi lầm của huyết tộc mình? Về điều tiên tri thứ hai của ông, ngay cả khi nhóm bạn bè không là bao và thân thiết của tôi tăng lên gấp ba, thì như vậy có gì là trọng đại khiến ông phải cho hay?

Nhưng đặc biệt là cái đề nghị sau hết về hôn nhân, như vậy nghĩa là gì? Tuy có vẻ như quen biết tôi, nhưng ông lại không biết được sự kiện là tôi đã có vợ mà còn cho tôi hay tốt hơn là tôi nên kết hôn với *người đàn bà* này. Tại sao ông cụ lại đề nghị một điều vô lý không thể thực hiện được như vậy? Dù cố gắng tới đâu đi nữa, tôi cũng không thể hiểu được, và quyết định quên đi giấc mơ đó.

Tuy thế, đêm kế tiếp tôi lại có một giấc mơ khác có ý nghĩa. Lần này thì tôi có mặt trong một căn phòng nhỏ bé, đen tối. Trên một chiếc bàn nhỏ bé có một cái đèn, và đèn thì chiếu một ánh sáng mờ nhạt trên một đồng thẻ trông như quân bài, và những quân bài đó thì đặt trên bàn. Có nhiều người đang đứng chung quanh, nhưng vì quá đen tối nên không thể trông thấy khuôn mặt họ. Có những người khác đang tìm cách bước vào qua khung cửa. Những kẻ chung quanh bàn thì chìa tay ra để nhận lấy quân bài. Vì nghĩ mình cũng nên lấy một quân bài trước khi mọi người lấy hết, nên tôi đi đến từ phía sau và lấy một quân bài. Tôi lật nó lên. Trên đó có viết những chữ màu đỏ hồng là *Đi vào*. Thắng *Lợi*. Giấc mơ đến đó là hết.

Đây lại là một giấc mơ khác cũng có vẻ khó hiểu. Tuy nhiên, vì thấy những giấc mơ đó đã xảy ra trong đêm sau khi tôi đi xin việc và trong đêm kế tiếp, nên tôi coi nó có nghĩa là tối thiểu công việc đó sẽ không là một công việc tồi tệ. Chẳng bao lâu sau đó, tôi quên đi hai giấc mơ đó.

Sumiko

Một năm trôi qua, và đến mùa thu theo sau đó, Subud đã có cơ sở vững chắc. Tôi đã làm quen với công việc của mình, và đầu óc tôi được bình thường trở lại. Chính đó là lúc tôi nhận thấy có điều gì đó bất thường về một trong những người đẹp làm việc tại công ty sở hữu trí tuệ. Tên nàng là Sumiko và tuy nhỏ tuổi hơn, nhưng trong công ty nàng là người thâm niên hơn, và chính nàng là người đã tập nghề cho tôi.

Điều lạ thường mà tôi nhận thấy về nàng là bất cứ lúc nào chúng tôi ngồi cạnh nhau để làm việc, tôi đều cảm thấy yên tĩnh một cách lạ thường. Nhưng đó không là một sự yên tĩnh thông thường - một sự yên tĩnh mà cho tới lúc đó tôi chỉ nghiệm được latihan. Tôi tự hỏi không biết người đẹp đó có điểm gì đặc biệt. Điều đó xảy ra hai hay ba lần, và một buổi tối nọ, sau khi bà xã và đứa con mình đi ngủ, tôi bắt đầu tập latihan, đứng đối diện bức tường của căn phòng mình. Chợt nhiên, tôi được khiến cho ý thức được có ai đó bên cạnh mình. Tôi nhìn chung quanh và trông thấy hình dáng nửa rõ nửa mờ của một người đàn bà đang quỳ, tay chấp lại cầu nguyện. Đó là Sumiko. Tất nhiên, đó không cái thân xác đích thực mà tôi trông thấy, mà là hồn vía của cô.

Sự hiện hình lạ lùng đó khiến tôi ngạc nhiên, nhưng một nguyên tắc căn bản của latihan là không được phân tích nhưng gì mình nghiệm được, mà chỉ việc tiếp nhận và chấp nhận. Tôi tập trung vào latihan mình, để cho điều đó không làm cho trí óc mình bị náo động. Tuy nhiên, mọi việc khiến phải hoang mang: làm sao hồn vía Sumiko vào được nơi chốn latihan, khi cô chưa được khai mở? Và làm sao cô có thể hiện ra trong tư thế cầu nguyện, như thể đang tập latihan bên cạnh tôi? Sau một vài phút, hình dáng Sumiko bắt đầu mờ nhạt, rồi tất cả đều biến mất.

Buổi tối hôm sau, một biến cố càng khiến ngạc nhiên hơn nữa đã xảy ra. Khi bà xã tôi đã ngủ, tôi lại một lần nữa tập latihan trong căn phòng gần khung cửa. Sau một lúc, một khối cầu nhỏ bé có ánh sáng hiện ra trước mặt tôi. Hình như kích thước của nó vào khoảng của một quả bóng ping-pong, nhưng một cách tự nhiên tôi biết được đó là linh hồn mình. Tôi tiếp tục tập latihan, trong khi nhìn chòng chọc vào khối cầu. Và chợt nhiên, một khối cầu khác có ánh sáng hiện ra cách tôi không xa là mấy. Nó hơi nhỏ hơn khối cầu đầu tiên, và đó là linh hồn Sumiko. Khối cầu có ánh sáng bay lượn trong một lúc, rồi chậm chạp đến gần khối cầu đầu tiên. Bờ cạnh hai khối cầu đụng vào nhau, rồi như kim loại được nấu chảy để thành một hỗn hợp, chúng hòa vào nhau để tạo thành hình dáng một quả lê.

Ngay lúc đó miệng lưỡi tôi cử động không cố ý và tôi tự thấy mình tuyên bố: “Sumiko bây giờ trở thành vợ mình.” Cái ý nghĩ đó là điều không thể tưởng tượng nổi, nhưng đồng thời những biểu lộ của lòng biết ơn đối với Đấng Toàn Năng vì niềm vui đó cứ tiếp tục tuôn trào trong lòng tôi. Đó như những bài hát ca tụng một cuộc hôn nhân. Điều nghiệm thấy đó đã xảy ra là như vậy. Nội dung latihan của tôi thay đổi hoàn toàn. Ngay khi tôi nhận được latihan, dù tập một mình hay với nhóm, tất cả những gì tuôn ra khỏi miệng lưỡi tôi là những bài hát về niềm vui và sự ca tụng cuộc hôn nhân của mình với Sumiko. Tôi chẳng làm được gì hết về việc đó. Đôi khi những bài hát đó bằng tiếng Nhật, và bởi vì lo sợ những người khác trong nhóm có thể nhận thấy, nên tôi thận trọng khiến cho giọng nói mình không lớn tiếng. Nhưng nội ngã tôi tràn đầy một latihan ca ngợi hôn nhân; bất cứ lúc nào đi ra ngoài đường và không có ai chung quanh, tôi cứ việc mở miệng ca hát.

Rồi tôi nhớ tới những giấc mơ lạ lùng mà mình nghiệm thấy trước đó.

Trong trạng thái mơ tôi không mấy chú ý tới những nét phác họa về khuôn mặt một thiếu nữ mà ông cụ đã đưa cho tôi coi. Tuy nhiên, khi tôi nhìn trở lại, những đường nét và điểm đặc biệt của khuôn mặt thì tương tự với những vẻ của Sumiko. Ông cụ đã muốn nói tới Sumiko; những lời nói gây hoang mang của ông là đáng lí ra tôi đã phải kết hôn với thiếu nữ đó, và việc này được thực hiện dưới hình thức một hôn nhân tâm linh.

Cuộc sống ngoài đời của tôi có một tình trạng mới mẻ trong sự tiếp xúc với Sumiko, và chuyện này tương ứng với những biến cố đã xảy ra trong latihan. Điều trước tiên là tôi bắt đầu cảm nhận được những cảm xúc của nàng. Bất cứ lúc nào nàng cảm thấy gì - dù là giận dữ, vui mừng hay hoang mang - thì tôi cũng cảm thấy trong lòng mình, như đó là của mình. Và bất cứ lúc nào nàng đưa những cảm xúc của nàng vào nơi tôi, thì tôi cảm được ngay lập tức, cho dù nàng đang trước mặt tôi hay tại nơi nào khác.

Điều trước hết khiến tôi bối rối là bất cứ lúc nào cảm nhận được những cảm xúc của nàng, thì tôi cũng cảm thấy đó không là của cô, mà là của mình. Điều này như là không còn có cái yếu tố Tôi/Người Khác. Khi nàng cảm thấy gì, thì cảm xúc đó cũng nảy nở đúng y như vậy trong lòng tôi, và tôi cũng ý thức được đó không là cái gì đặc biệt của cô, mà là cảm xúc của chính mình.

Và khi cuối cùng tôi không còn nghi ngờ gì nữa về việc có một sự liên hệ về cảm xúc giữa nàng và tôi, thì tất cả những định kiến của tôi phải bỏ đi hết. Cái ý kiến này thì phải bỏ đi: loài người về cơ bản chỉ sống cô lập, và Người Khác luôn là Người Khác mà ta không bao giờ thực sự hiểu được trí óc họ.

Chỉ có tôi là kẻ ý thức được sự liên hệ về cảm xúc đó, khi cảm tính của mình đã được latihan làm cho sắc bén hơn. Sumiko thì không biết chút gì hết về điều đó, nhưng điều phát hiện được đó khiến tôi sửng sốt. Khi quan sát những gì đang xảy ra trong lòng mình, tôi ý thức được sự xúc động mình nhận thấy là của mình, và nó trở về nơi Sumiko là nguyên nhân. Chẳng hạn, nếu Sumiko cảm thấy yêu tôi, thì sự xúc động đó nảy nở trong lòng tôi, và tôi cũng cảm thấy như đó là tình yêu của mình đối với nàng. Hay nếu Sumiko cảm thấy thù ghét tôi, thì tôi cũng nhận thấy đó là sự thù ghét của mình đối với nàng.

Cái quá trình đó khiến nghĩ tới những điều thường được nói như “Muốn được người ta thương yêu mình, thì mình phải thương yêu họ” hay “Mọi thứ đều trở về nguồn”. Trong tôn giáo người ta có quan niệm là sở dĩ con người yêu thương điều họ coi là thần thánh (Phật), là vì họ đã được thần thánh yêu thương. Qua kinh nghiệm của mình, tôi hiểu được đó là sự thật. Một định luật tâm linh phổ quát hay sự chỉ thị của Tạo Hóa là mọi thứ phải trở về nguồn.

Nhưng trong trường hợp mình, làm sao tôi biết được sự xúc động mình cảm thấy là của mình, hay chỉ là một tấm gương phản chiếu lại cảm xúc của Sumiko? Sau khi tự tìm hiểu, tôi nhận thức được mình phải có trạng thái bình tĩnh, không rối loạn, và coi đó là một trạng thái bình thường. Nếu một ý nghĩ hay một cảm xúc khác thường bất chợt nổi lên, tôi có thể nhận biết đó là do một người khác. Tuy nhiên, nếu trí óc mình luôn bị ảnh hưởng, và mình luôn bị giao động vì xúc động, như vậy thì không phân biệt được gì hết, và điều không thể tránh được là tất cả các xúc động nhận thấy đều được coi là của mình.

Ngày tháng trôi qua, sự liên hệ về cảm xúc nói trên càng lúc càng trở nên thâm sâu hơn. Sumiko không ý thức được những gì đang xảy ra với tôi. Tôi không đề cập với nàng về latihan hay Subud. Sở dĩ vậy là vì bất cứ ai khác khó có thể chấp nhận những gì tôi đã nghiệm thấy, những điều mà chính tôi cũng không hiểu được. Tuy nhiên, ngày tháng trôi qua, Sumiko bắt đầu thấy tôi có gì đó hấp dẫn, và đi đến chỗ yêu tôi. Hiển nhiên nàng đã cảm thấy điều gì đó, có điều gì đó đặc biệt giữa chúng tôi.

Nàng kể cho tôi nghe những điều bất thường mà mình đã nhận thấy, khi còn là một đứa bé. Khi còn nhỏ, nàng thường nhìn thấy những ánh sáng kì lạ ngoài cửa sổ. Khi gặp khó khăn, nàng luôn được một nhân vật trong sáng cứu mang. Tới tuổi dậy thì, nàng không còn nhận thấy những điều đó nữa, nhưng nàng lại kể cho nghe gần đây mình thấy trong mộng ảo là nhân vật trong sáng đó đã trở lại. Nhân vật đó bị thương trầm trọng, và trong mộng ảo nàng thấy mình cần trọng sóc người đó. Nàng còn nói rằng kể từ thời thơ ấu mình đã không thể xua đuổi khỏi kí ức việc Thượng Đế bảo mình làm điều gì đó, trước khi mình sinh ra, nhưng dù có cố gắng tới mấy đi nữa, cô cũng không thể nhớ được điều đó là gì.

Những gì nàng nói tới hình như liên quan tới những gì đang xảy ra với tôi. Tuy nhiên, những điều khó hiểu nói trên khiến tôi bối rối, tại sao lại có sự liên hệ linh hồn giữa chúng tôi, điều này sẽ đi tới đâu, hay tôi nên làm gì, và tôi cảm thấy mình không thể thành thật nói cho nàng biết. Vẫn còn không biết phải làm gì, tôi che giấu bằng lối ăn nói mơ hồ. Vì tương quan linh hồn đó không do ý chí tôi mà do latihan, nên tất cả những gì tôi có thể làm chỉ là chờ đợi cho tới khi latihan cho mình hay những bước đi kế tiếp.

Trong khi đó thì tình yêu của Sumiko càng lúc càng mãnh liệt, và tôi nghiệm thấy nhiều điều lạ lùng khác. Có lần tôi thấy chung quanh mình có mùi thơm của những bông hoa siêu phàm. Sau bữa ăn trưa, tôi đến quán nước trong cơ quan, để uống một tách cà phê. Tuy nơi đó rộng rãi, nhưng tôi ngạc nhiên thấy có nhiều mùi thơm của bông hoa. Tôi như người thấy mùi hoa hồng, và mùi thơm thì thật siêu phàm - như chính nơi đó đã chuyển tới một vườn hoa nơi thiên đàng. Tôi nhận thức được đó là do Sumiko; dù sao đi nữa, nàng đã tin chắc là tôi yêu nàng, và đã biểu lộ niềm vui của mình. Tuy tôi biết mình là kẻ duy nhất có thể người thấy, nhưng mùi thơm mãnh liệt và đích thực đến nỗi tôi không thể tin là không có ai khác ý thức được. Tôi rất vui mừng, nhưng ngay sau khi mình đi khỏi quán nước, thì mùi thơm không còn nữa. Bằng cách đó, tôi phát hiện được xúc động cũng có mùi vị. Điều này sau đó được những chứng nghiệm khác xác nhận.

Chẳng hạn, một hôm, tôi lên một chuyến xe lửa đầy người, và thấy mình phải đối diện với một mùi hôi như của trái cây đã thối. Bên cạnh tôi là một cặp trai gái đang ve vãn nhau, bắt chước cái nhìn của những người chung quanh. Có một mùi bốc ra từ nơi họ. Một mùi thơm nhẹ trộn lẫn với mùi hôi, nhưng điều đó khiến khó chịu đến nỗi tôi phải xuống xe ở trạm tới. Mùi hôi của trái cây thối cho tôi thấy được tình yêu của họ có tính chất gì.

Một lần khác, khi đi tôi đi qua phía sau một bàn giấy của một người không đến làm việc, thì có mùi rượu nồng nặc. Mùi đó bốc lên từ một chiếc ghế trống. Thực vậy, nhân vật ngồi trên đó thích uống rượu và thường sặc mùi rượu khi bước vào. Tuy anh không có mặt trong cơ quan, nhưng dư vị của mùi rượu đã thấm vào ghế và bốc ra từ đó. Và đây không là lần đầu tiên tôi người thấy rõ. Tôi nghĩ điều này như việc loài

chó người thấy những mùi mà con người không ý thức được. Lúc đó, tất cả các giác quan của tôi được tăng cường, đặc biệt là khứu giác. (Tình trạng đó chỉ tạm thời, và sau một thời gian, tôi trở lại bình thường. Nếu không thì tôi nghĩ là mình không tiếp tục sống được trên thế gian này.)

Tôi cũng nhận thấy những điều có một tính chất khác, như khi nghe thấy giọng nói của Sumiko, mặc dù nàng có mặt tại một nơi khác. Tôi vừa ăn tối xong và đang ngồi chung với gia đình, thì chợt nhiên giọng nói của nàng gọi tên tôi. Giọng nói đó không xuất phát từ một nơi nào đó chung quanh tôi, nhưng là điều có thể nghe thấy trong lòng tôi. Sumiko gọi tôi hai hay ba lần. Tôi không biết thực ra nàng có gọi mình hay không, hay chỉ gọi mình trong đầu óc, nhưng tôi nghe được giọng nói của nàng thật rõ rệt. Thật vậy, đó là một cảm giác thật kì lạ, khi nghe được giọng nói của một người khác nơi bên trong cơ thể mình. Tôi nhớ tới việc Ouspensky đã nhận được như thế nào những chỉ thị của sư phụ mình là Gurdjieff, khi ông viết về việc mình có thể nghe thấy giọng nói vật chất của Gurdjieff nơi bên trong mình.

Tôi hiểu rằng điều ông viết về là có thể có được trong thực tế.

Cuối cùng tôi nhận thấy một điều kì diệu hơn tất cả những gì trước đây. Hôm đó, tôi đi trên một chiếc xe có tài xế của ông giám đốc, để đem một vài giấy tờ đến một sứ quán nước ngoài cho được chứng nhận. Khi trở về, tôi đang ngồi trên ghế đằng sau nghỉ mệt, thì chợt cơ thể mình thấy nặng nề, và tôi có một cảm giác thấy mình hoàn toàn bị kiệt quệ. Thậm chí tôi không còn ngồi được nữa, mà phải nằm trên ghế. Nhưng cái cảm giác đó trở nên mãnh liệt hơn, và sức lực của cơ thể tôi thì bị hút đi hết, khiến tôi ngay cả không thể cử động một ngón tay. Chắc chắn đây không là một trạng thái bình thường.

Ngược tôi sáng chói như được thắp đèn, và Sumiko có trong đó. Điều này khiến cảm thấy được một thực tại là 10 hay ngay cả 100% sâu sắc hơn cái thực tại mà ta cảm thấy về những sự việc của cái thế gian này - một cảm giác hoàn toàn được tăng cường về cuộc sống. Bapak coi một chứng nghiệm tâm linh đích thực là điều trong đó cái cảm giác về thực tại của mình trở nên mãnh liệt hơn 100 lần cái tình trạng bình thường. Một khi người ta đã nghiệm được điều không cưỡng lại được đó về thực tại, tôi không tin là có ai đó còn nghi ngờ. Nó khác với một giấc mơ hay

ảo mộng. Trong một chứng nghiệm tâm linh đích thực, ta trực tiếp được giao tiếp với lĩnh vực tâm linh - một thế giới có ý nghĩa hơn trăm lần cái thế giới của chúng ta.

Tuy cái cảm giác kiệt quệ đã tan biến đi được phần nào, nhưng tôi vẫn còn thấy Sumiko trong lòng mình, cho tới khi chiếc xe trong đó tôi ngồi đã trở về cơ quan. Về tới nơi, tôi nhận thấy nàng vẫn còn hiện diện nơi đó. Tôi lấy làm lạ về sự khác biệt giữa Sumiko trong lòng mình và Sumiko nơi cơ quan. Người nào đích thực là Sumiko? Tôi sẽ cảm thấy như thế nào, trong khi cái trạng thái đó vẫn tiếp diễn và mình nói chuyện với nàng?

Khi tôi đến, nàng đang nói chuyện với ai đó, nhưng nàng từ từ đi về phía tôi và chúng tôi trao đổi qua loa một vài lời. Điều này quả thực kì lạ. Nàng Sumiko trong lòng tôi được cảm thấy là có thật tới nỗi trở nên cực kì rạn rỡ, trong khi sự hiện diện của nàng Sumiko trước mặt tôi thì lại mờ ảo hơn. Tuy vậy, cô nàng được thấy là mờ ảo lại cử động, đi đứng và nói chuyện như một con người bình thường, toàn diện. Và nàng lại hoàn toàn không ý thức được rằng cái thực thể của mình đã tách rời khỏi mình, và hiện đang nằm trong lòng tôi.

Tôi chợt nhớ tới cái thuyết về Maya của Ấn Độ theo đó thì cái thế gian này chỉ là một ảo giác, không hơn gì một hình bóng. Cho tới lúc đó tôi không mấy quan tâm tới cái tín ngưỡng đó, nhưng bây giờ thì tôi nghĩ điều này tất phải có một vài phần là sự thật.

Sumiko không biết chút gì về những biến cố đó, nhưng điều không thể không xảy ra là những việc đó đã ảnh hưởng tới cô. Tình yêu của nàng càng trở nên mãnh liệt hơn. Theo cái nhìn của xã hội, mối tình đó không thể tha thứ được. Tôi đã có một người vợ và một đứa con, và Sumiko đã cảm thấy ngay từ ban đầu là tôi không có ý định li dị. Mặc dù vậy, nàng đã quyết định trao thân cho tôi và và thỉnh thoảng nói bóng nói gió về chuyện đó.

Lúc đó chúng tôi đang nói chuyện trong một quán nước. Không được báo hiệu trước, tôi cảm thấy vô cùng tha thiết yêu nàng, và một ý nghĩ bất chợt nổi lên trong lòng; tôi bất chấp là phải xuống Địa Ngục, miễn là mình thành hôn được với nàng. Cho tới lúc đó, cái ý nghĩ đó đã không hề

chạy qua đầu óc mình. Tôi luôn nghĩ rằng chủ đích của đời người là tập trung vào Thượng Đế và Thiên Đàng, những việc tuyệt đối không được lơ là, cho dù có gì xảy ra đi nữa. Thế nhưng, tôi lại có cái ý nghĩ đó tận nơi đáy của thể xác mình. Do sự liên hệ tình cảm, tôi biết được Sumiko là nguồn gốc sự xúc động của mình. Nhưng ngay sau khi cảm thấy được, tôi cũng biết đó là sự xúc động của mình, và cái cường độ của nó khiến tôi sửng sốt. Lời nói tình yêu do định mệnh hiện ra trong óc tôi. Chắc chắn là mối tình giữa tôi và Sumiko đã nảy sinh, khi linh hồn chúng tôi được nối kết do một định mệnh vượt qua ý chí. Tôi nhận thức được quả thực có cái tình yêu định mệnh đó, điều mà tôi đã nghĩ là chỉ có trong tiểu thuyết - đó là điều khiến ta cảm thấy nó nằm ngoài

cái quyền năng ngăn chặn được nó của mình, tuy mình biết nó có thể khiến mình bị tàn tạ.

Mặc dù vậy, tôi không làm bất cứ gì để tiến tới. Thành thật mà nói thì đó không là vì tôi không muốn thành hôn với cô. Vì hôn nhân tâm linh của chúng tôi đã xảy ra, nên cái ý nghĩ về một cuộc hôn nhân trên thế gian này tất nhiên không mấy hấp dẫn. Nhưng để làm điều đó, tôi sẽ phải li dị vợ tôi, hay trốn đi với Sumiko, hay lén lút làm một điều trái với luân thường đạo lý, và tất cả những điều đó thì tôi không thể làm được.

Tôi đã yêu vợ tôi nơi công sở. Chúng tôi đã kết hôn vào khoảng lúc tôi phát hiện được Subud. Dr. Taniguchi bảo tôi bỏ Subud vì nó nguy hại, nhưng tôi vẫn tiếp tục tập latihan. Cuối cùng tôi quyết định thành hôn với vợ tôi, vì nghĩ rằng ngay cả khi mình đi theo con đường của Subud mà làm trái ý Dr. Taniguchi, thì vợ tôi cũng vẫn sẽ theo tôi. Thực vậy, ngay sau khi chúng tôi thành hôn, vợ tôi bắt đầu tập latihan, và tiếp tục sát cánh cùng tôi mà không than trách, ngay cả sau khi tôi gục ngã vì bệnh lao, ngay cả sau khi tôi không chịu trở về Kyobunsha, vì tôi muốn thành lập lại nhóm Subud, mặc dù chúng tôi không biết sẽ phải làm như thế nào. Như bất cứ cặp vợ chồng thông thường nào khác, chúng tôi cũng có những lục đục và cãi cọ, và đôi khi tôi cảm thấy thật khó xử, nhưng không có điều nào đã biến thành một vấn đề trọng đại và vợ tôi vẫn còn tin cậy tôi. Nên tôi không thể lừa dối hay li dị vợ mình. Khi nghĩ tới ảnh hưởng của một hành vi như vậy đối với nhóm Subud mới thành lập, tới trách nhiệm của mình đối với hội viên, tôi không thể cư xử theo một lối bị xã hội chê trách, dù nguyên nhân là gì đi nữa.

Tôi mong đợi được Thượng Đế hướng dẫn. Như đã đề cập trên kia, vì chính mình cũng không hiểu được điều gì đang xảy ra, nên tôi không thể giải thích bất cứ gì cho Sumiko, và do đó tôi không có bất cứ hành động nào. Tôi mong latihan sẽ chỉ cho mình bước đi kế tiếp, mình sẽ nên làm gì. Vì qua latihan mà tình trạng đó xảy ra, nên tôi cho là mình sẽ được chỉ thị của latihan. Tôi nóng lòng chờ đợi, nhưng ước mong của mình không được đáp ứng.

Tôi làm trắc nghiệm. Tôi xin được giải thích trắc nghiệm là một hình thức của latihan. Trong latihan ta không hỏi những điều này nọ, mà chỉ phó thác mọi việc cho Đấng Toàn Năng. Trong trắc nghiệm, nếu ai đó có nột vấn đề vượt ngoài những phương tiện của mình để giải quyết, thì mình có thể nhờ Thượng Đế bằng cách đặt một câu hỏi, rồi sau đó thì mình tập latihan. Trong cái latihan đó, người đặt câu hỏi nên có khả năng quên đi câu hỏi và những ước mong của mình mà chỉ việc giao phó mọi việc cho Thượng Đế. (Do đó mà chỉ có những người đã có kinh nghiệm về latihan thì mới có thể làm những trắc nghiệm đó). Nếu có thể thực sự đặt mình vào một trạng thái latihan sau khi đặt câu hỏi và phó thác mọi việc cho Thượng Đế, thì mình có thể tiếp nhận được sự hướng dẫn trong hình thức của một sự giải đáp cho câu hỏi của mình. Sự hướng dẫn hay giải đáp đó có hình thức gì là điều tùy thuộc nơi người đặt câu hỏi, nơi latihan mình đã tiến bộ tới đâu. Đôi khi mình nhận được giải đáp trong hình thức những cử động của cơ thể - đó là những gì thường xảy ra- và có những lúc mình nhận được trong nội tâm hay trong tri thức.

Tôi để cho trí óc được an tĩnh và chân thành hỏi: “tại sao điều đó đã xảy ra? Sumiko và tôi từ đây sẽ ra sao? Tôi nên làm gì?”

Lập tức câu trả lời tuột ra khỏi miệng tôi. Hồi đó tôi tiếp nhận được câu trả lời như thế này.

-Vấn đề về Sumiko tùy thuộc Thượng Đế. Mình chưa biết được những gì Thượng Đế muốn cho mình.

Câu trả lời thật bất ngờ. Thấy được có ý muốn của Thượng Đế dính líu vào là điều khiến mình khá được an ủi, nhưng trên cơ bản thì câu hỏi đã không được trả lời. Không như những trắc nghiệm đã làm trước đây, tôi

nhận thấy mình trở về nơi mình bắt đầu đi nhưng trong một tình trạng hồi hộp.

Sau nhiều tháng, sự việc bước qua một giai đoạn bất ngờ. Sumiko bắt đầu cho thấy những dấu hiệu có thay đổi. Một sự xung đột đã xảy ra giữa lí trí và cảm xúc trong lòng nàng. Trước đây nàng đã gợi ý là sẽ sẵn sàng trao thân cho tôi, nhưng bây giờ thì cô bắt đầu xét lại những ý nghĩ của mình về mối quan hệ giữa chúng tôi, nàng không còn có những phản ứng thuận lợi đối với tôi nữa và thái độ nàng trở nên nhập nhằng mơ hồ. Trên cơ bản tình cảm của nàng đối với tôi là điều mà xã hội và luân lí không thể chấp nhận. Hiện nay thời thế đã khác, nhưng hồi đó thiên hạ bị luân lí mãnh liệt trói buộc. Tôi cũng thường mơ hồ trong sự đáp ứng của mình, và chưa từng đưa ra một triển vọng nào về tương lai, và cuối cùng sự xung đột nội tâm đó đã xảy ra nơi nàng. Rút cục lí trí đã thắng, và nàng quyết định không còn yêu tôi nữa.

Nàng bắt đầu tránh né tôi. Nàng quyết định dùng ý chí để diệt trừ tình yêu của mình, và như vậy sẽ khiến nó mất hẳn. Tuy ý chí nàng rất mạnh, nhưng việc tìm cách diệt trừ mối tình mà nàng cảm thấy, là một việc làm cực kì khó khăn. Tất nhiên phải là vậy. Nhưng điều này thì nàng không biết được: mối tình đó đã nảy sinh do hôn nhân giữa linh hồn chúng tôi. Và như vậy thì điều này báo cho tôi hay trước là có một thời kì mình phải đau khổ. Vì tôi cũng chia sẻ đời sống tinh cảm của nàng, sự tranh đấu trong nội tâm nàng giữa ý chí và tình cảm, nên điều đó dội ngược lại nơi mình mạnh gấp mười lần.

Cảm xúc của tôi bắt đầu lung lay mãnh liệt. Tôi cảm thấy trở đi trở lại trong thâm tâm mình hậu quả của việc. Vừa mới làm quen với một đời sống nội tâm yên lành nhờ latihan, thì tôi lại phải hứng chịu hết đợt sóng này tới đợt sóng khác của những xúc động mà mình không tránh được. Điều đó khiến tôi vô cùng đau khổ. Không kiếm chế được tình yêu mình cảm thấy, Sumiko càng cố gắng gồng ý chí mình để chế phục nó, và hậu quả đối với tôi lại càng tai hại hơn.

Ý chí khác với cảm xúc. Trong quan hệ với Sumiko tôi nhận thấy cảm xúc của nàng là của mình. Nhưng đến khi nàng tìm cách dùng ý chí để diệt trừ cảm xúc, tôi cảm thấy điều này như đàn áp thể xác. Nơi khu vực thuộc cơ thể từ cổ tới ngực, tôi cảm thấy như bị ép trong một chiếc kìm.

Đôi khi tôi hầu như không thở được, và ngay cả khi đang đứng tại trạm xe, tôi cũng không thể cử động trong nhiều phút. Không có cách nào khiến tôi tránh né được tình trạng đó. Tôi đau đớn nhiều tới nỗi cảm thấy như đang ở địa ngục.

Tôi muốn nói chuyện với cô để giải thích tình yêu mà nàng cảm thấy là điều thuộc ý muốn của Thượng Đế, và như thế đó không là một hành vi vô đạo đức; việc cố gắng xua đuổi nó là điều không thể làm được. Như thế tôi mong mình khỏi bị đau khổ. Tuy nhiên vì nghĩ rằng trò chuyện với tôi sẽ khiến cho lửa tình bùng cháy trở lại, nên nàng hết sức tránh né tôi và hoàn toàn không muốn nói chuyện với tôi.

Cuối cùng tôi cảm thấy mình không thể chịu đựng được tình trạng này nữa. Tôi cầu nguyện cho sự liên hệ của tôi với linh hồn Sumiko được cắt đứt. Nhưng những cầu nguyện đó là vô ích. Tôi cũng tìm cách khiến cho quan hệ của mình với nàng được chấm dứt qua latihan, nhưng cũng chẳng được gì hết. Ngay cả khi đã cảm thấy quan hệ của mình với nàng như lơ là đi, tôi lại trở lại tình trạng trước đây, ngay sau khi xong latihan. Tôi thấy hình như có một chướng ngại vật không vượt qua nổi bao quanh mình mà không có lối thông qua.

Rồi một hôm chợt có một bước ngoặt. Vì một lẽ gì đó, tôi đang ngồi trước một tấm gương. Một ý nghĩ hoàn toàn mới mẻ chợt đến. Nếu linh hồn tôi và Sumiko chỉ là một, thì cho dù tôi có cầu khẩn Thượng Đế tới mấy đi nữa để tách biệt đôi bên, điều này cũng sẽ không xảy ra. Như vậy thì thực sự chỉ có một điều mà tôi có thể làm được. Đó là việc hoàn toàn phó thác cả linh hồn tôi lẫn Sumiko cho điều khiến đôi bên được nối kết, cho cái Thiên Quyền của Đấng Toàn Năng. Đối với tôi đây là một hành động quý thuận cao nhất.

Tôi vẫn còn nhớ tới cái cảm giác kì lạ xâm chiếm mình. Cho tới lúc đó tôi đã chỉ tập latihan, để linh hồn mình được cải thiện. Nhưng bây giờ nếu phải hoàn toàn phó thác linh hồn mình cho Thượng Đế, thì bất cứ những gì xảy ra sẽ không còn liên quan gì tới tôi. Tôi sẽ tiếp tục tập latihan? Tập để làm gì? Tôi tự hỏi. Câu trả lời để phụng thờ Thượng Đế là điều tôi phát hiện được sau này.

Tuy nhiên, điều này lại trở thành một sự việc sắp đến hồi kết thúc, vì

tình hình bắt đầu thay đổi nhanh chóng, như thời gian đã đứng yên và bây giờ thì bắt đầu biến chuyển, một cách vô cùng nhanh chóng.

Trước hết là việc vợ tôi vì một nguyên do kì lạ nào đó chợt nhận thức được sự hiện diện của Sumiko trong đời tôi, và bà bắt đầu hỏi tôi về chuyện này, một điều mà trong hai năm qua bà đã không hay biết gì. Tôi cho hay về những gì đã xảy ra trong latihan mình, và tất nhiên là bà nghĩ điều đó là điên khùng và không chịu tin tôi. Bà muốn đến hỏi ý kiến một người bạn tôi, nhưng theo nhận xét của tôi, người bạn này lại là một sự lựa chọn tồi tệ nhất của bà. Tôi hay được cách đó không lâu là người bạn này có ý định thăm kín phá hoại quan hệ giữa vợ chồng tôi, nếu được dịp.

Tuy nhiên, tôi không thể làm cho vợ mình hiểu được điều đó. Ngay cả khi có thể được, thì lại có điều khác nữa sẽ xảy ra là bà sẽ không tin tôi, và ngoài ra, tôi lại còn là căn nguyên của mọi chuyện. Tuy nhiên, vì một nguyên do nào đó, khi sắp sửa ra đi vì mục đích nói trên, thì vợ tôi lại chợt thay đổi ý định.

Tôi khó có thể giải thích được những gì xảy ra trong những ngày kế tiếp. Bên ngoài thì không có gì xảy ra, nhưng một cảm giác kì lạ bao bọc lấy tôi. Điều này như việc có một tuồng kịch tâm linh đang diễn ra trên trời, và tôi là khán giả nơi trần gian, mặc dù không thể nhìn thấy quang cảnh đang có. Tôi cảm được nhưng không ảnh hưởng tới được quá trình của nó và cũng không dính líu tới cốt truyện. Tuy nhiên, tôi biết được chuyện này liên quan tới mình, và kết cục sẽ tác động tới thế giới bên ngoài. Có thể phóng đại mà cho đó là sự tranh đấu giữa những sức mạnh của thiện và ác, để giải quyết vấn đề. Nhiều ngày trôi qua, tuồng kịch dần dần diễn ra, mỗi ngày, nơi nào đó giữa bầu trời. Rồi một hôm, khi có điều được cảm thấy như đang đến hồi kết thúc, vợ tôi chợt thay đổi thái độ và cho tôi hay trên cơ bản bà chấp nhận những gì đang xảy ra giữa tôi và Sumiko.

Trong ba ngày sau vụ đó, tôi được thúc giục từ trong lòng là phải ngủ mỗi đêm với vợ mình. Những lần đó không là kết quả của dự vọng, mà là những sự trao đổi yên tĩnh xảy ra trong trạng thái latihan. Đêm thứ ba, trong lúc đang nằm trên giường với vợ mình, tôi thấy mình nơi một phong cảnh có kích thích khác. Không khí trong lành tắm gội trong một

ánh sáng lúc sắp bình minh, và trong khi những cánh đồng trước mặt tôi vẫn còn đen tối, tôi có thể trông thấy những ngọn núi trải dài ra phía trước nơi chân trời đằng xa. Một ánh sáng màu xanh mờ nhạt từ đỉnh núi báo hiệu bình minh sắp tới, và mọi vật chìm đắm trong một quang cảnh nghiêm trang và siêu phàm.

Sáng hôm sau, khi nhìn vợ mình, tôi kinh ngạc. Có điều gì đó đã biến đổi nơi bà. Như có ánh sáng từ đáy lòng bà đang rọi chiếu khuôn mặt bà. Người ta có cảm tưởng là trong chốc lát bà đã trở thành một con người hoàn toàn khác biệt. Cái ánh sáng rực rỡ tỏa chiếu ra nơi bà mà tôi có thể trông thấy thì không tồn tại lâu, nhưng cái cảm giác về việc lúc này bà là một con người khác biệt thì còn tồn tại nơi tôi. Hiển nhiên sự biến đổi đó đã xảy ra nơi thâm sâu của đáy lòng bà. Cái tình trạng khó xử giữa chúng tôi mà tôi cảm thấy trước đó, đã hoàn toàn biến mất. Những sự cãi cọ giữa chúng tôi không còn thường xảy ra, và chúng tôi nhận thấy quan hệ vợ chồng được hòa hợp.

Trong khi nơi vợ tôi có sự biến đổi, thì tôi cũng trải qua một sự chuyển hóa. Đó là về thái độ của tôi đối với những phụ nữ không là vợ mình. Trước đó thì bất cứ lúc nào gặp một người đàn bà đẹp hay hấp dẫn, thì tôi không cưỡng lại nổi sự thúc đẩy làm cho người ta chú ý tới mình, hay mình muốn được gần gũi người ta. Vì mọi người đều cho đàn ông như thế là bình thường, nên tôi cũng nghĩ như vậy và chưa từng đặc biệt chú ý tới việc đó. Nhưng sau khi vợ tôi được chuyển hóa, những ý nghĩ đó hoàn toàn biến mất một cách rất tự nhiên. Nếu trông thấy một người đàn bà đẹp, tôi chỉ nghĩ người đó đẹp, nhưng trí óc tôi không tiến xa hơn nữa. Tôi lấy làm kinh ngạc, vì đã chưa từng nghĩ rằng có thể được như vậy. Điều ngạc nhiên hơn nữa là sự việc đó trở thành đường ranh khiến cho sau đó sự liên hệ chặt chẽ về tình cảm giữa tôi và Sumiko bắt đầu nhanh chóng vơi đi. Sumiko tiếp tục tránh né không nói chuyện với tôi, nhưng sự đau khổ mà tôi đã cảm thấy do liên hệ tình cảm chợt biến mất. Vấn đề đã được giải quyết. (Sumiko tiếp tục sống độc thân trong một vài năm, và sau đó nàng lập gia đình, có một đứa con trai và một đời sống hạnh phúc.) Nhưng sự nhạy cảm mà tôi nhận thấy đối với những cảm xúc của Sumiko thì vẫn còn đó, dưới một hình thức mờ nhạt hơn, và đó cũng là điều mà tôi nhận thấy đối với bất cứ ai.

Cái khả năng khiến tôi lập tức cảm thấy bất cứ xúc động nào hướng về

phía mình là một phương tiện giúp tôi duy trì được những quan hệ hòa hợp với người khác trong suốt đời mình.

Một khi vấn đề đã được giải quyết, tôi nhận thức được mình không bao giờ còn muốn điều đó xảy ra một lần nữa, dù có vui sướng đến mấy đi nữa. Điều tôi trải qua đã khiến mình đau đớn như thế nào. Mặt khác, cho dù có được ban cho tất cả những vui sướng của thế gian này, thì tôi cũng không muốn trở lại nơi chốn trước đây của mình. Những đặc ân mà tôi nhận được qua những gì đã qua, kể cả sự chuyển hóa của cá nhân mình, là những thứ quá quý báu không thể đánh đổi được.

Những gì đã xảy ra vừa là một thử thách, vừa là một ân phước. Tôi không thể không cho là mình được may mắn, vì mình đã có thể vượt qua gian nan của đời người trong một tình trạng chênh vênh trong hai năm, trong lúc một bước đi sai lầm có thể đưa mình xuống vực sâu. Tuy thế, tôi nghĩ rằng điều mình đã trải qua là để thanh lọc, và nếu latihan khiến mình đau khổ như vậy, thì làm sao tôi có thể tiếp tục giới thiệu Subud cho mọi người! Thực vậy, tôi có cái ý nghĩ đó trong nhiều năm, cho tới khi mình đích thực thấy được sự hướng dẫn của Thượng Đế là điều thích hợp với tình trạng của mỗi cá nhân, và tôi không cần phải quan tâm tới bất cứ những gì mà cá nhân đó nghiệm thấy, hay bất cứ con đường nào mà người ta theo.

Tuy vấn đề của tôi đã được giải quyết, nhưng vẫn còn nhiều điều khó hiểu chưa được giải đáp. Tại sao có sự gắn bó giữa linh hồn tôi và Sumiko? Tại sao tôi tiếp nhận được câu hỏi đó khi trắc nghiệm? Tại sao sự liên hệ không thể tách rời được giữa chúng tôi lại có thể bị tách rời và vấn đề đã được giải quyết? Làm sao vợ tôi đã được chuyển hóa trong một sớm một chiều? Có nhiều điều mà tôi chẳng hiểu gì hết.

Những thắc mắc của tôi được giải đáp vào khoảng hai năm sau, khi lần đầu tiên tôi đến Nam Dương. Hồi đó một căn nhà đang được xây cất cho Bapak tại Trung Tâm Subud Quốc Tế nơi một ngoại ô của Jakarta là Cilandak. Theo yêu cầu của văn phòng Subud quốc tế ở Hoa Kỳ, Subud Nhật Bản mua vật liệu xây cất ở Nhật để đem tới Nam Dương. Cùng với một hội viên khác tôi đến đó để coi dự án ra sao, nhưng tất nhiên là tôi cũng có một mục đích khác, đó là đến thăm Bapak. Khi đến, tôi thấy Bapak đang tạm thời ở lầu nhất của Nhà khách, và chúng tôi thì phải

ở một căn phòng trong một xó nơi tầng dưới cùng. Chúng tôi chỉ ở có năm ngày, nhưng đó là một thời kỳ trong đó chúng tôi rất vui mừng và mãn nguyện, mỗi ngày chúng tôi đều gặp Bapak và được trò chuyện với những thành viên của văn phòng thư kí.

Một buổi tối nọ trước khi phải trở về nước, chúng tôi đến từ biệt Bapak. Sau đôi bên chuyện trò không bao lâu, Bapak hỏi tôi có câu hỏi nào không. Lúc đó tôi chẳng có câu hỏi đặc biệt nào trong đầu óc, nhưng vì không muốn bỏ lỡ một dịp tốt như vậy, nên tôi có ba câu hỏi. Câu cuối cùng liên quan tới những gì tôi vừa trải qua.

Tôi bỏ bớt chi tiết, vì chuyện đó kéo dài hai năm, nên khá dài dòng. Anh Usman, thư kí của Bapak, dịch qua tiếng Nam Dương. Bapak yên lặng nghe nói, và khi chuyện kể xong, người nói: “Người đàn bà đó có là một hội viên Subud?” Tôi trả lời là không. Bapak thoáng nhìn lên phía trên trong một hay hai giây rồi giải thích: “Trong lĩnh vực tâm linh người đàn bà đó đúng ra phải là vợ bạn, nhưng trên thế gian này bạn đã chính thức có vợ. Bởi vì bạn kiên nhẫn và quy thuận Thượng Đế, nên Thượng Đế đã thương xót bạn (đến đây Bapak khoanh tay lại) và hoán đổi linh hồn họ.”

Lời giải thích ngắn gọn và kì diệu đó làm cho những biến cố lộn xộn nằm trong lòng tôi trước đây chợt được sắp xếp đầu vào đấy, như một trò chơi lắp hình được biến thành một tấm hình toàn diện. Tôi hiểu được mọi việc. Đó hiển nhiên là thực chất của vấn đề, và không có lối giải thích nào khác hơn. Bên cạnh tôi, Usman thì thào nói: “Thượng Đế khiến cho điều không thể xảy ra được có thể xảy ra được.”

Bapak nói: “Sau này vợ chồng bạn sẽ có một cuộc sống hòa hợp hơn.” Người còn nói: “Phải có một sự phân biệt rõ rệt giữa thế giới tâm linh và cái thế gian này. Ta không thể phối hợp những gì xảy ra trong thế giới tâm linh với những điều của thế gian này.”

Lời khuyên đó thật quý báu. Vì nhiều lí do khác nhau tôi đã may mắn không làm cái chuyện phối hợp đó. Trải qua một chứng nghiệm tâm linh rồi đem điều đó vào những vấn đề thế gian, để coi đó là bàn đạp cho những hành động của mình, là một cạm bẫy mà những người lựa chọn đi theo con đường tâm linh dễ mắc vào. Việc này thường dẫn tới những ngộ nhận và khiến cho người khác bị xáo trộn.

Tuy nhiên, điểm này phải được cắt nghĩa thêm. Theo kinh nghiệm của chính tôi, con người có thể sống giữa hai thế giới thuộc lĩnh vực tâm linh và trần gian, nhưng nói cho đúng ra thì điều này chỉ đúng với những người mà linh hồn đã thức tỉnh.

Ta thấy những kẻ mà linh hồn mê ngủ là những kẻ có một cuộc sống bị giới hạn nơi thế giới vật chất trên trần gian. Cái thế gian này có những điều kiện và định luật của nó, và bất cứ những gì xảy ra nơi đây, kể cả những biến cố trong đời sống của con người, đều bị những điều kiện đó giới hạn và chi phối. Con người có thể dùng ngũ quan và những năng lực lí luận, tưởng tượng và lô-gích của bộ óc, để nghiên cứu, hiểu biết và sử dụng những điều kiện và định luật của thế gian này. Những kiến thức khoa học hiện được phổ biến là một trong những kết quả của việc đó. Tuy nhiên, thế giới tâm linh được sự chi phối của những điều hoàn toàn khác biệt, và điều này là vô nghĩa, nếu ta tìm cách hiểu biết nó nhờ ngũ quan và óc não mình. Do đó mà chúng ta không thể hiểu được đời sống đằng sau cửa tử.

Tuy nhiên, những người mà linh hồn được thức tỉnh quả thực có thể nối kết với thế giới tâm linh. Tuy cái kiến thức đạt được nhờ kinh nghiệm tâm linh vẫn còn bị hạn chế, nhưng những người bắt đầu có một lối sống lấp được khoảng trống giữa tâm linh và vật chất, là những người có khả năng phát hiện được những tương quan giữa hai lĩnh vực rất khác biệt nhau đó.

Một khía cạnh quan trọng của điều đó là không phải tất cả những gì trong thế giới tâm linh đều tự động được phản chiếu lại dưới một hình thức tương ứng trong thế giới vật chất. Cho nên, những sự thật hay biến cố thuộc thế giới tâm linh có thể được thực hiện trên thế gian này, và đó là thực tế, nhưng mãi sau này mới chỉ là vậy, hay dưới một hình thức hoàn toàn khác biệt; điều cũng có thể xảy ra là những cái đó sẽ không bao giờ biểu lộ và phải kết thúc trên thế gian này.

Chẳng hạn, tuy sự phát triển linh hồn của ai đó có thể ảnh hưởng tới đời sống mình, nhưng điều này thường biểu lộ thành một sự thay đổi về nhân cách mà người khác không nhìn thấy được. Trong trường hợp mình, tôi đã chứng kiến và nghiệm thấy hôn nhân của linh hồn giữa mình và Sumiko trong latihan, nhưng đó là điều trong thế giới tâm linh.

Cho nên, nếu thiếu những điều kiện cho phép có được hôn nhân đó trong thế giới vật chất, thì thực tế sẽ khiến cho nó không thể xảy ra được.

Nếu đã tìm cách kết hôn với Sumiko trên thế gian này, để phản ánh sự kết hợp tâm linh, thì điều tối thiểu có thể xảy ra là tôi sẽ làm hại bản thân, làm hại vợ con mình, và làm hại cả Sumiko. Vì tôi không làm như vậy, nên Thượng Đế đã thương xót tôi, khiến cho điều không thể xảy ra được có thể xảy ra, điều mà chỉ có Ngài mới có khả năng làm được, để cái thế gian này phản chiếu lại thế giới tâm linh. Sự hiểu biết sâu sắc của Bapak đặt nền tảng trên những tình huống đó.

Khi trò chuyện xong, chúng tôi bắt tay Bapak để từ biệt. Và khi tôi nắm lấy bàn tay người, chợt có một sự chấn động chạy xuyên qua mình, như một trận mưa từ phía trên. Sự chấn động đó rất mạnh; thậm chí tôi không thể mở cả cặp mắt, khi đang bắt tay. Nhưng có sự khác biệt rõ rệt giữa sự chấn động đó và sự chấn động mà tôi cảm thấy trong lúc làm latihan. Sự chấn động trong latihan như điều gì có tính chất trung lập và trong sáng; sự chấn động do Bapak là điều gì dồi dào hạnh phúc tuyệt vời, khiến tôi nghĩ rằng điều đó chỉ có thể xuất phát từ ngay nơi Thiên Đàng. Tôi cảm thấy đó là một ân phước đặc biệt mà Bapak ban cho mình, về những gì tôi đã kể cho người nghe, điều mà tôi không còn nghiệm thấy trở lại nữa.

Có lần tôi nghe một hội viên Subud Nam Dương nói rằng khác với con người thể xác của Bapak, con người tâm linh của Bapak thì thường xuyên hiện diện và có một kích thích siêu phàm. Cho tới lúc đó tôi không mấy chú ý tới chuyện đó, vì chỉ coi đó là cách bày tỏ lòng kính trọng đối với Bapak, hay đó chỉ là giả thuyết cá nhân của hội viên. Nhưng kể từ lúc gặp Bapak, tôi bắt đầu thấy đó là sự thật. Tôi không hiểu tại sao điều đó lại có thể như vậy được, nhưng sự chấn động mà tôi cảm thấy lúc đó, dồi dào và đẹp dịu dàng đến nỗi tôi nghĩ rằng không có cách nào khác hiểu được.

Nhìn ngược lại quá khứ, tôi thấy điều đó là như vậy, khi lần đầu tiên bản thân mình nghiệm được một điều về tầm quan trọng tâm linh của Bapak. Tôi vẫn còn thấy hơi hở, ngay cả khi mình bước lên máy bay. Tôi cũng không cảm thấy mệt mỏi chút nào, trên đoạn đường dài về nước.

Cột ánh sáng

Sau những chuyện sôi nổi đó, tôi được may mắn là có những ngày tháng yên bình. Thái độ của tôi đối với latihan đã thay đổi. Vì đã quyết định giao phó linh hồn mình cho Thượng Đế, nên tôi không còn làm vậy vì muốn mọi việc sẽ được tốt đẹp cho mình. Bây giờ thì tôi có thể làm như vậy với một thái độ thích hợp hơn với mục đích ban đầu của Subud - phụng thờ Thượng Đế bất chấp điều đó có khiến cá nhân mình được lợi lộc hay không.

Hiển nhiên, điều này như là một giai đoạn chuẩn bị, và trong nhiều năm sau đó tôi nhận được nhiều chứng nghiệm khác nhau. Chứng nghiệm đầu tiên là một chứng nghiệm khiến tôi hiểu được rõ hơn thực chất của latihan.

Bất cứ ai gia nhập Subud đều được giải thích về việc latihan là sự giao tiếp trực tiếp với quyền năng của Thượng Đế, điều sẽ làm cho cái linh hồn mê ngủ của họ thức tỉnh và giúp cho nó được phát triển. Từ Subud là dạng rút gọn của ba từ: Susila, nghĩa là lối cư xử chân chính của con người, Budhi, nghĩa là cái thiên lực cư ngụ nơi thâm tâm của con người, Dharma, nghĩa là tin cậy và quy thuận Thượng Đế. Người ta cũng được giải thích về việc latihan của Subud là điều mở một đường đi cho linh hồn con người, và việc này có thể hoàn thành, nếu ta chấp nhận ba đức tính nói trên, khiến mình có thể sau khi chết tìm thấy con đường trở

về từ trần gian tới quê hương đích thực của mình nơi cái thế giới của những người đích thực là người.

Những ai chấp nhận những điều giải thích đó, sẽ được *khai mở* để trở thành hội viên Subud. Nhưng trong những giai đoạn đầu, việc làm cho người ta thấy được mối liên hệ giữa những điều giải thích và những kinh nghiệm bản thân, không luôn là điều dễ dàng. Những điều giải thích nói cho thiên hạ nghe, vẫn còn là những khái niệm trừu tượng, là những điều mà người hội viên chưa tự mình nghiệm được. Chỉ sau này, qua những gì xảy ra trong đời sống tâm linh của mình, người hội viên mới hiểu được latihan thực sự là gì. Những hội viên đã lâu năm tập latihan nói rằng một khi đã hiểu được ý nghĩa của nó, họ sẽ không bao giờ bỏ tập latihan.

Nhưng đạt được tình trạng đó thì thông thường phải mất mười, mười hai năm, hoặc hơn. Cho tới khi đó, điều không phải không thường xảy ra là người ta cảm thấy mình không thể nhận thấy một sự liên hệ rõ rệt giữa những gì là một mục tiêu cao đẹp và những gì là cái thực tế của latihan mình. Vậy, ta thực sự được may mắn, nếu mình có thể cảm nhận được quyền năng của latihan ngay lúc ban đầu, và tự mình nghiệm được những thay đổi xảy ra nơi bên trong mình. Như vậy, tôi có thể coi mình đã có phúc, vì đã có thể nghiệm được sự giải đáp hoàn toàn cho câu hỏi *Latihan là gì?*

Hồi đó nhóm Subud Tokio thuê một ngôi trường trung học mà học sinh là các thiếu niên. Ngôi trường đó hầu như đã không được trùng tu lại. Nhiều bức vách bằng gỗ đã bị những học sinh tập võ đập vỡ ra từng mảnh, một cửa ra vào có bản lề bị bong ra, khiến nó hầu như không đứng vững được, và gió lạnh mùa đông thì thổi như tiếng huýt sáo vào những kẽ hở. Chúng tôi thường mặc áo choàng tập latihan dưới ánh sáng mờ nhạt của một hay hai bóng đèn.

Một buổi tối nọ, vừa tập latihan xong thì tôi chợt nhận thấy một bức tường rộng lớn màu trắng hiện ra tại một nơi xa xôi của ngôi trường. Nó rộng khoảng 10m, và khi nhìn kĩ, tôi thấy nó thẳng đứng kéo dài từ sàn nhà tới mái nhà. Hình như cũng có bột màu trắng chung quanh nơi nó đưng vào sàn nhà.

Tôi nhận thức được đó không là một bức tường thông thường, vì nó gồm ánh sáng. Nhưng rồi tôi liền có ý nghĩ cái mà mình đang nhìn thấy có thể được gọi là bàn chân của Thượng Đế, và lòng tôi tràn đầy lòng tôn kính. Thông thường tôi đã gạt bỏ cái ý nghĩ đó, coi nó là hoang đường hay là ý nghĩ về Thượng Đế của con nít, nhưng không hiểu tại sao khi trông thấy ngay trước mặt mình bức tường rộng lớn gồm ánh sáng đó - hay đúng ra là cột - tôi liền nghĩ đó là dấu ấn bàn chân của Thượng Đế kéo dài xuống trần gian.

Tôi thấy hình như mình đã chăm chú nhìn cái đó trong một lúc lâu. Cột ánh sáng dần dần trở nên mỏng hơn, và tôi dần dần trông thấy lại bức tường đặng xa của ngôi trường đã cảm tầm nhìn của mình. Sau khi xong latihan, tôi vẫn chưa hiểu được ý nghĩa của chứng nghiệm đó, nhưng quyết định không cố gắng suy đoán, mà là đợi chờ cho tới khi mình tự nhiên nhận được giải đáp.

Tuy nhiên, như vậy vẫn chưa hết. Trong xuất latihan kế tiếp tập với nhóm, tôi cảm thấy có cái gì đó đang bao quanh mình. Không nao núng, tôi tiếp tục tập cho tới khi cái cảm giác đó trở nên mãnh liệt hơn, và tôi nhận thức được mình đang đứng trong một thứ gì như một vật hình trụ. Vật hình trụ đó rộng khoảng 3 hay 4 m - đủ chỗ cho tôi tập latihan - và trong suốt khiến tôi có thể nhìn ra ngoài. Chiều dài nó cao hơn đầu tôi, và chiều rộng thì không thay đổi.

Tôi ngược mắt nhìn lên và ngạc nhiên nhận thấy nó kéo dài theo chiều dọc lên phía trên tới một nơi thật xa. Thực ra, nó kéo dài tới không gian sâu thẳm cho tới chỗ có vẻ là nơi tận cùng của vũ trụ, và từ phía dưới tôi nhìn thẳng lên trên thấy điều chỉ có thể gọi là một khoảng cách vô tận. Nếu gắng sức tập trung, tôi chỉ có thể nhận diện chỗ cao hơn phần cuối của vật hình trụ, đó là điều gì mờ mờ trông chỉ có thể là sự hiện diện tối thượng của Đấng Toàn Năng.

Cảnh tượng đó thật kì lạ. Tôi đứng bên trong một cột ánh sáng kéo dài tới vô tận nơi phía trên mình, nhưng tại nơi xa xôi tôi lại có thể nhận diện được chỗ cao nhất. Thông thường thì đó là điều không thể tưởng nổi. Thế nhưng, bên trong thì đen đặc. Tôi nhìn xuyên qua để coi bên ngoài có gì. Không như sự đen tối bên trong, bên ngoài có vẻ như hơi sáng chói. Xem xét kĩ hơn, tôi nhận thấy đó là do ánh sáng bị phân tán vì

những hạt bụi nhỏ xíu lơ lửng trong không khí. Tôi nghĩ bên trong cột có sự đen tối là do những tia sáng cực kì tinh khiết, vì hoàn toàn không có gì vẫn đục khiến ánh sáng bị phản chiếu. Theo tôi nghĩ, chính vì vậy mà mình có thể nhìn thật xa.

Tôi càng hiểu rõ hơn ý nghĩa của cột ánh sáng đó. Đó là nhịp cầu giữa loài người và Đấng Tối Thượng - một con đường nhờ đó loài người có thể đến dưới chân Thượng Đế, và nhờ đó Ngài có thể liên lạc với chúng ta trên trần gian. Đó cũng chính là mục tiêu của latihan.

Tôi tiếp tục tập latihan, trong suốt lúc có cái chứng nghiệm đó. Nhìn kĩ con đường ánh sáng đó, tôi nhận thức được nó hoàn toàn không có chướng ngại vật, nó vươn thẳng lên nơi Đấng Toàn Năng, và tôi thì đứng ngay tận chỗ dưới cùng. Nói cách khác, tôi vẫn còn đứng nơi khởi điểm của hành trình. Thú thật, điều này khiến mình hơi thất vọng, vì tôi nghĩ rằng sau khi đã tập latihan nhiều năm, mình cũng phải tới thiếu đi được nhiều mét trên đường. Nhưng khi tôi nhìn cái không gian vô tận phía trên mình, cái ý nghĩ đó chợt mất đi.

Điều quan trọng là tôi đã đi trên con đường dẫn mình tới Thượng Đế. Nhìn kĩ con đường đó, tôi hiểu được rằng chẳng có gì khác là quan trọng, và vấn đề mình đã tiến triển được tới đâu thì cũng chẳng đáng gì, chẳng có gì phải quan tâm. Dù đã đi được tới đâu đi nữa, thì tôi vẫn còn phải đi xa thêm nữa. Nếu là vậy thì việc mình đã đi xa tới đâu chỉ là chuyện vụn vặt. Điều đáng quan tâm là mình có đi một cách thích đáng hay không, hoặc sẽ tiếp tục đi mà không nao núng. Tôi hiểu được rằng đó không chỉ là điều gì hợp lí, mà là mình đã thực sự cảm thấy nó là như vậy. Sau cái chứng nghiệm đó, sự thật là tôi không còn thấy hứng thú muốn biết việc tâm linh mình đã đạt được trình độ này, hay chưa đạt được trình độ nọ, và thực ra thì chuyện này không khác gì so sánh trái táo với trái lê. Xét theo mức độ của sự vô tận bao gồm quá khứ, hiện tại và tương lai, ai có thể biết được sự thật?

Khi nhìn kĩ cột ánh sáng, tôi cũng ý thức được nó hoàn toàn thẳng đứng và trơn nhẵn; trên đường đi không có chướng ngại vật. Tôi thấy đó hình như là biểu tượng về việc những chướng ngại mà linh hồn gặp, đã không cố tình được đặt trên đường, mà sự thật là do chính bản ngã chúng ta. Hành trình tới Thượng Đế là sự thanh lọc cho linh hồn. Nhiều

khi trong quá trình đó, chúng ta bị thử thách, như những điều trong những chứng nghiệm của tôi, nên luôn luôn đó không là con đường dễ đi. Nhưng những khó khăn đó không do Thượng Đế gây ra. Đó là những nhơ nhuốc đã tích lũy không chỉ do chúng ta, mà còn do cha mẹ mình, và đi ngược lại thời gian là do tổ tiên mình. Với tôi cột ánh sáng thẳng đứng hình như là dấu hiệu về việc những đau khổ mà chúng ta cảm thấy là không do Thượng Đế, mà đó là điều mà chúng ta phải cảm nghiệm được, để loại bỏ những nhơ nhuốc đó.

Cột ánh sáng dần dần mờ nhạt, và tôi cũng tập xong latihan. Đó là khi tôi nhận thức được bức tường ánh sáng mà mình đã trông thấy trong cái latihan trước đó, và vật hình trụ ánh sáng trong cái latihan này, cả hai đều y như nhau và chỉ là một. Lần đầu tôi đã trông thấy cột ánh sáng từ bên ngoài, và lần này thì từ bên trong. Tôi suy luận sở dĩ trước đó mình đã thấy bàn chân của Thượng Đế là vì điều đó cho mình biết là trên thực tế mình hiện đang ở chỗ thấp nhất trên đường dẫn tới Ngài.

Cái chứng nghiệm đó chứng tỏ được thực chất đặc biệt của lối tu tập theo latihan, và cũng cho thấy chuyện về một cầu thang từ Trên Trời trong Thánh Kinh và trong văn hóa dân gian không chỉ là một ẩn dụ hay là chuyện hoang đường, mà là điều gì có thật, xét theo tâm linh. Đó là sự hiểu biết mà tôi mang theo mình. Tất nhiên, đây chỉ là ý kiến cá nhân. Tôi không tìm cách quả quyết những gì mình nói là đúng, hay latihan của Subud là con đường duy nhất tới Thượng Đế. Trên thế giới chắc chắn là có những con đường ánh sáng tới Thượng Đế mà tôi không biết.

Tuy nhiên, latihan có điều độc đáo này mà tôi chưa từng thấy: đó là con đường dẫn tới Đấng Toàn Năng không đòi hỏi phải cố gắng và sùng tín, mà là điều gì rộng mở cho mọi người nếu họ muốn tiếp nhận, miễn là họ có một thái độ hoàn toàn quy thuận. Sự kiện con đường đó rộng mở không có nghĩa là ta sẽ một mạch tới được nơi đã định. Y như việc tôi thấy mình đứng tại chỗ thấp nhấp của đường đi, tất cả vấn đề chỉ là sẵn sàng lên đường. Ta sẽ thấy trước mặt việc mình từng bước đi tới, nếu tiếp tục đi và trải qua cái tiến trình đó. Việc bạn chấp nhận và phán xét như thế nào là sự lựa chọn và quyết định của cá nhân.

Mục tiêu tối thượng

Có điều chắc chắn này là tới một giai đoạn nào đó của cuộc sống, mọi người sẽ tự hỏi tại sao mình phải sống. Tại sao mình hiện hữu và sinh ra trên thế gian này? Ở tuổi dậy thì, nhiều người đã ý thức được câu hỏi đó. Phần đông đã không nhận được câu trả lời, nên các bạn trẻ đã lao mình vào cơn bão của xã hội, và giữa những công việc của cuộc sống hằng ngày, họ đã quên hẳn chuyện đó. Nhưng cũng còn có vài người suốt đời mang theo câu hỏi đó nơi nào đó trong lòng mình.

Khi tôi còn trẻ, có một thi sĩ mà tôi rất thích đọc là Rainer Maria Rilke. Một bài thơ của ông, bài *Duino Elegies*, mở đầu với một câu hỏi như thế.

Tại sao trong cuộc sống ngắn ngủi này ta không thể là một cây nguyệt quế, một cây hơi đen tối hơn những cây khác, với những gợn sóng nhỏ bé trên mỗi cành lá (như nụ cười của một cơn gió nhẹ) Tại sao ta phải là con người, trốn tránh định mệnh, nhưng lại khao khát nó?

Thực ra, bài *Duino Elegie* đối với tôi rất khó hiểu, nhưng không hiểu tại sao chỉ có đoạn thơ đó đã in đậm vào kí ức tôi. Có thể là vì hồi đó tôi là một kẻ bi quan; nó có vẻ như thích ứng với cái câu hỏi rất quan trọng đối với mình mà mình đã có trong đầu óc. Cái chứng nghiệm mà tôi đã thuật lại trong phần mở đầu, đã thúc đẩy tôi đi tìm Thượng Đế, nhưng chắc chắn là có những ý nghĩ như thế nơi thâm sâu đằng sau đó.

Năm 1963, khoảng một năm sau khi nghiệm được cột ánh sáng, tôi có một chứng nghiệm có tính cách xác định về câu hỏi đó.

Mũi tên xuyên qua tim tôi

Đời người tuy có những biến cố ít khi xảy ra, nhưng lại có thể triệt để thay đổi định mệnh mình trong khoảnh khắc. Biến cố tôi sắp kể lại là một trong những điều đó. Đó là một điều chỉ xảy ra một lần trong đời người và đã hoàn toàn thay đổi hướng đi của đời tôi kể từ lúc đó.

Một buổi sáng nọ là một ngày mùa hè thông thường đối với tôi. Tôi đến sở như thường lệ và bắt đầu làm việc. Đến 10 giờ, tôi làm xong được nhiều việc đầu tiên, và nghỉ xả hơi để hút một điếu thuốc. Ngay khi tôi sắp làm công việc khác, một cách hoàn toàn bất ngờ, phía bên phải ngực tôi bị một mũi tên từ thế giới tâm linh bắn thẳng vào. Nó đâm vào tim tôi, thoát ra từ phía trái nơi ngực tôi, rồi biến mất trong không gian trống vắng. Điều đó xảy ra trong chớp nhoáng. Tôi cảm thấy một cơn đau bén nhọn trong tim, và vết thương của tôi thì không chảy máu, nhưng lại là một chất lỏng đầy vị ngọt thắm và thân thể tôi. Tâm thức tôi chợt hiểu biết được một cách chợt nhiên và theo bản năng. Điều đó cũng chỉ kéo dài trong khoảnh khắc, nhưng trường hợp này tiết lộ cho tôi biết được mục đích vĩnh hằng của linh hồn mình.

Tôi không có thói quen viết nhật kí. Nhưng bởi việc mình ý thức được sự tiết lộ đó là điều bất ngờ, nên tôi viết lại bằng tiếng Anh trong một cuốn sổ ghi nhớ. (Sở dĩ tôi viết bằng tiếng Anh là vì nội dung có vẻ xa với thực tế, nên tôi không muốn bất cứ ai đi ngang qua hiểu được). Điều đó mang hình thức một bài thơ văn xuôi diễn đạt cơn sốc và sự xúc động mà tôi nhận thấy. Nó như thế này:

Cuối cùng tôi đã hiểu được! Ngay lúc ban đầu linh hồn tôi đã không ngớt đi tìm mục tiêu tối thượng. Mục tiêu tối thượng đó sẽ không thay đổi, dù trên thế gian này hay nơi thế giới bên kia. Bởi vì miễn là Thượng Đế còn cho phép tôi được tiếp tục sống, mục tiêu đó sẽ không thay đổi cho tới lúc tận thế.

Bây giờ thì nó được tiết lộ cho tôi biết: tôi phải trở thành đầy tớ thấp hèn -thấp hèn nhất - của Thượng Đế.

Cho tới lúc đó, cái ý nghĩ về sự khao khát được là đầy tớ của Thượng Đế chưa từng có trong đầu óc tôi. Theo sự suy nghĩ của tôi, cái quan niệm đó liên quan rất nhiều tới đạo Thiên Chúa và việc trở thành một thầy tu hay mục sư - đó không là những điều can dự tới cá nhân tôi. Không những thế, cách tiết lộ thật khác thường: cái ý nghĩ về một mũi tên vô hình làm tôi nhớ tới thần Cupid của Hi Lạp mà những mũi tên khiến cho mục tiêu trở thành kẻ si tình. Tất nhiên chỉ là thần thoại, nhưng tôi nhận thức được đó là sự thật tâm linh khiến cho điều đó quả thực có và không chỉ là chuyện hoang đường. Hiển nhiên cơn đau mà tôi cảm thấy trong tim và chất lỏng ngọt ngào trong thân thể mình, những điều đó không chỉ là ảo tưởng.

Về sau, tôi hay được là Thánh Theresa Avila thuộc thế kỉ 16 cũng đã thuật lại việc mình bị một mũi tên vô hình đâm vào tim, khiến tạo nên trạng thái xuất thần, nhưng hồi đó thì tôi chưa biết được chuyện đó. Tôi không có ý định so sánh những điều mình nghiệm được với những điều của bà, nhưng đó chỉ để chứng tỏ rằng điều đó là có thật.

Tôi bị choáng váng trong một lúc. Nhưng rồi cơn đau trong tim bắt đầu bớt đi, để chỉ còn lại một cảm giác vui sướng. Điều đó kéo dài suốt ngày, và sáng hôm sau thì vẫn còn lại một chút dư âm.

Sự hiểu biết mà tôi nhận được do cái chứng nghiệm đó có một ảnh hưởng vô hạn. Tôi được cho thấy một cách rõ rệt vô cùng việc tại sao mình phải sống. Trở thành đầy tớ của Thượng Đế cho tới lúc đó là một quan niệm không quen thuộc, nhưng bây giờ thì nó trở thành tất cả mục

đích của cuộc sống. Kể từ lúc đó, mỗi bận tâm chính yếu của tôi là làm cách nào mình có thể trở thành đầy tớ của Thượng Đế. Đó là vì trong lúc được cho thấy mục đích của linh hồn, tôi đã không được cho thấy việc làm thế nào để thực hiện. Tất cả những gì tôi biết được là việc chỉ tự gọi mình là đầy tớ của Thượng Đế thì chưa đủ. Vậy nên, điều có thể xảy ra là có những người không ý thức được việc Thượng Đế dùng mình làm dụng cụ cho mục đích của Ngài, nhưng việc trở thành đầy tớ của Thượng Đế thì phải khác hẳn. Trước hết, chính Thượng Đế phải nhìn nhận tôi là như vậy, và nếu thế thì tôi phải được đặt trong tình trạng có thể đúng cách tiếp nhận được ý muốn và chỉ thị của Ngài.

Hiện nay khi nhìn ngược lại thời gian, tôi có thể thấy hồi đó mình đã hoàn toàn không biết chút gì về việc cái nhiệm vụ đó hầu như không thực hiện được như thế nào. Trở thành đầy tớ của Thượng Đế là mục tiêu cao quý nhất mà con người có thể đạt tới. Tất nhiên, tôi không nghĩ rằng làm được như vậy là chuyện dễ, tôi âm thầm mong muốn Thượng Đế sẽ cho thấy thêm một dấu hiệu nữa. Nhưng thay vì vậy tôi đã phải đợi thật lâu, rất lâu. Ba mươi năm sau, tôi nhận được một chứng nghiệm liên quan tới mục tiêu đó, điều mà tôi sẽ nói thêm sau này.

Điều đáng nói trong cá chứng nghiệm nói trên là sự việc trong cuốn sổ ghi nhớ của mình, tôi đã không chỉ cho thấy mục tiêu của mình là trở thành đầy tớ thấp hèn của Thượng Đế, mà là thấp hèn nhất, và từ thấp hèn được lặp lại nhiều lần, để nhấn mạnh việc trở thành đầy tớ thấp hèn nhất của Thượng Đế là mục tiêu tối thượng. Tôi hiểu được rằng mình nhỏ bé như thế nào trước Thượng Đế, và cũng đau đớn ý thức được việc dù năm tháng có trôi qua nhiều tới đâu đi nữa, mình vẫn mãi mãi còn là một sự sống nhỏ xíu.

Nhận thức được như vậy là rất quan trọng với tôi, vì điều này giúp tôi trừ bỏ được lòng ngạo mạn trong đời mình. Tôi phát hiện được sự việc mình luôn luôn có lòng khiêm tốn tuyệt đối - như thể mình chẳng là gì hết - khi mình được Thượng Đế cho thoáng nhìn thấy sự hiện hữu của Ngài. Cảm thấy mình khiêm tốn là một phương pháp thử nghiệm để biết được mình đã thực sự nghiệm thấy Thượng Đế hay chưa. Nếu bạn không cảm thấy như vậy, tôi nghĩ rằng người ta có thể nói bạn chưa thực sự nghiệm được Thượng Đế.

Nhiều tháng sau, tôi phát hiện được sự việc ngày mình có cái chứng nghiệm đó, mùng 9 tháng 7 năm 1963, là ngày Hội Nghị Thế Giới thứ hai của Subud được khai mạc tại Briarcliff, một vùng ngoại ô của New York... Tôi đã không thể đi dự, và do đó đã quên hẳn đi chuyện đó. Nhưng điều đáng chú ý là buổi tối mùng 8 tháng 7, Bapak đã có một buổi nói chuyện đầu tiên. Trong buổi đó, hình như người đã nói rằng các phụ tá (trong Subud) là phụ tá của Bapak. Cứ cho là Bapak bắt đầu nói chuyện lúc thường xảy ra là 8 giờ tối, thì tôi đã nhận được cái chứng nghiệm đó vào khoảng giữa lúc đang nói chuyện, - mặc dù người cách xa tôi hàng ngàn dặm. Tất nhiên, điều đó có thể coi là ngẫu nhiên, nhưng cái chứng nghiệm đó như tiếng sét ngang tai, và sự việc nó xảy ra cùng một lúc với Hội Nghị Thế Giới là điều khiến tôi nghĩ rằng tất phải có một ý nghĩa gì đó. Đó là lần đầu tiên tôi quan tâm rất nhiều tới Hội Nghị Thế Giới, và quyết định sẽ đi dự lần tới.

Phần hai

Vài chứng nghiệm

Tâm linh của Bapak

Những gì tôi kể lại dưới đây là những điều liên quan tới ba chứng nghiệm mà tôi nhận được giữa năm 1964 và năm 1967, mười năm sau khi tôi bắt đầu tập latihan. Bapak mất năm 1987 và chẳng bao lâu sau đó những người đã được gần cận Bapak bắt đầu chia sẻ những chuyện của họ về Bapak. Tôi cũng có nhiều ký ức về Bapak, và có thể nói rằng về một vài phương diện, đời sống latihan mình phần lớn là xoay quanh Bapak. Tuy nhiên, ba chứng nghiệm mà tôi thuật lại dưới đây thì không liên quan tới con người vật chất của Bapak mà tôi đã được gặp trong lúc người còn có mặt với chúng ta trên thế gian này, nhưng là về con người tâm linh của Bapak - cái thực thể tâm linh vô hình đằng sau con người vật chất của Bapak.

Bapak nội giới

Đối với những người Subud đầu tiên, câu hỏi Bapak thực sự là ai là điều rất hấp dẫn và có những sự suy đoán về việc người là hiện thân của những vị ngôn sứ xưa kia. Bản thân Bapak trước sau như một luôn nói mình chỉ là Bapak - một người đầu tiên được Thượng Đế giao phó cho nhiệm vụ đem đặc ân của latihan đến cho nhân loại. Đối với những hội viên đầu tiên được mật thiết gần cận với Bapak, thì hiển nhiên Bapak

không là một phàm phu tục tử.

Bapak có thái độ đó là vì đối với những người nhận được và tập latihan, thì đó là điều không cần thiết, và quả thực tốt hơn là không nên biết câu hỏi đó sẽ được giải đáp như thế nào. Tôi đoán đó là vì người nghĩ rằng nếu cần thiết, hay nếu đến lúc ai đó biết được giải đáp, thì người đó sẽ tự mình hiểu được qua kinh nghiệm của chính mình. Nếu Bapak có ý tuyên bố mình là ai, thì câu hỏi có nên tin người hay không sẽ được đặt ra. Mặt khác, nếu ai đó biết được Bapak là ai qua kinh nghiệm của mình, thì những người khác không cần phải tin, mặc dù chính mình sẽ tin. Điều này sẽ tránh tạo nên một vấn đề không ăn nhập gì tới bản thân của latihan.

Ngoài ra còn có vấn đề biến ai đó thành thần tượng. Ban đầu Bapak khuyên người ta đừng đặt một tấm hình của mình trong phòng tập latihan. Đó là để cho thiên hạ tránh đừng chú tâm tới mình, thay vì tới Thượng Đế. Kinh nghiệm đầu tiên của tôi về Bapak tâm linh liên quan tới việc đó.

Thực ra, tôi đầu tiên nhận thấy sự đặc biệt của Bapak trong chuyến đi lần đầu tới Nam Dương trong năm 1963. Tôi đã kể lại việc mình đã hỏi người ba điều, nhưng tôi không đề cập tới việc mình muốn hỏi lúc đó là việc có hình ảnh của Bapak. Hồi đó chúng tôi không treo hình Bapak trong phòng tập latihan, và người cũng không đòi hỏi phải làm như vậy. Tuy nhiên, tôi để một tấm hình nhỏ bé của Bapak trong phòng ngủ mình, và thường dùng phòng đó để tập latihan một mình. Có lần khi đang tập latihan nơi đó, tôi chợt thấy có điều gì bất thường. Tập latihan thì thường nhắm mắt lại. Cơ thể cử động một cách tự nhiên, thường là đi đứng quanh phòng. Cơ thể còn cử động trong trạng thái latihan thì khó xảy ra chuyện mình đụng vào chỗ nào đó. Vậy, cho tới khi vẫn còn latihan, mình không biết được sẽ đứng nơi đâu và hướng về phía nào. Điều tôi thấy kì lạ là bất cứ lúc nào tập latihan trong phòng đó, tôi đều nhận thấy mình đứng ngay trước tấm hình của Bapak. Điều đó thường xuyên xảy ra, nên không thể ngẫu nhiên được.

Tập xong, tôi thường cúi đầu và thân mình, và khi mở mắt ra, tôi thấy mình đứng ngay trước tấm hình Bapak, như thể tôi đang cúi mình trước nó.

Ở Nam Dương điều trước tiên tôi hỏi Bapak là tại sao lại vậy? Theo chỗ tôi biết, đó cũng chỉ là một tấm hình của Bapak là người mà tôi kính trọng, và một tấm hình thì cũng không hơn gì một tấm hình. Thì đó cũng chỉ là một tấm giấy. Thế nên, giữa cái đó và latihan tôi không thể thấy có một sự liên hệ nào. Vậy nên tại sao (trái với ý muốn mình) mỗi khi tập xong, tôi đều thấy mình đứng trước tấm hình của Bapak. Đó là điều tôi muốn hỏi.

Bapak không trả lời một cách trực tiếp mà chỉ nói:

-Một ngày nào đó bạn sẽ thấy Bapak trong đáy lòng mình. Đến lúc đó thì sẽ không cần phải có một tấm hình.

Đúng ra, những gì Bapak nói đã không giải đáp câu hỏi của tôi. Đối với tôi đó là một chuyện không đáng kể; tôi có một điều quan trọng hơn muốn hỏi tiếp, nên đã bỏ qua chuyện đó. Hiện nay nhớ lại việc đó, tôi nghĩ rằng câu hỏi đó cũng có thể xét theo bối cảnh của sự thờ bái hình ảnh trong đạo Phật và đạo Thiên Chúa.

Hồi đó tôi không thắc mắc nhiều về vụ đó. Lý do duy nhất khiến tôi hỏi điều đó là vì đó là việc đầu tiên tôi nghĩ tới, khi Bapak hỏi tôi có thắc mắc gì không. Điều tôi thực sự muốn biết là câu hỏi thứ ba, về cái Chứng Nghiệm Cơ Bản của Nội Tâm.

Thế nên, khi Bapak nói rằng một ngày nào đó tôi sẽ phát hiện được Bapak trong lòng mình, tôi không để ý gì nhiều. Tôi nghĩ điều muốn nói là trong tương lai mình sẽ có một chứng nghiệm đem mình đến gần Bapak hơn. Tôi không nghĩ được đúng ra cái chứng nghiệm đó sẽ như thế nào, nhưng vì điều đó sẽ xảy ra một lúc nào đó trong tương lai, nên có lẽ sẽ là nhiều năm sau đó. Không nghĩ ngợi gì nhiều, tôi bỏ qua chuyện đó, trở về Nhật Bản và hầu như đã quên hết. Tuy nhiên, chỉ một vài tháng sau khi tôi trở về nước, thì những lời nói của Bapak trở thành sự thật.

Một buổi tối nọ tôi nằm trên giường và nghĩ rằng sắp tới lúc phải ngủ. Chợt nhiên tôi cảm thấy như có ánh sáng chói lòa trong đáy lòng mình. Liền sau đó, tôi ý thức được là Bapak đang hiện diện, trong cái ánh sáng

rực rỡ nơi ngực mình. Điều đó hoàn toàn bất ngờ, và tôi hiểu rằng những gì Bapak nói không chỉ là biểu tượng, mà là sự thật hiển nhiên.

Điều tôi nghiệm thấy kì diệu và đích thực đến nỗi không còn phải nghi ngờ gì nữa, vì tôi đã cảm thấy một điều tương tự trước đó, khi mình phát hiện được nàng Sumiko trong lòng mình. Trước đó tôi đã kể lại rằng nàng Sumiko trong lòng mình có thật hơn là nàng Sumiko đang có trên thế gian này. Bây giờ thì tôi lại có một cảm giác y như vậy. Sự khác biệt duy nhất là lần này thì ngực tôi tràn đầy ánh sáng chói lòa, và tôi cảm thấy mình hoàn toàn được nó bao bọc, như mình đang đứng một nơi nào đó trên trời.

Tôi nghiệm được trạng thái tuyệt vời đó trong lúc vẫn còn sống. Tôi vẫn còn sống trên hai thế giới, cái thế giới này và cái thế giới trên trời, và nếu cái trạng thái đó có thể mãi mãi tiếp diễn thì thật thú vị. Sau khoảng một phút, Bapak nội giới được ánh sáng bao bọc, bắt đầu mờ nhạt.

Điều tôi nghiệm thấy nhanh chóng tan biến cũng như khi hiện ra. Nhưng nhờ đó mà tôi hiểu biết được đôi chút về tâm linh của Bapak - về chân tâm của người. Có lẽ là vậy, không như Bapak vật chất, Bapak tâm linh cũng có trong lòng tôi, tôi có thể tìm gặp người trong lòng mình. Nếu người có mặt nơi đó, tôi nhận thức được là người cũng có mặt nơi những người khác, miễn là họ hội đủ được một số những điều kiện nào đó. Theo kinh nghiệm của tôi thì có thể kết luận như vậy.

Tuy nhiên, kết quả trực tiếp của việc đó là tôi không còn ganh tị những người được sống gần Bapak. Dù có xa cách đến mấy nữa về phương diện địa lí, tôi biết rằng mình luôn được nối kết với Bapak tâm linh qua nội ngã mình.

Bapak ngoại giới

Cái chứng nghiệm thứ nhì của tôi về tâm linh của Bapak xảy ra một năm sau đó, và nguyên nhân của nó là những việc làm sau đây của một hội viên.

Trong Subud vai trò của một phụ tá là giải thích về Subud cho những người muốn gia nhập, truyền thụ cho họ sự giao tiếp (được gọi là khai mở),

trợ giúp và khuyên bảo họ, một khi họ đã gia nhập.

Phụ tá không là tôn sư hay lãnh tụ. Một trong những vai trò của phụ tá là nhận lãnh trách nhiệm về những xuất latihan nơi nhóm mình. Như Bapak đã giải thích, nếu so sánh điều này với một trường học, thì phụ tá không là thầy giáo, mà là những người trợ giúp và đảm bảo cho mọi việc êm xuôi xảy ra bằng cách sắp đặt bàn ghế và những thiết bị khác.

Tôn sư là Đấng Toàn Năng, và những bài học mà thiên hạ nhận được của quyền năng Thượng Đế là những điều thích ứng với mỗi cá nhân, tùy theo những hoàn cảnh của họ. Ta không cần có một tôn sư là con người, và thực vậy, đó chỉ là một chướng ngại. Nếu những người là tôn sư mà xen vào cách dạy học do quyền năng của Thượng Đế, thì thay vì giúp ích, họ sẽ chỉ làm cho sự tiến bộ của học viên bị cản trở. Một điều như vậy đã xảy ra, khi tôi trông nom latihan của một nhóm Subud tại một nơi nọ. Có một hội viên thấy không cần phải tuân theo những nguyên tắc của Subud, và tự coi mình là tôn sư của những người khác. Vấn đề trở nên phức tạp do sự kiện này là người hội viên đó đã đến Nam Dương và đã có mặt lâu dài nơi Trung Tâm Subud Quốc Tế. Sau này, tôi được Bapak cho hay là đương sự đã trải qua một sự khủng hoảng. Khủng hoảng ở đây có nghĩa là một tình trạng do hậu quả của việc mình tập quá nhiều latihan để có thể nhanh chóng tiến bộ, và do đó bị thanh lọc mãnh liệt. Điều này đôi khi biểu lộ thành những chứng nghiệm tâm linh nhưng đầu óc mình thì không còn được quân bình.

Thực ra, một sự khủng hoảng có thể mang nhiều hình thức. Đôi khi việc đi ra ngoài lối cư xử bình thường trở nên hiển nhiên; đôi khi không có những dấu hiệu bên ngoài. Sau một khoảng thời gian nào đó, giai đoạn đó chấm dứt và đương sự trở lại tình trạng bình thường. Sự mô tả như thế về khủng hoảng đã được đơn giản hóa tới mức tối đa. Bàn luận kĩ lưỡng hơn về khủng hoảng không là đề tài chủ yếu của tập sách này, nên ở đây tôi chỉ nói là khi người ta bị khủng hoảng, thì đó chỉ là điều rất ít khi xảy ra.

Trong lúc có mặt ở Nam Dương, và vì muốn tiến bộ nhanh chóng, nên người hội viên nói trên đã làm nhiều latihan và trải nghiệm tại tư gia của các phụ tá trong ban thư kí của Bapak. Hậu quả là cảm quan của anh được tăng cường, cái quyền năng của latihan mà anh nhận được đã vượt xa hơn khả năng anh, và những dơ bẩn trong tận đáy lòng anh lập tức lộ diện, và điều này khiến anh bị khủng hoảng. Điều thấy rõ là một tình trạng lộn xộn trong đó tất cả những tri giác, ham muốn và tưởng tượng của anh hòa lẫn

nhau làm anh tự cho mình là cao siêu - mặc dù anh không ý thức được điều đó.

Tuy chưa trở thành phụ tá, nhưng anh tự coi mình là đã đạt được một tình trạng tâm linh siêu đẳng, và anh thường chê bai này nọ trong lúc tự coi mình là lãnh tụ. Anh tự cho mình là người trực tiếp đem đến những hiểu biết mới mẻ của Bapak, và nhiều hội viên còn thiếu kinh nghiệm đã bị ảnh hưởng.

Điều khiến tôi lo nghĩ là việc mình có trách nhiệm đối với nhóm. Khi nói chuyện với hội viên, anh đã tỏ ra rất sáng suốt, nhưng lối cư xử của anh thì lại thất thường và đi ra ngoài khuôn khổ của Subud. Anh đặc biệt có ác cảm với tôi là người trông coi nhóm, và tìm đủ mọi cách để cản trở tôi. Điều thường xảy ra là khi sắp nói chuyện với hội viên, tôi liền nhận thấy sự ác cảm mãnh liệt của anh đối với mình, và không thể nói lên lời nào. Tất cả những gì tôi có thể làm là cố gắng đừng xúc động, hay phản ứng lại những cảm xúc mà anh phóng về phía mình. Tôi nghe nói cách hay nhất để đối phó với những người như anh là cứ việc bình tĩnh và không tỏ vẻ xúc động. Điều này sẽ khiến cho cái giai đoạn mà anh phải trải qua bớt dài lâu hơn, và làm anh trở lại một người bình thường.

Tuy nhiên, cái tình trạng đó vẫn tiếp diễn trong hai rồi ba tháng, và càng lúc càng trở nên tệ hại. Tôi thấy càng lúc càng gay go là mình chịu đựng được sự căng thẳng đó, và việc đến tập latihan với nhóm trong đó anh có mặt, là điều khó nhọc với tôi.

Nhưng dần dần những cảm xúc của tôi kiếm được lối thoát, và tôi bắt đầu thấy mình phóng nó về phía Bapak, thay vì về phía người hội viên đó. Tại sao Bapak lại để cho hấn trở về Nhật Bản, trong khi hấn bị như vậy? Tôi cảm thấy mình trách cứ Bapak trong tâm hồn mình. Bapak chắc chắn đã phải ý thức được tình trạng nội tâm của hấn, việc hấn sẽ hành động ra sao khi trở về Nhật Bản và những hậu quả của điều đó. Bapak chắc chắn đã phải nghĩ ra cách ngăn chặn điều đó, hay đã có thể khiến cho hấn đừng trở về nước, trước khi hấn chưa trở lại tình trạng bình thường. Thay vì vậy, Bapak đã chẳng làm gì hết, và đã chấp thuận cho hấn về nước, và tôi là kẻ chịu đau khổ. Nên chính tôi nhận thấy mình đang trách cứ Bapak.

Một hôm nọ, trong khi đang đợi chờ latihan phát động, và đây không biết là bao nhiêu lần rồi, tôi lại cảm thấy sự ác cảm của đương sự đối với mình, và không thể chịu đựng được thêm nữa. Khi tới lúc đứng dậy, tôi kêu gọi Bapak trong đầu óc mình mà không suy nghĩ gì.

-Bapak, tại sao ông để cho hấn trở về Nhật Bản trong tình trạng này? Ông đã phải biết là hấn sẽ tạo nên nhiều sự lộn xộn, thế mà ông đã không tìm cách ngăn chặn lại. Tại sao vậy?

Thế rồi, tôi không còn nhớ rõ là điều này kéo dài được bao lâu, sau khi latihan phát động, nhưng tôi chợt ý thức được là Bapak đang đứng trước mặt mình. Nét dáng trông không rõ, nhưng chắc chắn phải là Bapak. Người đang đứng đó, bất động, còn tôi thì tiếp tục tập latihan trước mặt người. Rồi có một điều lạ lùng xảy ra. Sự việc xảy ra một cách bất ngờ, cái khu vực chung quanh Bapak và tôi bắt đầu chuyển động, và trước khi tôi hay được, cái thế giới chung quanh tôi bắt đầu nhanh chóng tan biến. Liền sau đó, cảnh vật chung quanh chuyển động với một tốc độ kinh hồn, và điều này như việc tôi đang coi một cuốn phim video đang quay nhanh về phía trước. Lập tức, tôi ý thức được việc đứng ra cái thế giới chung quanh mình đang tan biến, và chúng tôi thì bay lên phía trên. Điều này như việc đang đứng trong một thang máy chạy rất nhanh lên phía trên, và khi nhìn ra ngoài, thay vì có thang máy đang lên, ta thấy hình như cái thế giới này đang tan biến từ phía dưới.

Điều đó xảy ra khoảng 20 hay 30 giây, rồi chợt nhiên cảnh vật chung quanh ngưng chuyển động. Không hiểu tại sao, Bapak không còn được trông thấy nữa ở bất cứ đâu. Thay vào đó là không gian trống vắng trải ra khắp nơi. Những hội viên tập latihan cùng tôi hình như cũng đã biến mất, ngoài một người duy nhất -đó là anh hội viên phá đám có vẻ như đang nằm một mình và ngủ dưới chân tôi.

Đây là một thế giới chỉ có đoàn kết và hòa thuận. Trong cảnh giới này, vạn vật đều hòa hợp và vạn vật được nối kết với nhau một cách độc nhất. Đó là một thế giới của sự duy nhất. Tôi nhìn anh hội viên đang nằm dưới đất. Tôi và anh cũng được nối kết với nhau, như linh hồn hai người anh em. Tôi nhìn chung quanh và cảm thấy cái quyền năng xuất phát từ Bapak trải ra khắp nơi trong cái vũ trụ rộng lớn này, và vạn vật đều thấm nhuần cái quyền năng đó. Khi nhìn chòng chọc cái quang cảnh đó,

điều tôi cảm nghĩ được là tất cả những việc xảy ra trên trần gian này đều không ít thì nhiều có liên quan tới cái vũ trụ tâm linh đó, và miễn là cái vũ trụ tâm linh đó còn thấm nhuần quyền năng của Bapak, thì tất cả những gì xảy ra đều phải xảy ra, vì Bapak cho phép được như vậy. Cái ý nghĩ này vượt ra ngoài lí trí. Tôi hiểu được rằng bất cứ những gì được phép xảy ra thì không nhất thiết phải là một điều tốt. Khả năng của Bapak là việc có can đảm để cho những biến cố trái với mong muốn xảy ra mà không tìm cách xen vào.

Cái ý nghĩ đó khiến tôi nhận thức được lối cư xử của Bapak rất gần với lối cư xử của Thượng Đế. Mặc dù sự kiện quyền năng của Thượng Đế hiện diện khắp nơi trong vũ trụ, và Thượng Đế là Đấng có quyền hành tuyệt đối, nhưng Thượng Đế đã cho phép những biến cố thảm thê nhất xảy ra trên trần gian mà không xen vào. Điều đó có khác gì với Bapak?

Tôi cảm thấy có sự lộn xộn. Điều này chẳng có nghĩa là Bapak có những thuộc tính y như của Thượng Đế hay sao? Vì chuyện này vượt ra ngoài khả năng hiểu biết được Bapak của mình, nên tôi quyết định không suy nghĩ gì nhiều thêm. Đó là những điều tôi nghĩ, khi mình đang trong một thế giới có những kích thích khác.

Khi trở về từ thế giới bên kia, tôi nghĩ rằng mình sẽ đi theo con đường y như trước đó, và điều này sẽ khiến mình trông thấy cái thế giới chung quanh mình chạy lên trên, trong khi mình đi xuống phía dưới. Thực ra thì không như vậy. Tất cả những gì xảy ra là cái quang cảnh chung quanh tôi bắt đầu mờ nhạt, và tôi trở lại trạng thái bình thường của latihan. Ngay sau đó, latihan tôi chấm dứt. Tôi mở mắt ra và thấy mình đang đứng trong phòng với những hội viên khác.

Cái chứng nghiệm đó tạo nên một ấn tượng sâu đậm và khiến tôi có một hiểu biết mới mẻ về Bapak. Trước đây, tôi quả thực đã nhận thấy sự vĩ đại của Bapak, và hình như người là điều gì vượt ra ngoài những gì tôi hiểu được. Nhưng những điều tôi vừa cảm nghiệm được đã khiến mình phải bỏ cái ý định suy nghĩ thêm về chuyện đó. Tôi nhận thức được là nó quả thực vượt ra ngoài khả năng mình.

Những gì cái chứng nghiệm nói trên khiến tôi hiểu biết được là ngoài

cái thế giới này còn có một thế giới tâm linh cao siêu hơn nhiều. Tôi không biết chắc phải đặt như thế nào vị trí của cái thế giới tâm linh đó, nhưng có điều chắc chắn này là nơi đó có sự hòa thuận và đoàn kết như trên thiên đàng đối với con người. Đó có lẽ là điều mà Bapak gọi là cái thế giới của những người có chân tính. Một cách tình cờ, tôi đã nhận thấy sự hiện hữu của nó nhờ Bapak.

[ghi chú] Đây là một câu hỏi hắc búa đã được đặt ra từ thế kỉ này qua thế kỉ khác. Nếu Thượng Đế hiện hữu, tại sao Ngài lại cho phép những điều đau đớn kinh khủng đó xảy ra? Vấn đề này liên quan sâu sắc tới sự tự do mà con người được ban cho. Trong một trong những buổi nói chuyện của mình, Bapak đã đề cập tới việc sự tự do là đặc ân lớn nhất mà Thượng Đế ban tặng cho con người; ngay cả các thiên thần cũng không được ban cho cái thuộc tính đó của Thượng Đế. Tối thiểu nhất thì điều này có nghĩa là con người được ban cho uy quyền có thể hành động và làm chủ cái môi trường của mình như những thánh thần, đến cái mức độ tối đa của những gì liên quan tới cuộc sống của mình trên trần gian. Tuy nhiên, tùy theo cách được dùng, sự tự do có thể tạo nên cái thiện cũng như cái ác. Do những đặc quyền mà con người được hưởng, chúng ta có tiềm năng khiến mình được nâng lên cao hơn các thiên thần, nhưng cũng bị hạ xuống thấp hơn Ác Quỷ, bằng đầy chính chính mình và những người khác vào Địa Ngục của sự đau khổ. Đó là ý nghĩa của sự tự do và cái giá mà chúng ta phải trả cho việc lạm dụng nó. Ta không thể trách Tạo Hóa về những điều như chiến tranh, sự nghèo đói, sự kỳ thị và những tai ương khác mà con người đem đến cho chính mình. Con người phải nhận lấy trách nhiệm về những gì chính mình đã tạo ra, và phải kiếm được những giải pháp của chính mình. Hậu quả của việc lạm dụng sự tự do là cuộc sống trên trần gian này có đầy những cám dỗ nguy hiểm. Những điều đó hạ thấp giá trị của một vài người xuống tình trạng của một cuộc sống thấp hơn thú vật. Bapak đặc biệt cho biết cái tiềm năng nơi con người khiến mình đạt được những gì là cao quý cũng như làm những gì trái ngược với điều đó, là tính công bằng của Thượng Đế đối với các thiên thần và các tạo vật khác, và không như chúng ta, họ đã không được ban cho sự tự do.

Nhưng vẫn còn trên thế gian này bệnh tật, thiên tai và những điều khiến đau khổ khác không do con người tạo ra. Một quan niệm chủ yếu của đạo Phật là kiếp sống này là bể khổ, và đó là sinh lão bệnh tử, ta rời

bỏ được cái thế gian này càng sớm được chừng nào càng là hay chừng nấy. Nhưng ta cũng có thể nói - nếu quả thực có một Đấng Tạo Hóa, thì tại sao Ngài lại để cho nhân loại chịu đau khổ? Về điều này Bapak nói rằng đó là cách để thử thách nhân loại. Con người chấp nhận và đáp ứng như thế nào những đau khổ của mình là một thử thách và cơ hội đối với mình để phát triển linh hồn mình.

Trong Thiên Chúa giáo, Sách Yob thuộc Cựu Ước đề cập tới vấn đề đó một cách không quanh co. Yob là một người ngoan đạo có đức tin vững mạnh nhưng lại là nạn nhân của hết tai ương này tới tai ương khác. Ông trách cứ Thượng Đế và kêu gọi Ngài trả lời cho mình tại sao mình lại phải đau khổ nhiều như vậy, khi mình đã chẳng làm gì đáng bị trừng phạt. Bạn bè ông tìm cách làm cho ông tin là đã phải làm điều gì đó sai trái, nhưng Yob vẫn cho mình đã luôn làm những gì đúng đắn. Phần cuối Sách Yob Thượng Đế trả lời cho câu hỏi Tại sao? của Yob, nhưng đó không là điều khiến hài lòng. Thượng Đế chỉ liệt kê những thí dụ về sự vĩ đại và toàn thiện của Ngài và nói rằng tất cả những gì con người có thể làm là xét đoán sau khi kết quả đã rõ ràng.

Tuy nhiên ngay phần đầu của Sách Yob là câu chuyện về việc Thượng Đế và Ác Quỷ đánh cuộc xem đức tin của Yob vững mạnh tới cỡ nào. Những tai ương mà Yob phải gánh chịu, là cách Ác Quỷ cám dỗ Yob để coi có thể làm suy yếu đức tin của Yob ở Thượng Đế, và đó cũng là những thử thách do Thượng Đế để chứng tỏ đức tin của Yob chân thành và không thể lay chuyển như thế nào.

Ta có thể nhìn vấn đề đó theo cách khác: đau khổ là cái cơ bản cho cuộc sống của con người trên trần gian. Trái đất trên đó chúng ta sống chủ yếu là một thế giới vật chất. Đối với vật chất (như khoáng vật chẳng hạn) trái đất là quê hương, một khu vực nơi đó nó mãi mãi hiện hữu. Nhưng trong trường hợp của thực vật, thú vật và quan trọng hơn là con người, thì tất cả đều có một hình thù vật chất, và ta có thể nói rằng tinh chất (sinh lực hay linh hồn) của thực vật, thú vật và con người thì chủ yếu không thuộc về thế giới vật chất. Nói cách khác, theo quan điểm tâm linh, quê hương đích thực của thực vật, thú vật và con người là lĩnh vực tâm linh, một lĩnh vực vượt xa thế giới vật chất, và đời sống trên trái đất chỉ là tạm bợ, khiến cho thực vật, thú vật và con người có thể nghiệm được sự sống trong thế giới vật chất.

Do đó mà thực vật, thú vật và con người không thể mãi mãi sống trên cái thế gian này như các món đồ vật chất. Điều này dẫn đến cái quan niệm là những hạn định của cơ thể, được xác thịt bao phủ, là điều khiến phải đau khổ vì cơ thể không bao giờ có thể hoàn toàn thích ứng với thế giới vật chất. Hiển nhiên, đau khổ nằm trong dự định của Thượng Đế theo đó Mệnh Trời cho chúng ta cơ hội không còn phải trải qua cuộc sống mình nơi trần gian để có thể cuối cùng trở về nơi quê hương đích thực của mình mà không còn sai lầm nghĩ rằng trần gian là nơi an nghỉ cuối cùng của mình.

Tuy tôi trình bày những ý kiến của mình về vấn đề đó nhưng thực tại là điều vượt ngoài kinh nghiệm của cá nhân tôi, và như vậy thì tôi không thể trả lời câu hỏi trên cho chính mình. Những gì tôi viết đều dựa trên những bài nói chuyện của Bapak cũng như trên những hiểu biết mà tôi hiện có trong đầu óc, và do đó đều là giả thuyết. Nhưng tôi xin được giới thiệu nơi đây một bài báo rất cảm động về một cuộc phỏng vấn Mẹ Teresa mà tôi được đọc. Trong cuộc phỏng vấn đó Mẹ Teresa giải thích nếu có liên quan tới sự hiện hữu của Thượng Đế, thì sự nghèo đói là do con người tạo ra, chứ không là trách nhiệm của Thượng Đế.

Đau khổ không giống như nghèo đói. Đau khổ là điều gì chúng ta có thể hiểu được với tri tuệ của con người. Đó là một sự sắp xếp phi thường của Thượng Đế mà ta không thể giải thích được. Nhưng có một điều mà tôi biết được. Khi con người đau khổ, Thượng Đế có bên cạnh họ, như một người cha ân cần.

Sứ mệnh của Bapak

Do những chứng nghiệm của mình về một thế giới với những kích thước khác, tôi nghĩ rằng mình đã biết được hết những gì có thể biết được về Bapak. Nhưng còn có những điều mà tôi chưa biết. Điều này xảy ra lúc Đại Hội Thế Giới Subud Thứ Ba tại Tokyo trong năm 1967.

Đại Hội Thế Giới Subud được tổ chức cứ bốn năm một lần. Hội đó có hơn ba ngàn người đến dự những Đại Hội đó, và họ là những người từ nhiều quốc gia trên khắp thế giới. Đại Hội thường kéo dài trong mười

ngày hay hơn, và việc trước đó phải tổ chức những dịch vụ về nơi ăn chốn ở và những nơi gặp gỡ thì rất phức tạp và tốn kém. Tuy nhiên, trong những năm đầu, chỉ có ít người thường đi dự và tổng số những người đến dự Đại Hội Tokyo là 400 người, trong đó có khoảng 250 người từ hải ngoại. Subud Nhật Bản đã có thể đương đầu với những dịch vụ đáp ứng nhu cầu của những người đến dự Đại Hội, vì họ không có là bao. Đại Hội được tổ chức bên trong và chung quanh Khách Sạn Yomiuri nơi vùng ngoại ô của Tokyo.

Người ta đã quyết định ngôn ngữ chính thức sẽ là tiếng Anh, và những nói chuyện của Bapak trong Đại Hội sẽ phải được dịch qua tiếng Anh, và qua tiếng Nhật chỉ trong những lúc được ấn định, để tránh bị trì hoãn. (Hiện nay trong những Đại Hội đó người ta có thể đồng thời dịch qua một thứ tiếng khác). Vai trò của tôi là thông dịch từ tiếng Anh qua tiếng Nhật. Điều này có nghĩa là không phải tất cả các nói chuyện của Bapak đều dịch qua tiếng Nhật, và như vậy thì thật xui xẻo cho những hội viên Nhật Bản không hiểu tiếng Anh, nhưng lại may mắn cho tôi, vì tôi nhận thấy việc dịch những nói chuyện của Bapak đòi hỏi mình phải tập trung thật nhiều. Điều này một phần là do sự khó khăn hiểu được ngôn ngữ nói của tôi, và việc dịch những nói chuyện của Bapak cũng không chỉ đòi hỏi mình chỉ phải như thường dựa vào kí ức.

Khi có một buổi nói chuyện, Bapak không chuẩn bị gì. Người thường nói bất cứ những gì mình *tiếp nhận* được do Thượng Đế, những điều phải nói trong lúc đó. Tất cả những điều đó đều không do óc não của Bapak. Bất cứ lúc nào tìm cách ghi nhớ những gì người nói, tôi không thể giữ lại được gì, và đầu óc tôi hoàn toàn trống rỗng. Với những ai chưa nghiệm được điều đó thì có lẽ khó hiểu, nhưng nếu giữa lúc thông dịch điều gì mà người thông dịch bắt đầu dùng tư tưởng mình, thì dù cho đó có thể là tư tưởng không thường có, những gì xảy ra lúc đó là trí óc mình không nắm giữ được những gì đã nói và trở nên trống rỗng, khiến tạo nên một trạng thái hoang mang.

Khi Bapak đến thăm Nhật Bản lần thứ hai và tôi là người thông dịch duy nhất hồi đó, ông Usman đã cho tôi hay trước về điều đó, vì ông thường đi theo Bapak để thông dịch cho người. Thực vậy, ông nói rằng có lần ở Âu Châu một phụ nữ nói lưu loát tiếng Anh đã tìm cách thông dịch những gì Bapak nói, nhưng chị đã không thể dịch đến ngay cả một chữ

và cuối cùng phải khóc tại nơi.

Vậy điều đòi hỏi nơi người thông dịch là đừng cố gắng ghi nhớ các chữ mà chỉ việc thư thái, như trong trạng thái latihan, không dùng trí óc. Chỉ việc lắng nghe để hiểu được trong một trạng thái sáng suốt của tâm hồn, rồi thì chuyển những gì mình hiểu được qua tiếng Nhật, hay những tiếng khác. Tôi thường cố gắng làm điều đó, nhưng mọi việc không luôn được êm đẹp. Việc thường xuyên phải ngắt lời để làm cho điều gì đó dễ hiểu là điều cản trở sự lưu loát của buổi nói chuyện. Mặc dù vậy, tôi đã thường thông dịch những nói chuyện của Bapak và cố gắng đặt mình trong trạng thái latihan, trong khi phải tập trung thật nhiều, và đó là điều tôi thấy rất mệt mỏi.

Lần đầu tiên làm thông dịch cho một buổi nói chuyện của Bapak, tôi có một chứng nghiệm còn với mình cho tới nay. Trước đó tôi đã có một latihan và trong lúc đó tôi cảm thấy một sự rung động đột nhiên tập trung nơi miệng mình. Đó là lần đầu tôi cảm thấy sự rung động nơi một phần độc nhất của cơ thể. Sau này, tôi cảm thấy miệng mình đã trải qua điều gì bất thường, khiến mình có thể thông dịch khá hơn những nói chuyện của Bapak. Nói cách khác, làm thông dịch cho những buổi nói chuyện của Bapak là một trách vụ đặc biệt.

Một hôm trong lúc đang có Đại Hội, Bapak dự định có một buổi nói chuyện nhưng không có chỉ thị về việc thông dịch qua tiếng Nhật. Trong lòng mình tôi cảm thấy như trút được một gánh nặng. Có thể như vậy là ích kỉ nhưng tối thiểu hôm đó tôi có thể thư thái mà ngồi nghe. Cái ý nghĩ đó khiến tôi vui sướng. Tôi kiếm một chỗ ngồi gần nơi phía sau và chờ đợi Bapak bắt đầu buổi nói chuyện.

Cuối cùng, Bapak và Usman xuất hiện nơi ngồi nói chuyện. Khi Bapak bắt đầu nói, tôi cảm thấy một sự rung động mãnh liệt. Sự rung động đó mãnh liệt hơn tất cả những gì tôi nghiệm được trước kia. Điều này thật lạ lùng, vì tôi không đang tập latihan. Tôi lí luận là buổi nói chuyện chắc phải đặc biệt quan trọng, và sự rung độ đó chắc phải liên quan tới nó. Tuy nhiên, sau một vài phút, Bapak chợt ngưng lại và nói điều gì đó với Usman. Usman liền đứng lên, và tôi nghe ông lớn tiếng kêu gọi tên mình. Bapak chỉ thị là buổi nói chuyện cũng phải được dịch qua tiếng Nhật. Nhưng tôi không muốn phải ngắt lời Bapak trong lúc đang nói chuyện

trước mặt rất nhiều người từ nhiều quốc gia.

Tôi đứng lên và thông thả bước tới chỗ Bapak ngồi, và trong lúc đó tôi vội thay đổi sự vui mừng trước đây của mình là nghĩ mình sẽ được tham dự làm trắc nghiệm. Điều may mắn là khi đến chỗ Bapak ngồi, tôi thấy mình có thể thông dịch.

Tôi ngồi bên cạnh Usman và buổi nói chuyện bắt đầu. Và tôi được một chứng nghiệm đặc biệt khi vẫn còn Bapak đang nói. Vì không biết tiếng Nam Dương, tôi chẳng có gì phải làm khi Bapak nói cho tới khi được dịch qua tiếng Anh. Khi đang nghe người nói, tôi liếc nhìn nét mặt người. Ngay lúc đó tôi cảm thấy mình bị một tia chớp đánh. Điều đó như là chớp có một tia sáng xuyên qua bóng tối làm ngời lên khuôn mặt của Bapak khiến mọi vật chung quanh người trở nên mờ nhạt và bị đẩy vào bóng tối nơi phía sau. Mặc dù vậy, cái khuôn mặt đó có vẻ như không phải là của con người hằng ngày của Bapak, mà là của con người được Thượng Đế phái xuống trần gian với tư cách là đại diện của quyền năng Thượng Đế. Quang cảnh đó tức khắc biến dần, và mọi thứ nơi Bapak ngồi trước đây trong bóng tối liền trở lại ánh sáng bình thường. Bapak tiếp tục nói chuyện như thể đã chẳng có gì xảy ra, và tôi tập trung trở lại vào vai trò thông dịch của mình.

Chứng nghiệm đó có một tác động dứt khoát đối với cuộc sống tôi. Chính những giây phút đó là điều có một ảnh hưởng làm cho cuộc đời mình thay đổi trong tương lai. Để thực sự làm cho hiểu được tại sao lại vậy, tôi cần phải trở lại cuộc thử nghiệm của mình bốn năm trước đó, sau khi tôi đã được khiến cho hiểu biết được mục tiêu tối thượng của linh hồn mình.

Tôi đã nói tới việc như thế nào mình đã cảm thấy nhiệm vụ đời mình là tìm thấy con đường trở thành đầy tớ thấp hèn nhất của Thượng Đế. Nên để giúp chính mình làm điều đó, tôi quyết định thực hiện một dự án từ thiện. Vì Đấng Toàn Năng không cần sự trợ giúp của nhân loại, nên không có dịch vụ nào của chúng ta có thể trực tiếp giúp Ngài được. Nhưng những gì chúng ta có thể làm, tôi lí luận, là giúp đỡ đồng bào mình là những người đã được Ngài tạo ra - đặc biệt những người không may bị những khuyết tật là gánh nặng cho đời họ.

Nên tôi quyết định mình sẽ thử lập một nơi chốn cho những thiếu nhi khuyết tật. Hồi đó hội viên ở Anh đã tụ họp để thành lập một cơ sở như thế. Tuy nhiên chưa có một cơ cấu chính thức cho các dự án xã hội trong Subud. Hiện nay nhiều hội viên Subud đã tích cực tham gia những chương trình từ thiện, dưới sự đỡ đầu của Hiệp Hội Susila Dharma Quốc Tế mà những hoạt động từ thiện rất được Liên Hiệp Quốc coi trọng. Tuy nhiên hồi đó hội viên Subud vẫn còn học cách quản lí những nhóm Subud của mình và những sinh hoạt latihan.

Tình hình ở Nhật Bản thì cũng thế, và hồi đó mục tiêu lập nên một nơi chốn cho thiếu nhi khuyết tật của tôi đã không được nhiều người hỗ trợ. Điều không may là tôi hoàn toàn thiếu tài chánh hay kinh nghiệm, nhưng khi tôi vẫn còn cố gắng làm thì có hai hội viên xuất hiện đề nghị giúp đỡ tôi. Một trong hai người đó là bác sĩ khoa trẻ em, anh nói với tôi rằng mình có một khu đất nơi quê quán anh dọc theo bờ biển, và đề nghị dùng nó làm nơi xây cất một nơi chốn cho thiếu nhi khuyết tật. Tôi nghĩ rằng cái tối thiểu là đất đai thì đã có rồi, nên mình có thể làm được cái gì đó, và như vậy việc đó như là bất ngờ được Trời giúp.

Nhưng khi ba anh em chúng tôi đi thăm khu đất đó thì gặp phải một trở ngại. Sau khi anh bạn bác sĩ đã liên lạc được với những thân nhân của mình, họ phản đối là bởi anh đã để cho họ quản lí khu đất trong nhiều năm, nên tuy vẫn còn là chủ nhân trên danh nghĩa nhưng anh không thể dùng nó như điều mình muốn. Họ cũng có rất nhiều thành kiến với những kẻ khuyết tật, và cho anh hay là sẽ không có ai đồng ý dùng khu đất cho mục đích đó. Nên dự án đó đã bị hoãn lại.

Sau vụ đó, chẳng có gì đã xảy ra để giúp tôi thực hiện được mục tiêu mình, nhưng tôi quyết định sẽ không bỏ cuộc. Tối thiểu thì tôi cũng đã đóng xong vai trò mình trong Subud - điều tôi mong muốn đã được mãn nguyện là latihan sẽ bén rễ ở Nhật Bản, và Subud đã được tái lập với một cơ cấu và những hoàn cảnh mới. Trách nhiệm mình chẳng còn gì nữa, tôi nghĩ vậy. Thế nên những gì cần phải tuân theo là đem tất cả những gì mình có vào việc đã được tiết lộ cho mình về việc mục đích của linh hồn mình, và một cách làm điều đó vẫn còn là lập nên những dự án từ thiện. Nếu nhìn sự việc như vậy, ta thấy nhóm Subud có vẻ như trì độn và có cái nhìn hạn hẹp; nó chỉ là một tổ chức rất nhỏ bé và không có thế lực trong xã hội. Với tôi thì nó chỉ như một nhóm bạn bè trong đó người

này giúp giải quyết những vấn đề của người kia. Tôi muốn thấy có nhiều hành động hơn - muốn mình thuộc trong số những người dùng nghị lực họ trong những dự án xã hội, và trực tiếp làm việc chung với họ. Tuy nhiên, hầu như không có ai trong nhóm đã chia sẻ những ý nghĩ của mình, và tôi cảm thấy bị ép buộc phải biệt lập theo đuổi mục tiêu mình mà không cần tới nhóm Subud.

Trong lúc thông dịch buổi nói chuyện của Bapak tại Đại Hội Thế Giới Subud ở Tokyo, chính điều xảy ra trong tích tắc đồng hồ đó đã thay đổi quan niệm của tôi. Do những kinh nghiệm trước kia, tôi đã hiểu được tầm quan trọng tâm linh của Bapak, nhưng cái ý nghĩ về việc người là một nhà đại lý mà Thượng Đế phái xuống, hay việc người đại diện cho cái gì đó của quyền năng Thượng Đế trên thế gian, là điều mới mẻ và khiến ngạc nhiên mà tôi biết được. Tôi thấy được như thế nào Bapak, với tư cách là một trong những đại diện của Thượng Đế trên trần gian, rất có thể làm bất cứ gì mà mình muốn, và bây giờ thì người có mặt nơi đây - dùng tất cả thời gian và nghị lực mình để cố vẽ cái tổ chức nhỏ tí, tầm thường này, một tổ chức không có chút ảnh hưởng nào và không được xã hội nhìn nhận. Bapak nói rằng latihan là sự hoạt động của Thượng Đế, nên con người không thể tổ chức nó được; cái tối thiểu nhất mà chúng ta cần là một tổ chức thế gian bên cạnh nó, khiến Subud có thể dần dần bành trướng khắp xã hội. Nếu Bapak nghĩ rằng đó là điều ưu tiên và đặc biệt phải quan tâm, thì công việc của một kẻ muốn phục vụ Thượng Đế như tôi là phải theo khả năng mình trợ giúp Bapak chứ? Hồi đó tôi thấy hình như đó là những gì tối đa mình có thể cho.

Với tôi đó là một khúc quanh trọng yếu. Kể từ đó đời tôi có một mối liên hệ không thể bỏ được với Hiệp Hội Subud. Tuy tôi chưa từ bỏ ước mơ về dự án từ thiện nhưng những mục tiêu hoạt động của mình đã thay đổi thứ tự ưu tiên.

Trắc nghiệm với Bapak

Trên kia tôi đã nói trắc nghiệm là một loại latihan trong đó ta yêu cầu Đấng Toàn Năng hướng dẫn mình về những vấn đề mình không tự giải quyết được. Đây cũng là những gì tôi thuật lại về Bapak, và tôi xin được viết về một vài trắc nghiệm mà Bapak đã làm với hội viên, đặc biệt những trắc nghiệm đã để lại một ấn tượng dài lâu nơi tôi và vẫn còn tươi mát trong kí ức tôi.

Bapak đã nhiều lần du hành khắp thế giới. Đôi khi những chuyến đi đó có thể mất hơn một năm, vì người viếng thăm nhiều quốc gia và đô thị. Trong những chuyến đi đó người thường có những buổi nói chuyện, làm latihan và trắc nghiệm với hội viên. Tất cả những sự kiện đó như là tiền thưởng đặc biệt cho hội viên, trong đó trắc nghiệm là cái mọi người thiết tha mong đợi. Đó là vì những trắc nghiệm đó chỉ Bapak mới làm được.

Trắc nghiệm còn có một mục đích khác: bằng cách đó ta có thể coi xem mình đã tiến bộ được bao trong latihan. Phần nhiều những trắc nghiệm Bapak làm đều có mục đích đó.

Một trong những trắc nghiệm mà các hội viên mới có thể nghiệm được, là coi xem phần nào của cơ thể đã được latihan nhập vào, và thường được gọi là trắc nghiệm cơ thể. Như tôi đã nói trên kia, ban đầu thì thông thường những tác động của latihan được cảm thấy qua những cử động và hành động của cơ thể. Khi ta bắt đầu tập latihan, tay chân mình cử động một cách độc lập không do ý chí khiến ta có thể đi đứng, chạy nhảy, múa hát. Đó là những cử động xuất phát từ linh hồn mới thức

tỉnh trong lúc tiếp xúc với quyền năng của Thượng Đế, và những điều đó có công dụng là giúp cho cơ thể được thanh lọc.

Tiếp theo sự thanh lọc của thể chất là sự thanh lọc của giác quan, cảm xúc và dục vọng, của ý chí và tư tưởng. Như vậy là để cho những chức năng của con người cuối cùng có thể trở thành dụng cụ của quyền năng Thượng Đế - nhưng trong trường hợp này thì thông qua linh hồn, thay vì là dụng cụ của ý chí và dục vọng. Trắc nghiệm cơ thể là bước đầu để coi xem bộ phận nào của cơ thể đã được thanh lọc khiến nó có thể cử động theo mệnh lệnh của linh hồn.

Trắc nghiệm cơ thể gồm những câu hỏi như : 'Tay bạn ở đâu? Dùng nó để làm gì?' Ban đầu là tay chân, dần dần sẽ là sẽ là tất cả các bộ phận của cơ thể, bên ngoài và bên trong. Ta nghe những câu hỏi đó trong một trạng thái latiahn, rồi xem cơ thể mình đáp ứng như thế nào. (Tất nhiên, nếu mình cử động theo ý chí thì không tốt). Điều đó khiến ta cảm và hiểu được sự khác biệt giữa việc cử động theo ý chí và việc được quyền năng của Thượng Đế làm cho cử động.

Sau khi ta đã tập latihan được một khoảng thời gian, cơ thể mình sẽ tự động đáp ứng những câu hỏi phức tạp hơn. Đó có thể là : 'Cơ thể bạn cử động như thế nào khi bạn nhảy múa như một người Java?' hay 'Cơ thể bạn cử động như thế nào khi bạn múa theo lối Ai Cập?' Cơ thể mình có thể đáp ứng bằng cách biểu lộ những lối nhảy múa đó, tuy mình chưa từng học hay tập múa như thế. Khi latihan mình tiến bộ, hội viên nhận thấy những đáp ứng cho những câu hỏi về đời sống nội tâm của mình là những đáp ứng thuộc nội giới nhiều hơn. Cuối cùng họ sẽ có khả năng đáp ứng từ cái trình độ hiểu biết và nhận thức của mình. Tuy nhiên sự đáp ứng này đòi hỏi một trình độ thanh lọc cao cấp, và với tôi thì đó vẫn còn là một điều có thể xảy ra trong tương lai.

Như vậy thì những trắc nghiệm Bapak làm với hội viên bắt đầu với những câu hỏi đơn giản, rồi tiến những điều thâm sâu và phức tạp hơn. Mọi việc đều có thể trở thành đề tài của trắc nghiệm - ngay cả những điều vượt ra ngoài cái thế gian này. Có những câu hỏi tương đối đơn giản, nhưng cũng có những điều mà ta chưa từng sáng suốt suy nghĩ tới. Có lần tôi được hỏi: 'Loài chó cười như thế nào? Theo chỗ hiểu biết của tôi, chỉ có con người là có thể cười - thú vật thì không. Nhưng khi đáp ứng

câu hỏi của trắc nghiệm đó, tôi ý thức được là loài chó quả thực cũng cười, và con người chỉ có thể nghe thấy đó là tiếng sủa.

Một câu hỏi như vậy chỉ là khởi đầu; có những điều mà Bapak hỏi mang một ý nghĩa mà tôi thực sự không hiểu được. Khi được hỏi về các thiên thần hay các vị ngôn sứ xưa kia, tôi lấy làm lạ về việc cái ông Bapak này là ai mà có thể khiến cho những người bình thường như chúng tôi tiếp nhận được những điều như vậy cho bản thân mình. Đôi khi tôi không tiếp nhận được sự đáp ứng. Tôi nghĩ có lẽ Bapak đã đưa thêm những điều cao cấp vào vào những điều mình thường hỏi, để coi có ai nhận được giải đáp hay không, và cũng để cho chúng tôi ý thức được tiềm năng lớn lao của latihan. Về một vài phương diện, hình như cái khả năng nhận được giải đáp của chúng ta là điều tùy thuộc cái quyền năng và cái tình trạng có đủ khả năng được Bapak ban cho chúng ta trong lúc đó. Thông thường thì nội tâm chúng ta không có khả năng nhận được giải đáp của một câu hỏi; chúng ta không thấy được việc khả năng của mình được Bapak làm cho gia tăng, khiến chúng ta vượt quá được một chút những giới hạn của mình để nhận được một giải đáp. Tôi nhận thấy rõ điều đó, khi tìm cách lặp lại một trắc nghiệm mà mình đã làm trước mặt Bapak. Mặc dù sự kiện câu hỏi thì y như nhau, tôi không tiếp nhận và cảm nhận được gì.

Khi được hỏi tại sao hội viên có thể tiếp nhận khá hơn khi mình có mặt, Bapak trả lời đó chỉ là vì nội tâm Bapak thì yên tĩnh hơn. Trong khi chúng ta tập latihan và làm trắc nghiệm chung nhau, nội tâm chúng được nối kết với nhau đến một mức độ nào đó, khiến cho chúng ta giúp đỡ nhau, trong khi mình không ý thức được điều này.

Như tôi đã nói trước đây, dùng ngôn từ để giải thích hoạt động của latihan là điều khó khăn, và những ai chưa nghiệm được gì còn thấy khó khăn hơn nữa, nếu họ muốn hiểu trắc nghiệm. Thế cho nên, điều này không lạ lùng gì, khi thiên hạ nghi ngờ Bapak dùng điều gì như thôi miên, trong lúc điều khiển những buổi trắc nghiệm với hội viên. Thực vậy, trong những năm tháng đầu tiên của Subud, người ta đã hỏi tôi như vậy, và đó là ngay cả những hội viên Subud, những người chưa hoàn toàn nghiệm được hoạt động của latihan.

Khoa học chưa hoàn toàn giải thích được cơ chế của thôi miên. Đó là

một kĩ thuật vận động tâm trí, bằng cách dùng sự nhạy cảm của tâm trí để gợi ý. Nguyên nhân của tình trạng gợi ý là người thôi miên và ý chí của mình được diễn đạt thành ngôn từ. Những người bị thôi miên không ít thì nhiều đã phó thác bản thân mình cho người thôi miên. Tóm lại, đó là một kĩ thuật điều khiển hành động của con người từ bên ngoài, và như vậy thì nó hoàn toàn khác biệt với latihan hay trắc nghiệm, trong đó chúng ta chỉ phó thác cho quyền năng của Thượng Đế và ngăn cách tất cả những ảnh hưởng từ bên ngoài, bằng cách không chú tâm tới những người khác, kể cả Bapak.

Một khi Bapak đã qua đời, thì không còn ai có thể thực hiện những trắc nghiệm cao cấp với hội viên, để giúp họ nhận được giải đáp. Hiện nay khi tập latihan, tất cả những gì hội viên có thể làm kể từ lúc Bapak mất, là tiếp tục cái quá trình thanh lọc của mình, cho tới một lúc nào đó chính mình sẽ nhận được giải đáp cho những câu hỏi phức tạp.

Trước khi kết thúc cái chủ đề này, tôi xin được kể lại hai trắc nghiệm cao cấp mà Bapak đã làm, và nhờ sự trợ lực của người mà tôi có thể có một sự tiếp nhận đem mình gần tới ranh giới của sự kì diệu. Đối với tôi cái kết quả đó không những khiến mình ngạc nhiên mà còn để lại một ấn tượng dài lâu.

Trắc nghiệm thứ nhất là về sự hiện hữu của sự sống trên sao Mộc (Jupiter) và đó là điều được trắc nghiệm với hội viên, khi Bapak đến Nhật Bản. Câu hỏi về những thiên thể bên ngoài trái đất là điều hiếm thấy trong những trắc nghiệm của Bapak. Điều này có lẽ là vì Bapak biết chúng ta vẫn chưa có khả năng tiếp nhận được một cách đúng đắn tất cả những gì bên ngoài cái thế giới này. Bapak thừa nhận có cư dân trên những hành tinh bên ngoài trái đất, nhưng người không bao giờ gọi đó là những con người, mà chỉ nói đó là các sinh thể trên những hành tinh đó. Theo Bapak, và điều này được sự xác nhận của các nhà thiên văn học, môi trường trên mỗi hành tinh đều khác xa nhau, nên các cư dân cũng có những điều kiện khác nhau. Người cho biết là con người không thể dùng thân thể mình để trao đổi thông tin với những sinh thể đó, và ta chỉ tiếp xúc được với họ trên bình diện tâm linh.

Khi Bapak đến Nhật Bản trong năm 1959, những cuộc tranh luận về UFO (đĩa bay) được ưa chuộng hơn hiện nay; có một hội viên hỏi Bapak

rằng những gì thiên hạ nói về việc có những giống người của Sao Kim (Venus) đến thăm trái đất có là sự thật hay không. Câu hỏi đó không ăn nhập gì tới Subud hay latihan, và chỉ là sự tò mò của cá nhân, nhưng Bapak đã trả lời vấn đề: *‘Nếu những sinh thể của Sao Kim đến trái đất, thì trái đất sẽ bốc cháy.’* Điều này được nói mười năm trước khi một tàu thăm dò Sao Kim nhẹ nhàng đáp được xuống đó, và kiểm chứng thấy bề mặt của nó có sức nóng thiêu đốt là 470 độ.

Hồi có những trắc nghiệm đó, công việc của tôi là dịch những câu hỏi và nhận xét của Bapak ra tiếng Nhật, nên tôi ngồi bên cạnh người thông ngôn qua tiếng Anh, và anh này thì ngồi bên cạnh Bapak. Điều này có nghĩa là tôi không được may mắn tham gia trắc nghiệm với những hội viên khác mà chỉ đành cam phận tập trung vào việc thông dịch. Nhóm người làm trắc nghiệm được chia thành nhiều nhóm nhỏ đứng thành hàng ngũ trước mặt Bapak, trong một trạng thái latihan để tiếp nhận cuộc trắc nghiệm. Bapak hỏi bằng tiếng Nam Dương, câu hỏi đó được thông ngôn qua tiếng Anh, và tôi là kẻ dịch qua tiếng Nhật. Một khi đã nghe tiếng Nhật và hiểu được câu hỏi, hội viên sẽ cử động từ nơi bên trong mình và tiếp nhận được sự đáp ứng cho trắc nghiệm. Bằng cách đó, họ có thể tự mình tìm hiểu được mình đã tiến bộ tới đâu trong latihan, thay vì để cho người khác cho mình biết được.

Chợt nhiên Bapak hỏi một câu hoàn không liên quan gì tới điều đang được đề cập.

-Tâm hồn những sinh thể của Sao Mộc là như thế nào?

Như đã nói trước đây, Bapak rất hiếm có những câu hỏi loại này, và nếu bỏ lỡ dịp tiếp nhận thì điều này có nghĩa là sẽ không bao giờ có cơ hội được trắc nghiệm một lần nữa. Nên thông dịch xong câu hỏi đó ra tiếng Nhật thì tôi vội vã nhắm mắt lại để cố tiếp nhận được điều gì đó, cho dù là chút xíu.

Trong chớp nhoáng, một sương mù màu bạc thoát ra ngực tôi như hơi khói, nhấp nháy sáng chói và phân tán đến chỗ cách xa nhiều thước trước mặt tôi. Tôi nghe Bapak nói “Thôi!” và vội vã làm lại vai trò thông ngôn của mình. Bapak hỏi các hội viên: ‘Anh chị em có tiếp nhận được gì không?’. Một anh người Mỹ cũng dự trắc nghiệm đó giờ tay lên. Anh nói.

-Tôi cảm thấy ánh sáng.

-Nhưng sáng chói! Bapak nói tiếng Anh.

Nghe lời nói đó, tôi nhận thức được cái nội dung mình tiếp nhận, không thể sai lầm được. Những sinh thể trên sao Mộc có tâm linh cao cấp hơn, và tâm hồn họ có một sự thanh khiết làm họ không như loài người. Đó là điều tôi nghiệm được.

Tôi còn nhận được một chứng nghiệm khác trong một buổi trắc nghiệm nơi tư gia của Bapak ở Nam Dương, trong lúc đi tham dự cuộc họp của Vùng Á Châu, với tư cách là đại biểu của các phụ tá Nhật Bản, và cùng đi với tôi là một anh hội viên thuộc bản quản trị.

Một trong những điều được bàn luận là việc thành lập một hội đồng gồm những đại biểu của mỗi Vùng, và điều này sẽ xảy ra ở Anh trong năm tới. Chúng tôi phải quyết định quốc gia Á Châu nào sẽ là đại biểu của Vùng Á Châu, và trong lúc hội họp, điều được quyết định là Nam Dương.

Tuy nhiên, khi điều đó được thông báo cho mình ngày hôm sau, Bapak tỏ vẻ không bằng lòng một cách không thường thấy và nói:

-Nếu anh chị em cho phép có ý kiến, thì Bapak xin đề nghị Nhật Bản.

Lời nói bất ngờ của Bapak làm cho những đại biểu của cả Nam Dương lẫn Nhật Bản thấy bối rối.

Bapak nói chuyện với các đại biểu của Nam Dương trong một lúc, và hình như sau khi được sự chấp thuận của họ, người quay sang phía tôi và hỏi.

-Bạn có thể qua Anh?

Bị mất tinh thần vì sự cố thay đổi đột ngột, tôi đáp:

-Tôi không có khả năng, và tôi nghĩ mình cũng không đủ tư cách làm đại biểu.

Thực ra, tôi muốn từ chối. Là một kẻ làm công lãnh lương mỗi tháng, tôi khó có thể xin nghỉ phép dài hạn mỗi năm, và tôi cảm thấy tiếng Anh mình không đủ để có thể dự những cuộc tranh luận với các đại biểu trên khắp thế giới của những Vùng khác. Tôi không tự tin vì vậy và vì một vài lí do khác.

Nhưng Bapak nói:

-Bạn không là người làm công việc đó, chính quyền năng của Thượng Đế làm công việc đó.

Những gì Bapak nói bất ngờ đến nỗi tôi phải ngạc nhiên, và tôi thực tình không thể nghĩ cách nào thoát thác được.

Bapak kêu tôi ra làm trắc nghiệm trước mặt hội viên. Trước hết, Bapak bảo tôi đi đứng như mình thường đi đứng, rồi đi đứng trong trạng thái latihan. Đây là một trắc nghiệm quen thuộc với tôi. Tôi nhắm mắt lại, để cho latihan phát động và bắt đầu đi đứng. Khi tôi đến gần một bức tường, đôi chân mình tự động quay ngược lại, khiến tôi không đụng vào nó. Rồi Bapak bảo tôi ngồi xuống để tiếp nhận cái trắc nghiệm kế tiếp.

Bapak nói:

-Bapak nói Allah mà dùng tâm trí, rồi sẽ nói Allah trong trạng thái latihan. Hãy cảm nhận sự khác biệt giữa hai cái đó.

Đang ngồi trên ghế, Bapak đứng dậy. Như tôi đã nói trước đây, trạng thái latihan là một trạng thái trong đó ta có bên cạnh mình quyền năng của Thượng Đế. Tôi nhắm mắt lại và hướng sự chú tâm và ý thức mình vào nội tâm.

“Allah!” Tôi có thể nghe thấy giọng nói của Bapak. Tôi cảm thấy sung sướng và thanh thản nơi ngực. Nếu đó là cái cảm giác của mình khi Bapak nói Allah mà dùng tâm trí, thì tôi sẽ phải thấy tuyệt thú biết bao

khi người kêu gọi danh hiệu của Thượng Đế trong trạng thái latihan. Đó là những gì tôi nghĩ, trong khi chờ đợi cái trắc nghiệm kế tiếp.

“Allah!” Tôi nghe thấy giọng nói của Bapak. Giọng nói thì không khác lúc trước, nhưng có một điều xảy ra mà tôi chưa từng nghĩ là có thể có.

Tôi thấy mình ở giữa một sự tĩnh mịch kinh khủng. Hiển nhiên kinh khủng không là một tính từ thích hợp, nhưng điều đó chỉ có thể được diễn đạt với những từ như kinh khủng hay kinh khiếp. Không hề có sự sung sướng mà tôi đã nghĩ mình sẽ cảm nhận được. Trái lại, tất cả các cảm xúc và tình cảm của con người đều bị xóa bỏ. Điều tôi cảm thấy là sự tĩnh mịch của những gì đổ nát. Ta thấy như cái thế giới này đã đến lúc chết và tất cả sự sống đều không còn nữa. Không có một âm thanh nào, và tôi là kẻ duy nhất còn sống sót, đứng một mình trong sự tĩnh mịch. Đó là một cái hố không đáy của sự tĩnh mịch nó khác biệt về cơ bản với sự tĩnh mịch mà tôi đã nghiệm thấy trong những latihan của mình. Thật kinh khiếp, những lông tóc trên cơ thể tôi như muốn rụng đứng.

Khi trắc nghiệm kết thúc, Bapak hỏi:

-Bạn có thấy sự khác biệt không?

Điều tôi nghiệm được kinh sợ đến nỗi tôi không biết nói gì. Tôi chỉ có thể gật đầu. Bapak mỉm cười.

Cái trắc nghiệm đó làm cho quan niệm về Thượng Đế của tôi phải thay đổi. Tôi vẫn còn chưa hoàn toàn hiểu được những gì trên thực tế mình đã nghiệm được, nhưng vẫn còn nhớ mãi những lời nói này của Bapak:

-Thượng Đế có trước khi vạn vật được tạo ra, và Thượng Đế sẽ còn sau khi vạn vật đã chết.

Năm sau, tôi quả thực đi Anh như Bapak đã đề nghị, và bắt đầu hoạt động cho Subud trên bình diện quốc tế.

Trắc nghiệm và đời sống thế gian

Tôi xin được kể thêm một câu chuyện về trắc nghiệm liên quan tới đời sống thế gian và tình trạng vật chất của mình, tuy đó không một trong những trắc nghiệm của Bapak. Điều này xảy ra năm năm trước khi có cái trắc nghiệm được nói tới trên kia, nhưng lần này thì tôi không là kẻ làm trắc nghiệm, mà là nhà tôi, và bà đã trắc nghiệm trong một giấc mơ!

Một đêm nọ cuối năm 1970, bà đánh thức tôi dậy và nói:

-Em vừa có một giấc mơ thật lạ. Nó không đầu không đuôi. Em chỉ được bảo làm trắc nghiệm. Vậy nên, em trắc nghiệm coi tình trạng vật chất của chúng ta sẽ ra sao trong tương lai, và tiếp nhận được là nó sẽ khác hơn bây giờ nhiều. Rồi em trắc nghiệm coi tâm linh chúng ta sẽ phát triển như thế nào trong tương lai, và tiếp nhận được là nó cũng sẽ khác hơn. Rồi em tỉnh dậy.

Tôi chỉ coi đó là chuyện đùa và diễu cợt nói:

-Tại sao câu hỏi thứ hai em không hỏi trước?

Tôi ngủ trở lại, vì lúc đó là đêm khuya.

Sáng hôm sau, nhà tôi nhắc lại chuyện đó; mặc dù vậy, tôi cũng không

quan tâm tới những gì mà bà cho là mình đã tiếp nhận được trong giấc mơ. Trước hết, không thể có chuyện là sự thu nhập của tôi sắp gia tăng đáng kể. Dù sao thì tôi cũng chỉ là một kẻ làm công bình thường. Theo luật về việc làm trọn đời và thâm niên nghề nghiệp của Nhật Bản, lương bổng tôi có thể tăng lên mỗi năm, nhưng chỉ là 5%. Không là mười mà là hai mươi năm thì sự thu nhập của tôi mới tăng lên gấp đôi.

Một công ty sở hữu trí tuệ thì không khác gì một công ty luật pháp, và văn phòng của luật sư sở hữu trí tuệ (patent attorney) thì cũng thế. Những bộ phận khác đều có nhân viên và người giúp việc, có thể nói vậy. Văn phòng sở hữu trí tuệ nơi tôi làm việc, là một công ty lớn nhất ở Nhật Bản cũng như trên thế giới; nó có hơn 200 thành viên, kể cả 30 luật sư sở hữu trí tuệ, và họ tất nhiên được đối xử tốt hơn những người khác. Văn phòng có một giám đốc và tám trưởng ban là những luật sư sở hữu trí tuệ thâm niên, ngoại trừ một người duy nhất. Nhân vật đó không là luật sư sở hữu trí tuệ, nhưng là kẻ đã giúp đỡ ông giám đốc, khi công ty mới được thành lập. Thế nên, tương lai của những nhân viên không chuyên nghiệp thì chẳng có gì là sáng sủa. Vậy tôi đã hoàn toàn không để ý đến những gì bà xã mình nói với mình, và quên hẳn đi chuyện đó.

Sự thật là hồi đó đầu óc tôi phải lo tới một điều đáng quan tâm hơn, và điều đó thì cho tới năm 1971 tôi mới giải quyết được. Việc này liên quan tới việc tôi đi tham dự Hội Nghị Subud Thế Giới Thứ Tư sẽ có trong tháng tám năm 1971.

So với những Hội Nghị trước đây thì Hội Nghị đó có phần đặc biệt. Đó là Hội Nghị Thế Giới đầu tiên được tổ chức nơi quê hương của Bapak, nơi những cơ ngơi của chính Bapak. Trung Tâm Subud Quốc Tế đã được xây cất xong tại một nơi ngoại ô của Jakarta. Hơn nữa, đây còn là một cơ hội tốt đẹp để tuyên bố tính cách quốc tế của Subud cho chính quyền và đại chúng ở Nam Dương. Do đó mà Hội Nghị không kéo dài mười ngày như thường lệ, mà là một tháng, và có điều dự tính là tổng thống Suharto và phu nhân sẽ được mời tới dự lễ khai mạc, và ông sẽ được yêu cầu đọc diễn văn.

Vấn đề với tôi là không biết mình có được công ty cho nghỉ phép một tháng hay không, để đi dự Hội Nghị. Lương tri tôi nói rõ rệt là 'Không được'. Người Nhật nổi tiếng là những người tham công tiếc việc. Tuy xã

hội Nhật Bản đã thay đổi nhiều trong 30 đến 40 năm nay, nhưng trong đầu thập niên 70 thì một nhân viên vẫn còn khó có thể xin nghỉ liên tiếp bảy ngày, nếu đó không phải là nghỉ bệnh.

Công ty tôi cũng có tình trạng đó, và từ trước tới nay chưa hề có việc xin nghỉ hơn một tuần. Hồi đó thì việc đó là thông thường, và đối với công ty tôi nếu ai đó muốn đi du ngoạn nước ngoài chẳng hạn, thì họ sẽ phải xin nghỉ việc luôn.

‘Có lẽ mình sẽ phải xin nghỉ luôn’, tôi nghĩ, nhưng chưa dứt khoát.

Hiển nhiên điều tôi nên làm là nói chuyện với ông giám đốc về nguyện vọng của mình, và nếu bị từ chối thì tôi sẽ quyết định hoặc xin nghỉ việc luôn, hoặc không đi dự Hội Nghị. Tuy nhiên, tôi không có can đảm nói chuyện ngay lập tức với ông giám đốc, và trì hoãn chuyện đó lại ngày này qua ngày khác.

Một buổi chiều nọ trong tháng hai, ông giám đốc kêu tôi đến phòng ông. Ông nói rằng mình đang dự định tổ chức lại bộ phận trong đó tôi làm việc, và muốn bổ nhiệm tôi làm trưởng ban của một bộ phận sắp được thành lập. Những gì ông nói thật bất ngờ và khiến ngạc nhiên, nhưng tôi nhanh chóng quyết định và nói:

-Cảm ơn ông đã có ý định đó, nhưng tôi muốn từ chối.

Tôi cho hay là mình thuộc một phong trào tâm linh nọ đang tổ chức một Hội Nghị Thế Giới trong tháng tám, đó là điều quan trọng đặc biệt với tôi và tôi có ý định đi dự. Nhưng để đi được, tôi muốn đặc biệt xin được nghỉ phép dài hạn.

Tôi nói tiếp:

-Tôi biết điều này trái với thông lệ lâu đời của công ty, nếu nhân viên xin nghỉ phép dài hạn vì chuyện riêng. Tôi cũng biết rằng trưởng ban phải làm gương cho những người dưới quyền mình. Nên tôi e ngại là nếu tôi trở thành trưởng ban của một bộ phận mới, thì những hành động của mình sẽ có một hậu quả không tốt đẹp đối với công ty.

Hình như ông giám đốc cho đó là điều tự nhiên là tôi sẽ vui mừng vì được bổ nhiệm; thực ra thì đó là một sự thăng chức bất thường cho một nhân viên thiếu khả năng chuyên môn như tôi.

Ông giám đốc tỏ vẻ hơi bối rối và nói:

-Nếu là vậy thì để tôi suy nghĩ lại về việc này.

Một tuần sau, ông giám đốc lại kêu tôi đến phòng ông và nói:

-Tôi đã cân nhắc những cái lợi và hại cho công ty, và đi đến kết luận là tốt hơn là chúng tôi giữ ông lại, thay vì để mất ông, mặc dù ông sẽ vắng mặt trong một tháng. Tôi biết ông là người được các đồng nghiệp kính trọng.

Vậy nên, tháng tư tôi được bổ nhiệm làm trưởng ban của một bộ phận mới. Sự thu nhập của tôi tăng gấp đôi, như điều đã được nhà tôi tiên tri. Suốt lúc có Hội Nghị Subud Thế Giới Thứ Tư, tôi có thể đi dự cùng nhà tôi.

Latihan và tôn giáo

Tuy liên quan tới tôn giáo trong việc là một con đường tới Thượng Đế nhưng Subud tự nó không là một tôn giáo cũng như không liên hệ với một tôn giáo đặc biệt nào. Các tôn giáo luôn có đạo thuyết này nọ nhưng Subud thì không có đạo thuyết và học thuyết. Đạo thuyết và học thuyết là những điều học hỏi được qua trí óc, nhưng óc não không thể học và hiểu được latihan, và ý chí mình cũng không thể thi hành latihan. Bapak đã nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại việc latihan chỉ có thể được tiếp nhận. Ta chỉ có thể nghiệm được latihan, và qua đó hiểu biết và học hỏi được. Do đó mà có thể nói rằng latihan là cái hết sức thực dụng.

Như vậy thì có thể nói Subud là một hình thức giáo huấn, nhưng không do trí óc của con người. Đó không là một sự giáo huấn và học hành dựa trên một học thuyết nào đó, mà là một sự học hành từ nơi bên trong mình và từ linh hồn mình, và điều này xảy ra trong sự tiếp xúc với quyền năng của Đấng Tối Thượng là Đấng đã tạo ra con người cũng như toàn thể vũ trụ.

Sự kiện là Subud gồm những người theo một tôn giáo nào đó cũng như những người không theo một tôn giáo đặc biệt nào. Các hội viên Subud là những người Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo,

Ấn Độ giáo, những người thuộc những tín ngưỡng khác, và có ngay cả những người hoàn toàn không tin ở tôn giáo. Vừa theo đạo mình, vừa tập latihan là điều không khó khăn với thiên hạ. Quả thực Bapak đã khuyến khích điều đó, vì latihan khiến chúng ta có thể nghiệm được trên bình diện tâm linh những chân lý phổ quát nơi thâm sâu của tất cả các tôn giáo, và như vậy khiến chúng ta hiểu biết được khá hơn các tôn giáo đó. Một vài tôn giáo có những giáo lý và chuẩn mực không thực sự được dựa trên những chân lý tâm linh, nhưng qua latihan các tín đồ của những tôn giáo đó có thể nhận thức được giáo lý nào là xác thực, giáo lý không là xác thực.

Việc latihan của Subud liên quan tới tôn giáo là một chủ đề có thể được tranh luận theo nhiều khía cạnh. Ở đây tôi không có ý định đề cập tới những vấn đề đó, mà chỉ nói tới việc những gì mình nghiệm được trong đời sống Subud của mình đã như thế nào biến đổi thái độ của mình với tôn giáo và sự hiểu biết của mình về tôn giáo.

Gia đình tôi theo đạo Phật Thiền Tông, và sự giáo dục mà tôi nhận được thì bị ảnh hưởng rất nhiều của giáo phái Seicho-no-Ie. Lần đầu tiên gặp Subud và bắt đầu tập latihan, tôi làm biên tập viên cho một công ty xuất bản dưới sự điều khiển của Seicho-no-Ie. Thế cho nên, cái tôn giáo tôi theo được dựa trên những giáo lý của Dr. Taniguchi là giáo chủ của Seicho-no-Ie.

Rồi khoảng một năm sau khi bắt đầu tập latihan, tôi có một giấc mơ trở đi trở lại. Đó là một giấc mơ về những chiếc giày.

Khi latihan bắt đầu thấm sâu vào nội tâm, có khá nhiều người nói về việc nghiệm được những giấc mơ có ý nghĩa hơn trước đây. Đó là vì những sự biến đổi xảy ra trong lòng do tác động của latihan, là những điều đôi khi biểu lộ thành giấc mơ. Chính vào khoảng thời gian đó, tôi nhận thấy một giấc mơ đầu tiên có màu sắc sặc sỡ và rực rỡ. Chẳng hạn nhiều giấc mơ của tôi liên quan tới nước, những giấc mơ về việc bị tràn ngập vì nạn lụt và những đợt sóng cao lớn. Tôi không hiểu điều đó có ý nghĩa gì, nhưng vì người ta nói rằng nước thì liên hệ tới cảm xúc, nên đó có thể là về những cảm xúc của chính mình. Dù là gì đi nữa, những giấc mơ đó không liên quan chút nào tới đời sống hằng ngày của mình, nên theo tôi đoán thì đó là những biểu lộ của sự biến đổi đang xảy ra trong

lòng mình, do kết quả của latihan.

Tuy nhiên, cái giấc mơ mà tôi có về những chiếc giày thì có phần khác hẳn những giấc mơ khác. Cái giấc mơ đó thường xuyên trở đi trở lại, như có ý muốn nói với tôi điều gì đó. Quang cảnh trong giấc mơ thường thay đổi, nhưng những tình tiết thì luôn như nhau. Tôi thường thấy mình tại một nơi nào đó, và khi sắp về nhà, thì tôi lại không kiếm được những chiếc giày của mình. Dù có nhọc sức tìm đâu đi nữa, tôi cũng không thể tìm thấy gì. Đôi khi là cơn mưa, hay đường xá lầy lội đến nỗi không thể đi chân không, rồi tôi thức dậy trong lúc đang tìm kiếm những chiếc giày của mình.

Tôi có cái giấc mơ trở đi trở lại đó trong nhiều tháng, và nó đã quả thực khiến mình mất bình tĩnh, và tôi cũng không hiểu tại sao lại vậy. Tuy nhiên, một hôm nọ, tôi chợt hiểu được ý nghĩa của nó nhờ trực giác. Tôi đang ngồi nơi bàn giấy thì chợt nghĩ là có lẽ những chiếc giày tượng trưng cho tôn giáo; điều tôi nhận biết được đó làm mình hiểu được cái chân tướng về tương quan của mình với tôn giáo. Nhưng đó lại là điều liên hệ tới việc tôn giáo có lợi ích gì với mình, và tại sao mình cần phải theo một tôn giáo.

Giày là phương tiện để che chở chân. Chân chúng ta nối liền bản thân mình với trái đất. Chúng ta mang giày để che chở chân mình khỏi bị dơ bẩn và bị thương tích vì sỏi đá, nhưng chính nhờ cái vật liệu có tính cách che chở đó mà chúng ta tránh được việc phải trực tiếp tiếp xúc với trái đất. Tương tự, hình như vậy, tôn giáo là một cách che chở cho tôi không bị thương tích, khi mình trực tiếp tiếp xúc với thế gian.

Là một khuôn khổ đạo đức, tôn giáo tạo cho chúng ta một phương tiện khiến hiểu được những gì xảy ra trên thế gian, và là cái có sẵn để mình giải những gì mình gặp trong xã hội. Nó cũng cho chúng ta biết được những gì là phải, những gì là trái, và cách nào hiểu được những biến cố mình phải đối diện, khiến chúng ta không bị tổn thương và hoang mang. Hơn nữa, thực tế của cái thế gian này luôn có những điều mình không nhận ra, và có đầy những mối nguy bất ngờ. Nhưng tôn giáo có thể là thứ gì ở giữa để che chở chúng ta khỏi cái thế gian này, y như giày dép che chở chân mình, khiến chúng ta không trực tiếp tiếp xúc với trái đất.

Nhờ tôn giáo, cái thế gian này biến thành điều gì có thể hiểu được, điều gì chúng ta an toàn kết nạp được vào những tín ngưỡng của mình. Nói cách khác, nếu theo một tôn giáo hay ý thức hệ, chúng ta an toàn mình giải được tất cả những thực tại mình gặp phải, trong khi vẫn còn duy trì được sự chính trực của tâm trí. Đối với tôi, đó là vai trò đích thực của tôn giáo. Tôi thường rất sợ cái thế gian này - sợ bị bối rối và tổn thương do sự tiếp xúc trực tiếp với nó. Vậy nên, tôi dùng tôn giáo là phương tiện che chở, để tránh cho điều đó không xảy ra.

Cái giấc mơ trong đó tôi không kiếm được những chiếc giày của mình và ngập ngừng về việc đi ra ngoài nhà mình, chắc chắn là điều cho tôi biết mình phải có can đảm đi chân không trên trái đất. Hiển nhiên, đó là việc phải dẹp bỏ những thành kiến của mình, nhìn cái thế gian này như qua cặp mắt của một đứa bé, và chấp nhận việc những gì xảy ra và cách ứng xử thiên hạ thì phải là như vậy. Điều đó làm cho tôi tuân theo được sự hướng dẫn trong lòng mình, và có những hành động phù hợp. Theo chỗ tôi thấy thì là vậy.

Điều đó là một lí tưởng hơi cao - tương tự điều Không Tử nói là *70 tuổi lòng ta muốn gì thì cũng không sai phép*. Tôi biết đó là cái hướng mà mình phải theo trong tương lai, khi mình đã nhận được cái la bàn nội tâm của latihan. Cho tới lúc đó thì tôi đã tin mình không cần theo một tôn giáo nào. Tôi vui mừng đã có latihan là cái có vẻ như đáp ứng được tất cả những nhu cầu về tôn giáo của mình.

Một khi tôi đã có cái ý nghĩ đó, thì những giấc mơ về giày dép không còn nữa. Cái trạng thái đó của tâm hồn kéo dài hơn mười năm. Hơn nữa, tôi thấy hình như không tin theo một tôn giáo nào là cái chuẩn mực ở Nhật Bản, một nơi gần đây các tôn giáo đã đóng khuôn và không còn sinh khí nữa.

Tuy nhiên, lời khuyên của Bapak là không nên bỏ đạo của mình, khi mình vào Subud. Bapak sinh ra là một người Hồi giáo, và tiếp tục theo đạo Hồi cho tới cuối đời mình, nhưng người chưa từng đánh giá bất cứ một tôn giáo nào, hay có ý định dụ dỗ thiên hạ theo đạo Hồi. Người nói với những hội viên muốn theo một tôn giáo khác là họ nên chọn tôn giáo nào thích hợp với bản chất của linh hồn mình. Nhưng tôi không hoàn toàn hiểu được ý nghĩa của điều đó, và nghĩ rằng latihan đối với

mình thì quá đủ rồi.

Nhưng rồi mười năm sau, có một điều xảy ra làm thay đổi ý kiến của tôi về tôn giáo. Một hôm nọ, tôi đang nói chuyện với một hội viên Canada nói tiếng Pháp, trong lúc chúng tôi đi trên đường phố chính để tới một trạm xe, bằng cách len lỏi qua đám đông. Anh bạn tôi là người nói nhiều nhất, trong khi tôi chỉ nghe. Anh nói về sự cắt bao quy đầu là một điều thường thấy trong đạo Do Thái và đạo Hồi. Tôi không còn nhớ được những gì anh đã nói, nhưng trong khi nghe, tôi tình cờ liếc nhìn ngực mình, và điều mình trông thấy khiến tôi không tin đến ngay cả cặp mắt mình. Tôi đang trần truồng đi xuyên qua một đám đông rất lớn. Tất nhiên, một cách khách quan, đó chỉ là một ảo giác trong nháy mắt, nhưng đối với tôi thì lúc đó tôi cảm thấy như mình đang trần truồng đi trên đường phố. Tuy đó chỉ là một hình ảnh của chính tôi, nhưng như thường lệ thì lại có thêm một cảm giác về một điều gì rất có thật, và một trực giác về việc những gì nghiệm được là điều có một ý nghĩa gì đó.

Cái thân thể trần truồng mà tôi trông thấy, là sự biểu lộ của nội tâm. Sau nhiều năm tôi tập latihan, nội tâm mình đều đặn phá triển và được tái sinh. Thế nhưng lại không có cái bản ngã bên ngoài để tương ứng với cái bản ngã tâm linh mới đạt được. Do đó mà tôi thấy mình trần truồng. Cái vỏ bên ngoài mà bản ngã vô hình của tôi phải mang là tôn giáo. Khi sinh ra, các đứa bé đều trần truồng, nhưng để sống trên thế gian này con người cần phải mặc quần áo. Việc ăn mặc quần áo là hoạt động thông thường của con người. Ta nên ăn mặc quần áo thích hợp, vì nó biểu lộ những đặc tính của nội tâm mình. Vậy, dù latihan là tất cả những gì tôi cần, nhưng nếu không theo một tôn giáo nào thì tôi thiếu phần tương ứng với những gì có trong nội tâm. Tôi sẽ không là một người toàn diện trên thế gian này, nếu không theo một tôn giáo nào.

Tôi hiểu biết được một cách chớp nhoáng, và lựa chọn đạo Hồi. Dù điều đó xảy ra rất lâu trước khi có những tên khủng bố Hồi giáo toàn nguyên (fundamentalist Islamist) tôi vẫn còn thấy có sự chống cự rất mạnh không cho mình theo đạo Hồi. Trong những tôn giáo của thế giới, đạo Hồi ít quen thuộc nhất với người Nhật, vì họ cho đó là một tín ngưỡng kì cục và đa thê. Cá nhân tôi cũng chống lại sự cắt da đầu quy. Mặc dù vậy, tôi đổi qua đạo Hồi, vì nó có vẻ gần gũi nhất với những gì tôi đã nghiệm được, khi lần đầu tiên bắt đầu đi tìm Thượng Đế. Nhất thần

giáo có vẻ gần gũi với tôi hơn là đa thần giáo, như đạo Hồi với sự đề cao quyền vạn năng, tính siêu việt, sự vĩ đại của Allah là Đấng Tạo Hóa và Chủ Tể của vũ trụ, cùng với tình thương của Ngài đối với con người mà Ngài đã tạo ra. Trong số những tôn giáo nhất thần, đạo Hồi có vẻ như mang hình thức thanh khiết nhất, với sự biện hộ cho việc quy phục và hiến dâng cho Allah một cách tuyệt đối. Hơn bất cứ tôn giáo nào khác, cái tính chất giản dị và thanh khiết đó gần gũi với nội cảm tôi. Hơn nữa, đạo Hồi không mang màu sắc của sự độc quyền như được thấy ở một vài tôn giáo hay văn hóa khác, vì người Hồi giáo tin rằng Thượng Đế không chỉ phái Muhammed tới là tông đồ, mà ngoài ra còn có những vị ngôn sứ của tất cả các chủng tộc khác, và đó là bằng chứng về tính chất toàn thể và sự khoan dung của đạo Hồi đối với những tôn giáo khác.

Thành thật mà nói, tôi không hề là một người Hồi giáo gương mẫu. Ngoài việc làm Ramadan, tôi không tuân theo nhiều giới luật. Tuy nhiên, tôi có nhiều chứng nghiệm liên quan tới đạo Hồi. Chẳng hạn, trong Ramadan đầu tiên tôi thấy nó có một ý nghĩa thâm sâu hơn là chỉ nhịn ăn uống, và buổi tối ngày nhịn đầu tiên, khi đi làm về, tôi nhận thấy nhà mình nồng nặc mùi thơm, tuy không có hoa.

Kinh Koran gọi mười đêm cuối cùng của Ramadan là Những Đêm Quyền Năng, khi cổng của Thiên Đàng mở ra, và các thiên thần cùng với Thánh Linh được phái xuống trần gian. Trong đêm thứ 21, tuy những gì mình nghiệm thấy không y hệt như điều được nói tới, nhưng tôi cảm thấy nó cũng tựa tựa là vậy.

Đêm hôm đó tôi nhức đầu và thức tới ba giờ sáng. Tuy nhiên, ngay lúc đó tôi cảm thấy có điều gì như ánh sáng trong ngực mình. Cơn nhức đầu của tôi càng lúc càng trở nên khó chịu hơn, nhưng cái cảm giác về ánh sáng trong ngực thì gia tăng, cho tới khi tôi tràn trề vui sướng. Thật kì lạ, bị cơn nhức đầu khó chịu nhưng lại thấy vui vẻ trong lòng -sự đau đớn của thể xác hoàn toàn như chẳng là gì hết. Rồi tôi nhận thấy có điều gì đó đang lấp lánh tại một nơi của căn phòng. Tôi cố gắng xem đó là gì, nhưng không nhìn được hình dáng. Sự sáng chói của cái đó chỉ kéo dài độ một hay hai phút, và tôi nghĩ có lẽ đó là một thiên thần. Nhưng có chắc là vậy không?

Tôi cũng có một chứng nghiệm lạ thường khác, khi đọc kinh Koran.

Chẳng hạn, mỗi đêm trong Ramadan tôi đều đọc một chương của kinh Koran, và một đêm nọ, tôi đọc xong và gấp sách lại. Tôi đặt cuốn kinh Koran trên ngực mà không có ý định gì, nhưng phải ngạc nhiên nhận thấy là nó đã đi xuyên qua quần áo để vào ngay ngực mình. Tất nhiên đó chỉ là một cảm giác, nhưng lại có vẻ là sự thật, vì trong một khoảng thời gian, tôi vẫn còn có cái cảm giác là hình dáng của cuốn kinh đang nằm trong ngực mình. Tôi không biết chắc điều đó có nghĩa gì, nhưng có thể như vậy để cho mình thấy là nội dung của kinh đã nhập vào bản chất mình, khiến tôi đồng nhất với nó.

Trên kia tôi đã đề cập tới việc latihan khiến chúng ta cảm được trên bình diện tâm linh sự thật giấu kín đằng sau những tín ngưỡng và lễ nghi của tôn giáo, và tôi xin được nói thêm nơi đây về một thí dụ khác.

Cái quan niệm về việc đạo Hồi là một tôn giáo hiếu chiến là điều được loan truyền trong xã hội Tây Âu, kể từ lúc có Thập Tự Quân thời Trung Cổ. Cái quan niệm đó gần đây được khiến cho vững chắc thêm bởi đám khùng bố Hồi giáo toàn nguyên, trong việc họ biện hộ cho tính chất hợp pháp của Jihad (Thánh Chiến) do những hành động bạo tàn và khùng bố của mình. Hình ảnh về những người Hồi giáo một tay cầm kinh Koran, và tay kia cầm một thanh gươm, có thể gây hiểu lầm, nhưng quả thực là đạo Hồi có ý niệm về một cuộc thánh chiến, và quả thực có từ ngữ *Thanh Gươm* của Đạo Hồi.

Tôi đối qua đạo Hồi, nhưng sự hiểu biết của mình về đạo Hồi là việc đó là một tôn giáo ưa chuộng hòa bình và khoan dung đối với những tôn giáo khác. Thế nên ý niệm về thanh gươm hay Jihad là điều tôi khó có thể chấp nhận được. Có lần trong lúc trò chuyện về một điều gì đó, tôi nhớ có điều Bapak nói rằng Jihad không là chiến đấu chống người khác. Đó là sự chiến đấu chống nafsu. Nafsu liên quan tới ý chí và những ham muốn của con người. Thú thật, khi Bapak nói như vậy, tôi chỉ hiểu được phần nào việc người nói tới sự khác biệt giữa chiến đấu chống người khác và chiến đấu chống nafsu. Tuy đó là lời nói của Bapak, nhưng tôi cảm thấy mình không xứng đáng và đủ tư cách mình giải được. Cái chứng nghiệm mà tôi sắp đề cập tới có liên quan tới việc đó.

Một hôm nọ, tôi đi tập latihan nhóm. Tập được nửa chừng, tôi chợt có cảm giác là đang có cái gì đó trong lòng mình. Cái cảm giác đó trở nên

rõ rệt hơn, nên tôi ngạc nhiên nhận thấy mình đang đứng trong một thanh gươm rất lớn. Đó là một thanh gươm trong suốt, mũi gươm chĩa xuống đất, và tôi thì đang nhảy múa, ca hát và làm latihan bên trong đó. Tôi nhận thức được đó là Thanh Gươm của đạo Hồi (tuy đó không là một thanh gươm cong của người Ả Rập, mà là một thanh gươm có hai lưỡi) và nhiệm vụ của thanh gươm là cắt bỏ nafsu, khiến tôi có thể dễ dàng tiếp tục tập latihan mà không bị nó xen vào. Nafsu quấn chặt vào ý thức của con người, khiến chúng ta tự mình không thể tách biệt khỏi nó. Thanh Gươm của đạo Hồi là quyền năng của Thượng Đế, và được ban cho chúng ta để mình có thể cắt bỏ những nafsu đi theo chân ngã. Cái chứng nghiệm đó dạy tôi biết được điều đó, và khiến tôi hiểu được hàm ý của Bapak, khi người nói về Jihad (thánh chiến).

Sau này, tôi hay được là các học giả Hồi giáo chính thống nói rằng nghĩa gốc của Jihad là phấn đấu, và khi dịch ra thì có vấn đề, nên nó có nghĩa là thánh chiến. Nghĩa gốc của Jihad chỉ là sự phấn đấu chống lại những ham muốn thấp kém, và điều này được gọi là Đại Jihad, trong khi sự chiến đấu chống những kẻ thù bên ngoài là Tiểu Jihad. Tiểu Jihad thường chỉ có nghĩa là chiến đấu để tự vệ. Kinh Koran định nghĩa nó như sau:

Hãy chiến đấu theo con đường của Allah với những kẻ chiến đấu chống lại mình, và đừng vượt quá giới hạn; hiển nhiên Allah không thích những kẻ vượt quá giới hạn. (Surah Con Bò 2.190)

Ta có thể hiểu điều đó có nghĩa là việc không phân biệt dùng bạo lực với những kẻ không có khí giới, tất nhiên kể cả đàn bà và trẻ em, là điều trái ngược với những giáo lý của đạo Hồi.

Cho tới đây tôi đã viết về những chứng nghiệm của mình liên quan tới đạo Hồi. Tuy nhiên, cuốn thánh thư mà tôi thích lúc còn trẻ, là cuốn Tân Ước thuật lại cuộc đời và lời nói của Đức Ki Tô, và mỗi lần đọc, tôi không thể không cảm phục những cái hay trong những lời nói của ông. Tóm lại, Đức Ki Tô đối với tôi là một nhân vật đặc biệt mà tôi hết lòng kính mến và có nhiều cảm tình. Có lẽ vì vậy mà có lần tôi được một chứng nghiệm quý báu về ông.

Như những lúc khác, biến cố đó xảy ra một cách không làm cho tôi biết trước. Một buổi chiều nọ, tôi ngồi một mình trong phòng. Tôi không

còn nhớ là mình muốn làm gì, nhưng chợt nhiên không khí chung quanh mình trở nên rất yên lặng, và nội tâm tôi cũng thay đổi trạng thái. Ngay sau đó, tôi nhận thức được là mình đang nghiệm thấy cái trạng thái cảm xúc mà Đức Ki Tô có trong một tình trạng đặc biệt. Điều đó như việc nội tâm tôi đồng hóa với nội tâm Đức Ki Tô, khi ông nói: 'Các anh em hãy coi tôi là nước. Đó là Nước của Sự Sống không bao giờ cạn. Những ai đã uống thứ nước đó thì sẽ không bao giờ thấy khát nữa'. Tất nhiên, những lời nói của ông được thuật lại trong Thánh Kinh thì hơi khác một chút, nhưng tôi cảm thấy một dòng nước tâm linh trong suốt chảy vào nội cảm mình, và một cách tự nhiên tôi hiểu được đó là những gì Đức Ki Tô đã cảm được. Dòng nước tâm linh đó có đầy tình thương. 'Chúa ơi, đúng là ông, Đức Ki Tô' tôi nghĩ.

Cái chứng nghiệm đó chỉ kéo dài một phút hay khoảng đó, nhưng nó có một ảnh hưởng thâm sâu đối với tôi. Cái cảm giác tôi nghiệm được không thể giải thích được, nhưng tôi biết chắc là mình đã được làm cho hiểu biết được Đức Ki Tô là một nhân vật như thế nào, tuy chỉ biết được một phần nào, nhưng cái biết đó không qua những gì được viết lại, mà là một cách trực tiếp. Kể từ đó, sự hiện hữu của ông càng trở nên đặc biệt thêm đối với mình, và tôi mang ơn Đấng Toàn Năng đã cho mình cai chứng nghiệm đó.

Về cái chết

Cái chết đối với chúng ta là bí ẩn cuối cùng. Nếu có một điều gì chúng ta biết được là đúng 100%, thì đó là việc tới một lúc nào đó chúng ta phải chết. Nhưng chúng ta lại không biết một chút gì về cái chết. Không ai trả lời được những câu hỏi này: cái chết là gì, tại sao con người phải chết, và điều gì sẽ xảy ra sau khi chúng ta chết.

Thiên hạ sợ chết hơn bất cứ điều gì khác. Có hai quan niệm đối nghịch. Có những kẻ nghĩ rằng chết là hết, và không tin rằng linh hồn sẽ tiếp tục sống sau khi chết. Cái ý nghĩ đó được khoa học hỗ trợ và là xu hướng chủ đạo của thời đại chúng ta.

Điều được xác nhận là sinh hoạt tâm lí của con người là hệ quả của những hoạt động của óc não; vì thế cho nên, khi óc não không còn nữa, thì không gì có thể sống sót được. Những kẻ tin điều đó tìm sự an ủi trong việc chúng ta sống bằng những kỉ niệm về gia đình mình và những người khác. Họ cũng nghĩ rằng cái 'Tôi' sẽ hoàn toàn biến mất, vì chúng ta là sự tạo thành của vật chất, và do đó sẽ trở về cái thế giới vật chất này.

Cái quan niệm đối nghịch là linh hồn quả thực sẽ tiếp tục hiện hữu, sau khi thể xác chết. Cái quan niệm này được sự hỗ trợ của truyền thống, nhưng trong trường hợp này, thiên hạ cũng không hoàn toàn giải đáp

được câu hỏi về việc điều gì thực sự xảy ra sau khi ai đó chết.

Ngay cả nếu có những bằng chứng ủng hộ dưới hình thức hồn ma, hiện tượng cận tử và truyền dẫn tâm linh (spiritual channelling), chúng ta cũng không biết được những chuyện đó thực sự ra sao. Chúng ta đã thường nghĩ rằng toàn thể vũ trụ là trái đất, nhưng tới một lúc nào đó lại khám phá thấy trái đất chỉ không lớn hơn một hạt anh túc trong thiên hà. Tương tự, cái thế giới bên kia có thể vô cùng bao la hơn trái đất trên đó chúng ta đang sống.

Như thế nào đó, latihan đem chúng ta đến gần hơn cái chết và thế giới tâm linh bên kia. Có thể nói rằng cái trạng thái latihan trong đó sự hoạt động của tư tưởng, dự vọng và cảm xúc trở nên lặng yên, là điều gần với trạng thái của cái chết. Latihan làm thức tỉnh linh hồn, một thực thể tiếp tục sống sau khi đi qua ngưỡng cửa của cái chết, và giúp nó có thể phát triển. Có thể latihan có vai trò của một nhịp cầu nối liền cái thế giới này với thế giới bên kia. Bapak nói rằng có lẽ chúng ta sẽ hiểu được ý nghĩa thực sự của latihan khi mình chết.

Trong tiến trình tập latihan, tôi đi đến kết luận là cả hai quan niệm đối nghịch nói trên đều có phần đúng và sai. Nói cách khác, điều này tùy thuộc trạng thái linh hồn của người chết. Có những người có thể chết, và đối với họ thì không còn gì nữa; linh hồn những người khác thì có thể tiếp tục sống sau cái chết, và cũng có những linh hồn tiếp tục phát triển được qua sự đầu thai.

Bapak thường đề cập tới sự sống sau cái chết trong những nói chuyện của mình, nhưng tôi không nhớ là có những gì được giải thích rõ rệt và cặn kẽ về đề tài này. Tuy nhiên, trong cuốn A Memoir of Subud mà Varindra Tarzie Vittachi viết sau khi Bapak mất, tôi thấy có một đoạn lí thú về một cuộc trò chuyện với Bapak, trong lúc Varindra hỏi Bapak về cuộc sống sau cái chết. (Varindra Vittachi là chủ tịch của Hội Đồng Subud Thế Giới và của các Hội Nghị Thế Giới trong 26 năm, ông cũng là một nhà báo có tiếng tăm khắp thế giới, một nhà bình luận của tạp chí Newsweek, một người đã giúp rất nhiều cho những trẻ em nghèo khắp nơi trên thế giới, qua vai trò giám đốc phòng giao dịch của UNICEF)

Sau một lúc, Bapak nói: ‘Bạn chưa thể tiếp nhận và hiểu được trọn vẹn

giải đáp. Nhưng Bapak sẽ kể cho bạn một điều mà bạn hiểu được. Một lối giải thích nhất thời. Bapak sẽ nói một cách rất khái quát, và nếu nói tới hay viết về điều đó, thì bạn luôn phải cho biết rõ đó là giải thích một cách khái quát. Giải thích cho lúc này, chứ đó không là tất cả sự thật. Một cách khái quát, có thể có ba hạng người, sau khi họ chết. Hạng thứ nhất, hạng này đông nhất, là những người hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi sức mạnh vật chất của trái đất, nên khi chết, jiwa (linh hồn) họ bám đầy sức mạnh vật chất, khiến họ trở lại trái đất vật chất này với cơ thể mình. Có lẽ thấy tôi tỏ vẻ khiếp sợ vì cái viễn tượng đó, không những chỉ cho những người đó mà còn cho bản thân mình, nên Bapak lập tức nói thêm: 'Nhưng Thượng Đế luôn khoan dung. Một trong những con cháu họ, trong vòng bảy thế hệ, có thể nhận được ân huệ của Thượng Đế và sự thờ phụng Thượng Đế của người con cháu đó có thể ảnh hưởng tới linh hồn người tổ tiên bị gắn bó với trái đất này, và khiến nó bắt đầu có thể dần dần trở về cội nguồn. Hạng thứ hai là những người thờ phụng Thượng Đế theo khả năng chân thành của mình. Họ đi chùa Hồi và nhà thờ, đều đặn thực hiện shariat (lễ nghi) và được coi là những người đàn ông và đàn bà kính sợ Thượng Đế. Jiwa họ có thể không bị sức mạnh vật chất bám chặt vào, và khi chết, họ không trở lại trái đất nhưng bay lượn trên đó. Đó là những người thường được trông thấy là hồn ma. Có hai điều có thể xảy ra khiến họ được cứu thoát. Điều thứ nhất là một người con cháu họ trong vòng bảy thế hệ có thể giao tiếp được với Ân Huệ của Thượng Đế, và điều này sẽ đặng vào họ, để đưa họ đi về cái thế giới của những con người có chân tính. Điều thứ hai có thể xảy ra là đầu thai. Nếu trong trạng thái tương tự với trạng thái của người chết khi có mặt trên trái đất, trong lúc một người đàn ông và đàn bà đang làm chuyện sinh con đẻ cái, thì cái linh hồn đang bay lượn có thể nhập vào nơi chốn sinh đẻ của sự giao hợp đó để trở thành linh hồn của đứa bé có thể được sinh ra từ đó. Đứa bé đó có thể tiếp giao được với ân huệ của Thượng Đế trong đời mình, và đến lúc chết thì có thể bắt đầu cuộc hành trình trở về cái thế giới đích thực của con người.

Hạng thứ ba thì có rất ít, kể cả những hội viên Subud đã nhận được sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế. Tùy theo lòng thành tâm quy thuận và mức độ thanh lọc đạt được trong đời mình, thì khi được tách biệt khỏi cơ thể, linh hồn của một người thuộc hạng này sẽ chẳng bao lâu được đưa lên cái thế giới đích thực của con người. Cái linh hồn đó không còn ở lại trong không khí của trái đất, mà sẽ đi ra ngoài thái dương hệ, để cuối cùng kiếm đường về cội nguồn. Cảm thấy sự long

trọng của những gì mình giải thích đối với Usman và tôi, Bapak ngưng lại và nói đùa: Không bảo đảm. Rồi người lập lại điều mình cảnh giác là chỉ nói một cách khái quát và giải thích nhất thời.

Tôi không đủ tư cách để bình luận những chuyện nói trên, nhưng có những điều chứng tỏ cho mình thấy cái chết không có quy luật và đó chỉ là trường hợp cá biệt. Tôi đặc biệt muốn đề cập tới nơi đây ba điều mà mình đã nhận thấy. Điều thứ nhất xảy ra khoảng một năm sau khi tôi bắt đầu tập latihan, khi tôi vẫn còn chưa có được những chứng nghiệm tâm linh đích thực. Điều đó mang hình thức của một giấc mơ. Không như những giấc mơ khác, giấc mơ đó khác thường ở chỗ có cấu trúc của một cốt truyện nhiều kỳ về những hoàn cảnh khiến ta nghĩ tới một cách chết nào đó.

Trường hợp thứ ba mà tôi thuật lại thì hoàn toàn trái ngược với trường hợp thứ nhất.

1. Cái chết của một người bạn

Tôi nghe nói về cái chết của Shoichi, ngay sau khi mình vừa thành lập gia đình. Shoichi học ban tiểu và trung học cùng tôi, và ở nơi gần nhà tôi. Anh là một trong những người bạn thân của tôi, cho tới khi chúng tôi phải chia tay nhau sau chiến tranh, và tôi đã không có cơ hội gặp lại anh. Sau này tôi bàng hoàng, khi được một người bạn cho hay là anh đã tự sát khi còn sống chung với bà mẹ mình, bằng cách lao đầu vào phía trước một xe lửa tại một ngã tư nọ. Tôi cảm thấy rất hối hận; hối hận là vì trước đó không lâu một anh bạn khác của tôi cho biết là gần đây Shoichi thích tìm hiểu triết học Ấn Độ và mong muốn gặp tôi. Tuy nhiên, tôi vừa mới lập gia đình, và chỉ muốn liên lạc với anh một thời gian sau. Anh là đứa con duy nhất của một bà mẹ đơn độc là người cứng chiều và cần có anh, và điều này làm cho cảm thấy là cái chết của anh khiến bà đau đớn thêm. Điều đó là như vậy, khi tôi có giấc mơ đầu tiên.

Trong giấc mơ, tôi đang đi với Shoichi xuyên qua một ban đêm tối mù. Điều này như việc chúng tôi đi trên một con đường xuyên qua một công viên, và trời tối đến nỗi không trông thấy gì được. Thậm chí tôi không thấy được bả vai hay khuôn mặt anh, khi mình đi bên cạnh anh, bên phía trái. Tôi chỉ cảm thấy sự hiện diện của anh, và đó là điều khiến tôi biết được anh đang có đó.

Tôi nói chuyện với anh, vì muốn anh biết được sự hiện hữu của Thượng

Đế. Tuy thế, hiển nhiên là anh chưa chịu chấp nhận những gì được nói về Thượng Đế. Nên tôi không thể dùng từ 'Thượng Đế.' Tôi nói rằng có rất nhiều điều trên thế gian này mà mắt phàm không trông thấy được. Y như gió hay điện, đó là những điều không trông thấy được nhưng vẫn có. Tôi thiết tha cho hay là cũng y như vậy, phải chăng có thể có được một thực tại tâm linh tinh vi - một thế giới khác có đằng sau cái thế giới này?

Giấc mơ kết thúc, trong lúc tôi còn say sưa nói chuyện với anh và đi trên con đường quanh co trong màn đêm dày đặc. Một hay hai tuần sau, tôi có một giấc mơ khác. Lần này thì tôi ngồi nơi bàn giấy trong bộ phận xuất bản của công ty. Căn phòng được sắp xếp như thường lệ. Từ căn phòng đối diện, một cánh cửa mở ra, và có một người bước vào. Tôi ngước mặt lên nhìn và ngạc nhiên thấy đó là Shoichi mà đáng lí ra đã chết. Trời ơi! Tôi vội vã coi xem anh có hình bóng hay không. Nếu không có, tôi nghĩ, mọi người sẽ biết anh đã chết và công ty sẽ náo loạn. Nhưng tôi không thể kiểm chứng được là anh có hình bóng hay không, vì bàn giấy cản tầm nhìn của mình. Tôi vội vã đứng lên, chạy ra cửa, kéo Shoichi đi nơi khác, dẫn anh xuống cầu thang và đi qua căn phòng lớn phía trước, và từ nơi đó đi ra bên ngoài. Chúng tôi vượt qua một con đường rộng, đi lên một đường dốc dẫn tới một con đường lớn khác. Tôi cố gắng kéo anh đi, nhưng chợt nhiên anh dựa vào phía bên phải của tôi, và nói rằng chân mình bị thương, anh không thể đi được. Tôi gánh chịu sức nặng của cơ thể anh với vai mình, an ủi anh và nói:

-Anh đã chết rồi mà! Anh đã chết rồi thì chân anh không thể bị đau nữa, và anh cũng không thể có vấn đề! Một khi đã chết rồi, anh không thể bị thương. Vậy nên, anh phải đi đứng được, có đúng không?

Tất cả những gì anh phải làm là tự nói đi nói lại với mình: 'Tôi đã chết, tôi đã chết rồi mà', rồi thì anh sẽ đi đứng được.

Giấc mơ kết thúc, khi tôi vẫn còn cố gắng lôi một cách mạnh mẽ thân thể nặng nề của anh lên con đường dốc, và vẫn còn thuyết phục anh để anh đi đứng.

Rồi khoảng hai tuần sau, tôi có một giấc mơ khác. Lần này thì quang cảnh khác hẳn và sinh động hơn. Tôi để nhiều tạp chí vào một cái túi, và

sắp sửa đến thăm căn nhà MỚI của anh. Tuy nhỏ bé nhưng căn nhà hai tầng của anh thật gọn sạch. Anh thân ái đón chào tôi trong phòng khách. Chúng tôi trò chuyện trong một lúc, cho tới khi tôi có một ý nghĩ. Thái độ của Shoichi đối với tôi có vẻ tự nhiên đến nỗi tôi phải nghi ngờ không biết anh chàng Shoichi trước mặt mình đã chết hay chưa, hay mình đã nghĩ lầm. Tôi càng lúc càng lo âu, và nghĩ rằng nếu anh thực sự còn sống, thì mình đã chỉ gây gổ với anh trong lối cư xử của mình.

Nên tôi có ý nghĩ là kiểm chứng coi anh đã thực sự chết hay chưa. Hai chúng tôi đều ngồi trên tấm thảm tatami. Tôi quyết định đến gần anh, để đụng vào người anh. Nếu anh đã chết, thì sẽ không có sự giao tiếp và tôi sẽ quả thực đi xuyên qua con người anh.

Thế nên, trong lúc còn ngồi, tôi bắt đầu xích gần lại anh, và một cách tình cờ, trong khi chúng tôi vẫn còn trò chuyện, tôi nhẹ nhàng lấy đầu gối mình đụng vào đầu gối anh. Điều bất ngờ là tôi giao tiếp được với xác thịt nóng ấm và có sức sống của anh. Tôi cảm thấy thất vọng: vậy anh đã không thực sự chết. Nhưng điều này cũng không thể là sự thật được. Không làm cho anh nhận biết được mình đang làm gì, tôi tĩnh tâm như để tập latihan, và cố gắng cảm nhận được nội ngã mình. Rồi tôi biết được không thể nghi ngờ gì nữa – anh đã thực sự chết. Dĩ nhiên, anh đã chết. Tôi cảm thấy khuây khỏa trong lòng mình.

Rồi tôi để ý thấy khuôn mặt Shoichi có ít nốt ruồi hơn. Khi anh còn nhỏ, có nhiều cái mọc thành cụm đằng sau cổ anh, khiến cho có một chỗ trở nên đen tối. Có thêm nhiều nốt ruồi, khi anh lớn lên, và lần cuối cùng tôi thấy anh thì có nhiều đến nỗi không đếm được, khắp trên khuôn mặt anh. Nhưng bây giờ thì các nốt ruồi đã bớt đi được khoảng một phần ba. Nên tôi nói với anh: ‘Ừa, hay quá, những nốt ruồi anh đã mất gần hết!’ Anh nhe răng cười bẽn lẽn. Tôi đưa anh coi những tạp chí mình mang theo, và giấc mơ kết thúc với việc tôi đi về.

2. Cảnh giới của cái chết

Điều vừa kể trên và những giấc mơ tôi có hồi đó khiến mình nghĩ rằng có những trường hợp trong đó có thể người chết không ý thức được mình đã chết; đó là lúc ý thức họ trở nên bất động ngay lúc chết, và họ hiện hữu trong một tình trạng mà thời gian đứng lại ngay lúc đó.

Tất nhiên, đó chỉ là sự phỏng đoán của cá nhân. Ai mà biết được đời sống sau khi chết thực sự như thế nào? Nhưng điều tiếp theo đây mà tôi kể lại, khiến mình trải nghiệm được một chút về thực chất của cái cảnh giới đó. Như đã nói trên kia, không có gì có thể chứng thực được, vì chưa từng có ai đã trở về từ cõi chết, để nói cho chúng ta biết.

Điều tôi nghiệm được là lúc mình đang tập latihan với một phụ tá thân thiết với mình, một vài ngày trước khi anh qua đời. Tôi đến thăm anh, để tập latihan bên cạnh anh. Anh nằm trên giường để tập latihan và hình như anh đang ngủ. Latihan rất mạnh ngay lúc đầu, và tôi có thể cảm thấy mình càng lúc càng đi sâu vào nội ngã, cho tới khi mình cảm thấy như đã đạt tới đáy biển. Quang cảnh hoàn toàn vắng lặng. Tôi chậm chạp tiến về phía trước, như đang đi xuyên qua đại dương. Sau một lúc, tôi phải đứng lại và cảm thấy nếu đi xa thêm nữa, mình sẽ không thối lui được. Tôi cảm thấy như đã đến gần ranh giới của sự sống và sự chết. Thật là một cảm giác kì lạ: tôi ý thức được mình phải đứng lại nơi đây, và không thể tiến tới cũng như lùi bước. Có lẽ tôi đã đến quá gần ranh giới khu vực của cái chết, nên khi tìm cách đi tới thì không được, và khi tìm cách rút lui thì cũng không được. Điều thậm tệ là tôi không thể ngay cả cử

động cánh tay mình. Tôi hơi thấy sợ, và cố gắng cầu nguyện, khiến mình có thể xin Thượng Đế cứu giúp. Nhưng điều còn đáng sợ hơn nữa là tôi không thể cầu nguyện. Tôi muốn cầu nguyện, nhưng cái khả năng dâng hiến cảm xúc mình cho Thượng Đế cũng mất luôn. Tôi bắt đầu thực sự hoảng sợ. Tôi cảm thấy mình như bị mãi mãi mắc kẹt nơi đây. Tôi hiểu được thực chất cái thế giới tâm linh mà Thượng Đế trực tiếp cai quản, và tôi cũng hiểu được cái thế giới bên kia là nơi mà ta không thể cử động một ngón tay, nếu không được sự trợ giúp của quyền năng Thượng Đế. Trừ phi là ý muốn của Thượng Đế, nếu không thì ta không thể đến gần được Thượng Đế. Tôi tự hỏi không biết có đúng hay không là nếu đến quá gần lĩnh vực của cái chết và không thể đi về được, thì mình sẽ phải chết tại nơi chốn mình đang có mặt.

Điều may mắn là tôi đã tập latihan, và nó vẫn còn hoạt động trong lòng mình. Tôi có cái chứng nghiệm đó trong lúc vẫn còn trong trạng thái latihan, và sau một lúc không lâu, tôi có thể bình thường trở lại.

Cái chứng nghiệm nói trên để lại một ấn tượng sâu đậm nơi lòng tôi và cũng giúp tôi hiểu được những lời nói của Bapak, bằng cách chính mình nghiệm được. Bapak thường nói với hội viên là đừng tin những gì do chính Bapak nói, mà phải tự mình nghiệm được trước khi tin. Tôi cũng nghe Bapak nói rằng khi con người chết, những tư tưởng và cảm xúc của họ trở nên bất động, khiến họ không thể cho thêm vào, hay chuyển đổi hoặc thay đổi cái nội dung của mình, và khi được Thượng Đế hỏi về những hành xử của mình trong cuộc đời, họ không thể tô đẹp thêm hay nói dối. Nhờ tập latihan với một hội viên sắp chết, tôi hình như đã được tạo cho cơ hội, một cách gián tiếp, nghiệm thấy trạng thái trên thực tế sau khi chết là trở nên bất động và không thể nhúc nhích được.

3. Vui mừng ra đi

Điều tiếp theo liên quan tới cái chết của một người bạn, nhưng hoàn toàn khác biệt với điều thứ nhất về cái chết mà tôi đã kể lại. Đối với ai đó mà linh hồn đã thức tỉnh và phát triển, cái chết không là một sự cố đau buồn phải thương tiếc, mà là một sự ra đi vui vẻ, để có được một cuộc sống mới không phải chịu những gánh nặng của thế gian này. Tôi có thể xác nhận chuyện đó. Thực ra, điều tôi nghiệm được thật độc đáo và khó quên, vì mình quả thực đã trò chuyện được với người chết.

Harihito là một phụ tá mà tôi tin cậy, và là bạn tôi. Anh nhỏ tuổi hơn tôi và được khai mở, khi còn là sinh viên tại đại học Kyoto. Anh đã giúp tôi làm cho một nhóm Subud ở Kyoto được phát triển, và sau khi thi đậu xong, anh lại góp sức làm cho một nhóm khác tại Kyushu được phát triển là nơi anh đến để làm việc. Anh nhận được việc làm của một công ty nằm dưới sự bảo trợ của một công ty thép lớn nhất ở Nhật, và ngoài việc làm việc rất giỏi, anh còn rất có tài trong cách ứng xử với thiên hạ. Nhiều năm sau anh được phái đi làm việc tại công ty thép trung ương ở Tokio.

Khi anh đến Tokio, tôi rất lạc quan về việc kể từ nay trở đi chúng tôi có thể chặt chẽ hợp tác làm việc chung nhau. Chính vào khoảng thời gian đó thì có một vấn đề phức tạp trong nhóm Subud của tôi, và tôi cảm thấy điều này chỉ có thể giải quyết được, nếu chúng tôi được anh trợ

lực. Tuy nhiên, anh có mặt ở Tokio không được bao lâu, thì bác sĩ khám bệnh thấy anh bị ung thư máu cấp tính, và chẳng bao lâu sau đó anh qua đời. Sự việc này khó có thể tin được, vì trông anh dồi dào sức khỏe.

Cái chết của Harihito là một cú sốc tác động rất nhiều tới tôi. Ngay cả cho tới nay, tôi vẫn còn thấy chuyện đó thật lạ lùng, và còn nhớ rõ là khi được tin về cái chết của anh qua điện thoại, tôi chợt cảm thấy như cánh tay phải mình bị cưa mất nơi có khớp. Không phải tôi chỉ cảm thấy một cách mơ hồ là như vậy, mà thực sự đã không thể cảm được cánh tay mình từ nơi khớp phía dưới. Thật là một cảm giác kì lạ. Khi nhìn, tôi có thể trông thấy cánh tay mình vẫn còn đó, nhưng lại cảm thấy như không còn gì hết từ nơi khớp phía dưới. Tôi nghe nói những người bị cụt tay hay chân vẫn còn có thể cảm thấy đau đớn, như tay hay chân vẫn còn đó, nhưng tôi chưa từng nghe nói tới việc một cánh tay vẫn còn đó, mà lại khiến cho cảm thấy là không có nó. Và tôi cũng hay được là có từ ngữ mất cánh tay phải, và điều này thực vậy có thể được cảm thấy là như vậy. Khoảng 20 hay 30 phút sau đó thì tôi cảm thấy trở lại cánh tay mình đang sống.

Điều đó cho thấy cái chết của Haruhito là một cú sốc nặng nề đối với tôi như thế nào. Đêm hôm sau, tôi đi dự với nhà tôi buổi thức canh cho người chết. Khi chúng tôi đến, phòng đã đầy người, và đặc biệt là có đông người nơi cổng vào. Vì coi bộ còn có chỗ trống nơi bàn thờ, nên tôi len lỏi qua đám đông để đến gần đó và ngồi xuống. Việc tụng kinh đã bắt đầu, và chị vợ của Haruhito thì đứng bên cạnh ba đứa con còn nhỏ, thỉnh thoảng lấy tay chùi nước mắt. Tôi nghe tụng kinh, và khi đang nhìn tấm hình của Haruhito đặt phía trước, tôi cảm thấy trong ngực mình sáng ngời, và không hiểu tại sao trong lòng lại nổi lên một cảm xúc vui sướng. Cái cảm xúc đó càng lúc càng trở nên mãnh liệt, cho tới khi cái ánh sáng chứa trong ngực tôi hình như hoàn toàn lan tràn và làm cho tất cả căn phòng trở nên sáng rực. Ngay lúc đó, hình như khuôn mặt trên tấm hình đang nhìn tôi mỉm cười, và tôi chợt có ý nghĩ là bây giờ mình có thể nói chuyện với Haruhito. Tôi quyết định không tự hỏi mình điều đó có thể được hay không, nhưng dù sao thì vẫn để cho được tự nhiên. Có một điều tôi muốn nói với Haruhito. Tôi đã chưa qua được cơn sốc về cái chết của anh, và cảm thấy như đang trách móc anh về việc anh đã ra đi và chết như vậy mà không có lời từ giã nào. Nên tôi bắt đầu nói chuyện thẳng với anh trong đầu óc mình.

- Haruhito, anh đã biết là tôi đang có một vấn đề rất khó khăn. Tôi phải nhờ vào sự góp sức của anh. Tôi không tin mình đối phó được vấn đề mà thiếu anh. Tôi phải làm gì đây?

Câu trả lời đến trong chớp nhoáng. Tôi nghe nó không như giọng nói, mà như những tiếng nói lơ lửng trong đầu óc dưới hình thức một câu trả lời.

-Anh khỏi phải lo lắng. Thượng Đế sẽ giúp anh khi cần.

Đó là câu trả lời mà tôi biết chỉ có anh mới nói như thế. Tôi đi sâu thêm vào vấn đề.

-Đối với anh thì không có gì hết. Thực ra, có lẽ anh thấy khá vui mừng, nhưng còn người vợ anh và những đứa con mà anh bỏ lại thì ra sao? Vợ anh đang khóc, và những đứa con anh thì rất còn nhỏ. Anh không nghĩ là mình hơi ích kỉ hay sao?

Câu trả lời của anh đến sau một lúc ngập ngừng.

-Là thế này, tôi nghĩ Thượng Đế sẽ săn sóc họ.

Tôi hỏi một câu cuối.

-Bây giờ anh sẽ làm gì? Anh có ý định ở quanh nơi đây trong một lúc? Với nơi đây tôi muốn nói không chỉ là trong nhà anh, mà là trên cái thế gian này.

-Tôi không biết, nhưng tôi nghĩ có lẽ chẳng bao lâu mình sẽ được gọi đi đến một nơi nào đó.

Không có câu hỏi nào khác đến trí óc mình. Tôi thôi không trò chuyện nữa ngay lúc đó. Tuy nhiên, sự sáng ngời trong ngực tôi và cái cảm giác vui mừng thì càng lúc càng trở nên mãnh liệt, cho tới khi tôi cảm thấy mình sắp lớn tiếng cười. Chung quanh tôi nhiều người đang than khóc cái chết của Haruhito, vì anh đã chết khi còn rất trẻ, và họ lấy khăn tay

chùi nước mắt, nhưng bản thân tôi thì nhận thấy một trạng thái, điều này thật kì lạ, hoàn toàn trái ngược. Tôi phải cố gắng lắm mới trấn tĩnh được vẻ mặt mình, để khỏi phá lên cười. Không như gia đình và thân nhân của người chết, tôi chứng kiến được một cái chết, điều này thì trái ngược hẳn, khiến cho người chết vui mừng và hạnh phúc.

Đó là một sự ra đi đã vượt qua ngưỡng cửa của cái chết, nhưng chiếu ra ánh sáng rực rỡ - một sự rực rỡ nằm trong đáy lòng mình, cho tới khi tôi đi về.

Thành tâm tiếp nhận

Tôi đã viết về việc như thế nào mình bị lôi cuốn bởi sự giản dị và trong sạch của latihan Subud, khi lần đầu mình gặp nó, và như thế nào mình đã coi nó là dấu hiệu về sự trực tiếp hoạt động của Thượng Đế.

Sự trong sạch là một trạng thái được latihan tạo nên mà không bị ảnh hưởng của những gì thuộc con người như tư tưởng, cảm xúc, sự hoạt động của ý chí và tất cả những cột trụ giả tạo mà con người tạo ra, để làm chỗ nương tựa cho chính mình.

Đó là vì những cái đó làm cho sự trong trắng của chúng ta bị ô uế, lúc mình sinh ra. Sau đó, chúng ta làm quen với đời sống trên thế gian này, bằng cách từ bỏ cái trạng thái đó, khi tư tưởng và cảm xúc mình phát triển; rồi chúng ta trưởng thành, bằng cách làm quen với kiến thức của thế gian.

Thế cho nên, khi bắt đầu tập latihan, chúng ta đã không trong sạch hay trong trắng. Nội ngã chúng ta bị hoen ố không chỉ do những thèm khát và những ý tưởng mù quáng của mình, mà còn do tất cả những nhược điểm nằm sâu trong đáy lòng mà cha mẹ hay tổ tiên mình đã để lại. Ngoài ra còn có những xu hướng cố hữu bị biến dạng của cá tính nhưng

được giấu kín trong tâm tâm, và đó là những điều mà Bapak gọi là một căn bệnh trầm trọng. Do sự ô nhiễm của những thành tố đó và do sự kích thích của bất cứ những xúc động nào, chúng ta khó có thể ngăn chặn sự hoạt động của trí óc, ngay cả trong giấc ngủ.

Latihan kiểm chế tất cả những thành tố làm ô uế đó, nhưng không phải lúc nào chúng cũng lập tức và hoàn toàn trở nên yên lặng. Chúng trở nên yên lặng tới mức độ làm cho con người giao tiếp được với quyền năng của Thượng Đế. Nếu ta tiếp tục tập latihan và sự thanh lọc của mình tiến triển, latihan mình sẽ tăng thêm chiều sâu, vì mình nhận được latihan trong một trạng thái trong sạch.

Ibu Rahayu (con gái Bapak) nói về quá trình thanh lọc trong một buổi nói chuyện:

Sự tiếp nhận có thể còn tiến xa hơn, các anh chị em sẽ có một sự tiếp nhận trong sạch hơn. Tiếp nhận như thế là một chứng nghiệm mà các anh chị em cảm thấy mình đã đi khỏi cái thế gian này. Tất cả những gì các anh chị em ý thức được là bản thân mình và quyền năng của Thượng Đế. Điều này có thể gọi là đích thực tiếp nhận. Nhưng chỉ xảy ra nếu Thượng Đế muốn. (Nói chuyện của Ibu Rahayu ngày 13 tháng 8 năm 2003)

Tôi có lần nhận được một điều gần giống như vậy trước đó. Sự việc xảy ra giữa thập niên 80, ngay trước khi Bapak qua đời, lúc tôi đi dự buổi họp của Hội Đồng Subud Thế Giới tại Nam Dương. Hôm đó, theo chương trình thì latihan được tập lúc 10 giờ sáng. Tôi hơi nhức đầu, và có ý không muốn đi tập latihan. Tuy nhiên, vì Bapak sẽ có mặt, nên cơn nhức đầu của mình không đến nỗi nào; tôi quyết định dù sao thì cũng phải đi. Tôi đứng tại một nơi gần chỗ đi ra để đợi tập latihan, trong trường hợp mình phải ra về vì nhức đầu. Cuối cùng Bapak đến và latihan bắt đầu.

Tập latihan không bao lâu, tôi bớt thấy lo vì cơn nhức đầu. Tôi chợt ý thức được mình đang đứng trong một không gian không có gì hết ngoài quyền năng của Thượng Đế. Không gian trải ra khắp nơi và hoàn toàn chứa đựng quyền năng của Thượng Đế. Không có thứ gì khác hiện hữu trong cảnh giới đó ngoài quyền năng của Thượng Đế, và tầm nhìn xa của mình cho thấy không có bất cứ gì cử động. Tất cả đều lặng yên. Chỉ có

quyền năng của Thượng Đế chứa trong không gian, và bản thân tôi thì đứng bất động.

Như một cơn gió mạnh chợt làm cho sự yên lặng của ban đêm bị giao động, một sự chuyển động nhẹ nhàng bao quanh và thổi vào tôi.

Điều đang chuyển động như gió là quyền năng của Thượng Đế. Ngay lúc đó, thân thể tôi bắt đầu lắc lư, như để đáp ứng lại luồng gió. Những động tác của tôi được khiến cho ăn khớp với sự chuyển động đó, mà không một chút nào bị lệch lạc. Đó như là một điệu múa tao nhã, trong khi tôi dạt dào biết ơn khiến chảy nước mắt.

Đó mới thực sự là latihan. Tôi nhảy múa trở thành một vớ quyền năng của Thượng Đế. Tôi cảm thấy mình đang nghiệm được cội nguồn của latihan. Có sự chuyển động của quyền năng Thượng Đế, và nó khiến tôi cử động, mà trên thực tế là một hành động sáng tạo của cái Nguồn Gốc tối thượng đó.

Bapak đã có lần nói rằng cái quyền năng của Thượng Đế tác động trong latihan tương tự cái Sức Mạnh nguyên thủy đã tạo ra vũ trụ. Tôi không chút nghi ngờ latihan là tác động của Ý Thượng Đế, nhưng cái ý nghĩ về việc cái Sức Mạnh đó tương tự với sức mạnh của Thượng Đế là điều quá mênh mông để có thể hiểu được, và mặc dù đó là lời nói của Bapak, tôi cũng không thể tin ngay lập tức. Tuy nhiên, một khi đã nhận được latihan, tôi biết rằng latihan là hành động sáng tạo mới mẻ của quyền năng Thượng Đế. Điều đó giúp tôi hiểu được những lời nói của Bapak. Khi latihan xong, tôi thấy không biết như thế nào mình đã được lèo lái đi qua rất nhiều người, để cuối cùng đứng trong hàng những người đứng ngay trước Bapak.

Đối với tôi điều nghiệm được đó là cao điểm trong sự tu tập theo latihan của mình. Sau này khi suy nghĩ về điều đó, tôi thấy hình như cơn nhức đầu của mình là một cách chuẩn bị cho cái latihan như Thượng Đế muốn, khiến tôi có thể dễ dàng dẹp bỏ những ý nghĩ của mình.

Đầu óc tôi không còn nghi ngờ về việc mình nghiệm được cái latihan đó, vì nó xảy ra trước mặt Bapak.

Hội nghị Thế giới ở Columbia

Tất cả những ai đã đi theo con đường Subud đều có một kinh nghiệm khác nhau. Đó là vì mỗi người chúng ta đều khác nhau, và nơi chốn lên đường cho linh hồn trong cuộc hành trình đó cũng đều khác nhau, tùy theo mỗi người. Những khác biệt đó xác định con đường mỗi người chúng ta phải đi, và những kinh nghiệm chúng ta cần phải có. Kết quả là có những người đã có một hành trình tương đối yên ổn, trong khi đời sống của những người khác thì có đầy những điều bất ngờ và sôi nổi.

Cuộc hành trình của tôi mà bạn đồng hành là latihan, đã dạy cho mình biết được những gì phải làm. Vào lúc tuổi mình hơn bốn mươi, tôi sinh sống bằng cách làm việc cho một công ty sở hữu trí tuệ, và đồng thời cũng để hết tâm trí vào những hoạt động của Subud trên bình diện quốc tế. Tôi đã nhận thấy nhiều sự việc và khó khăn kể từ đó. Nhưng vì không nằm trong phạm vi của tập sách này, những chuyện đó tôi để qua một bên.

Tuy nhiên, có một chứng nghiệm mà tôi muốn đề cập tới. Điều đó xảy ra trong năm 1993, lúc có Hội Nghị Subud Thế Giới tại Colombia thuộc Nam Mỹ. Sở dĩ tôi muốn đề cập tới cái chứng nghiệm đó là vì nó liên quan tới một chứng nghiệm mà tôi có ba mươi năm trước đó, trong đó tôi được chỉ dẫn về mục đích của linh hồn.

Hồi đó trong năm 1963 tôi đã được chỉ cho thấy mục đích của linh hồn là trở thành một đầy tớ thấp hèn của Thượng Đế, và kể từ lúc đó tôi đã nhận được thêm nhiều chỉ dẫn như vậy. Với thời gian, sự khó khăn của

việc đạt được mục tiêu đó càng trở nên rõ rệt hơn. Chẳng hạn, cái quan niệm về sự quy thuận tuyệt đối là điều nói thì dễ, nhưng thực hành thì cực kì khó. Đó là vì nó đòi hỏi phải thâm sâu tin cậy, nội tâm phải vững mạnh, ta phải ý thức và chế ngự để khỏi bị áp đảo bởi những tư tưởng và cảm xúc của mình.

Đó là một vấn đề theo sát nách trong suốt cuộc đời tôi, và là một điều tôi dần dần học biết được qua nhiều chứng nghiệm và thử thách. Mặc dù vậy, tôi vẫn còn lâu mới đạt được cái tình trạng trong đó đối với mọi hoàn cảnh mình đều thấy được chính mình. Ta có thể nói rằng việc trở thành đầy tớ của Thượng Đế, mục tiêu tối thượng của linh hồn, là điều vượt ngoài khoảng thời gian ngắn của đời người trên thế gian này.

Năm 1993 tôi trở thành Chủ Tịch của Hội Đồng Subud Quốc Tế (ISC). ISC là cánh tay chấp hành của Hiệp Hội Subud Thế Giới (WSA). Cứ bốn năm thì Subud có một Hội Nghị Thế Giới, địa điểm và chủ tịch của văn phòng ISC thay đổi với mỗi Hội Nghị. Nhật Bản đăng cai tổ chức từ năm 1989 văn phòng ISC, và tôi phải can đảm và cương quyết lắm mới dám ứng cử vào chức vụ Chủ Tịch ISC.

Trước đó thì chỉ có những quốc gia Tây phương đăng cai tổ chức ISC là Anh, Mỹ, Canada và Đức. Có nhiều lí do khiến Subud Nhật Bản phải băn khoăn về việc giữ nhiệm vụ chấp hành của Hiệp Hội Subud Thế Giới: vấn đề ngôn ngữ là một trở ngại nghiêm trọng, khiến cho sự liên lạc giữa các thành viên thuộc những quốc gia khác không được êm xuôi; vấn đề vật giá cao ở Nhật và những chi phí cho việc có một văn phòng; sự cần thiết phải có những người làm việc thông thạo tiếng Anh. Subud Nhật Bản hầu như không có hội viên nói được tiếng Anh, và khả năng tiếng Anh của tôi thì chưa đạt được tiêu chuẩn. Chắc chắn chúng tôi cần phải có một thư kí nói tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ, để giúp mình làm những công việc của ISC.

Những vấn đề đó đã được giải quyết theo một cách mà tôi đã không tiên đoán được, và tôi coi đó là việc Thượng Đế đến cứu giúp mình. Chị Hermia Brockway, một người Anh sống ở Úc, tình nguyện đến Nhật Bản, để làm thư kí giúp việc cho tôi. Công việc lựa chọn và lưu trữ những văn thư và hồ sơ có rất nhiều của Bapak là vai trò quan trọng và mới mẻ của ISC, và lần này thì tôi lại được sự trợ giúp của chị Daniela Moneta, một

người Mỹ đến Nam Dương ở để lựa lọc những giấy tờ của Bapak, và của chị Saoda Hayashi, một nữ phụ tá Nhật thông thạo tiếng Anh có trách nhiệm làm người điều phối. Chủ tịch ISC phải được trả lương cho, vì phải làm việc đầy đủ thời gian, nhưng tôi không lấy tiền, vì hồi đó WSA thiếu hụt ngân quỹ thâm thâm. Tôi xin sở làm của mình giảm bớt đi những ngày làm việc, và chịu hi sinh những ngày thứ bảy và những ngày nghỉ. Điều này kéo dài một cách liên tục trong bốn năm.

Sở dĩ tôi chịu làm chủ tịch ISC là vì trong năm 1987 Bapak đã đột ngột qua đời. Hồi đó tôi là phụ tá quốc tế, và khi nghĩ tới tương lai của Subud sau khi Bapak mất, tôi cảm thấy chúng ta cần phải tạo cho Subud một khuôn mặt và hình thức quốc tế hơn. Trước đó thì những nhiệm vụ quốc tế trong Subud đã được các quốc gia Tây phương thực hiện, vì như vậy thì thuận tiện. Nhưng bây giờ thì tôi thấy đã đến lúc phải thay đổi và tạo nên một trường hợp trong đó có một quốc gia không thuộc khối Tây phương làm những công việc như của ISC.

Một trong những thách thức lớn nhất mà tôi phải đối phó, là chuẩn bị và tổ chức một Hội Nghị Thế Giới, và đó là một trong những bốn phận của ISC. Sẽ có nhiều khó khăn, nếu Nhật Bản đăng cai tổ chức một việc có quy mô thế giới, và cuối cùng sau khi trắc nghiệm, điều được quyết định là Hội Nghị Thế Giới Thứ Tám của Subud sẽ được tổ chức phía bên kia trên thế giới của nước Nhật là Colombia thuộc Nam Mỹ. Kết quả là Subud Colombia được giao cho nhiệm vụ chuẩn bị những gì cần phải có như một phòng hội họp rộng lớn và những nơi chốn ăn ở đủ tiện nghi, và việc làm của ISC là giám sát toàn bộ kế hoạch.

Tất cả những điều đó đã có thể làm được, nhờ sự nhiệt tình và hỗ trợ được phối hợp của các hội viên Colombia. Tuy nhiên, chuẩn bị và đăng cai tổ chức một Hội Nghị có hơn 1500 hội viên khắp thế giới tụ tập ở Colombia trong hai tuần không là điều dễ dàng. Đặc biệt, Hội Nghị đã đặt ra một nhiệm vụ làm nản chí: kế hoạch xây cất một phòng tập latihan rộng lớn có khả năng chứa hơn 1500 người, trên một mảnh đất mà các hội viên Colombia đã mua, nhưng ngân quỹ thì rất hạn hẹp. Để gắn gao thích ứng với ngân quỹ đó, anh Muchtar Martins, một kiến trúc sư Bồ Đào Nha tài ba, đã thiết kế một phòng tập độc đáo bằng gỗ, bằng cách dùng những vật liệu nội địa.

Là một nước sản xuất cocaine của thế giới, Colombia còn là nơi nguy hiểm lừng danh vì những vụ bắt cóc thường xảy ra của những lực lượng chống chính quyền và bọn mafia buôn lậu ma túy. Do đó mà sự an ninh của những người đi dự hội nghị là yếu tố đáng quan tâm, và có nhiều tiếng nói đã bày tỏ sự bất đồng ý kiến về những hiểm họa của việc tổ chức Hội Nghị Thế Giới ở Colombia. Tôi đến Colombia hai lần trước khi có Hội Nghị, để gặp tại nơi những người đứng ra tổ chức, và thường xuyên phải có những quyết định khó khăn. Một vấn đề chủ yếu là phòng tập latihan phải được xây xong trước ngày khai mạc. Anh Muchtar Martins đã tự mình làm một túp lều nhỏ bé tại nơi và đã ở đó nhiều tháng, khiến mình có thể trực tiếp giám sát công việc xây cất.

Nhưng khi tôi đến Colombia, phòng tập latihan còn đang được xây cất, và chỉ xong ngày trước lúc khai mạc. Đến ngày khai mạc, tôi phải giám sát một lần chót, trước khi có xuất latihan đầu tiên tập lúc 10 giờ sáng theo chương trình. Điều này có nghĩa là tôi không có thì giờ ngồi tĩnh tâm trước khi tập latihan. Khi tôi đặt chân vào phòng tập, đầu óc mình vẫn còn đầy những chuyện ở nơi hội họp. Theo kinh nghiệm, tôi biết chắc điều này sẽ khiến mình không có được một latihan thích đáng, nếu bắt đầu tập trong lúc đầu óc mình bị như vậy, và tôi lấy làm tiếc về chuyện đó, vì đó phải là một latihan để tôn vinh Hội Nghị được khai mạc. Tôi đành chịu an phận là trong 30 phút tập mình sẽ hầu như chỉ làm cho đầu óc được trống không, và cuối cùng sẽ chỉ là một latihan hời hợt và nông cạn.

Tuy nhiên ngay khi bắt đầu tập, trái với suy nghĩ, điều ngược lại đã xảy ra. Tôi cảm thấy được rõ rệt sự Hiện Diện của Thượng Đế là rất gần. Điều này như việc Thượng Đế đang có mặt và nhìn xuống nơi tôi. Theo kinh nghiệm của những năm tập latihan, tôi không mấy khi thực sự cảm được sự Hiện Diện của Thượng Đế. Trước kia, tôi đã chỉ cảm thấy được như vậy tại Hội Nghị Thế Giới ở Canada, nhưng điều đó chỉ kéo dài được 20 tới 30 giây. Nhưng lần này thì tôi cảm được sự Hiện Diện đó từ đầu tới cuối. Không phải là hồi đó tôi đã được Thượng Đế ban cho điều gì đặc biệt, đó chỉ là việc tôi cảm thấy sự Hiện Diện Tối Thượng đó. Nhưng ý nghĩa của nó mãi mãi nằm trong lòng tôi. Điều này liên quan tới việc 30 năm trước đó tôi đã không nhận được bất cứ chỉ dẫn nào, kể từ lúc mình được chỉ cho thấy mục đích cuối cùng của linh hồn. Không phải là Thượng Đế không coi tôi là đầy tớ, nhưng hình như Thượng Đế đã nhìn

nhận yêu cầu của tôi. Nói cách khác, Thượng Đế đã phải chấp nhận tôi là một trong những kẻ có thể là đầy tớ.

Một lần nữa, một cách bất ngờ, buổi latihan cuối cùng sau khi Hội Nghị bế mạc cũng cho tôi một chứng nghiệm tương tự. Nhưng lần này thì không là sự hiện diện của Thượng Đế, mà là của Bapak mà tôi cảm thấy. Bapak có mặt trong phòng tập, và từ một nơi rất cao nhìn xuống chúng tôi đang tập latihan, và tôi rõ rệt cảm thấy người đang nhìn theo tôi. Một lần nữa, tôi có cái cảm giác đó từ đầu tới cuối latihan. Đó là lần đầu tiên tôi cảm thấy sự hiện diện của Bapak, sau khi người qua đời. Những chứng nghiệm đó xác nhận cho tôi thấy con đường mình đã lựa chọn để đi trên đó cho tới nay, không là sai trái hay lầm lạc.

Bapak gọi cái linh hồn bình thường là một thực thể nhỏ bé, như một dấu chấm, đang ngủ nơi đáy lòng của chúng ta. Linh hồn chôn giấu bên trong nó một mảnh vụn của Thượng Đế. Khi ai đó được khai mở trong Subud, quyền năng mênh mông và bao trùm toàn thể vũ trụ của Thượng Đế (Bapak gọi là Nguồn Đại Sinh Lực) sẽ giao tiếp với mảnh vụn đó, để tạo nên một mối quan hệ giữa quyền năng bên trong và bên ngoài của Thượng Đế, khiến cho linh hồn được thức tỉnh. Bằng cách duy trì quan hệ đó, cái linh hồn mới thức tỉnh sẽ tăng trưởng và bành trướng cho tới khi thâm nhập vào tất cả các bộ phận của cơ thể. Chỉ như vậy ta mới trở thành một con người toàn diện mà tất cả các chức năng đều hoạt động đầy đủ, ta sẽ tiếp tục sống sau khi chết và sẽ vượt ra ngoài trái đất và ngay cả thái dương hệ, để trở về cái thế giới là nơi chốn đích thực của linh hồn.

Đó là cái khả năng tối thượng mà lối tu tập của Subud có thể cung cấp cho con người. Tuy nhiên, đạt tới chỗ đó thông thường đòi hỏi một quá trình chuẩn bị và thanh lọc lâu dài, đó là hành trình cá biệt của mỗi linh hồn. Các chứng nghiệm tâm linh giống như những biển chỉ đường trên chặng đường của linh hồn, và được Thượng Đế ban cho khi cần thiết và khi đúng lúc. Nhưng điều cần phải ý thức được là sự khác biệt giữa bản thân của chứng nghiệm tâm linh và việc thực hiện cái nội dung của chứng nghiệm. Chứng nghiệm tâm linh như việc có một tấm màn được kéo lên chỉ để cho thoáng nhìn thấy được phần nào cái thế giới tâm linh bị che giấu. Đó như những biển chỉ đường hay hướng đi cho chúng ta, nhưng thực hiện được cái chân lí được tiết lộ đòi hỏi mình phải đi thêm

một đoạn đường dài. Nói cách khác, chúng ta cũng đừng quên rằng có những người không có đến ngay cả một chứng nghiệm tâm linh nào, vậy mà họ lại là những người thực hiện được các chân lí.

Nói cách khác, chứng nghiệm tâm linh không nhất thiết là dấu hiệu về sự cao cấp tâm linh. Tôi mạo muội xin được nói lại một lần nữa sự giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế không là độc quyền của Subud. Khi lần đầu đến Âu Châu, Bapak đã trả lời như sau những câu hỏi của một hội viên.

Thượng Đế là Đấng duy nhất có quyền thế, nên Thượng Đế ban tặng cho bất cứ ai có khả năng tiếp nhận. Vậy, ngoài những người trong Subud, có thể cũng có những người khác tiếp nhận được. Thế nên, điều đó không chỉ có trong Subud, không chỉ do Bapak. Nó (sự giao tiếp) đã có trước Subud, như hồi xưa trong Thiên Chúa giáo, trong tôn giáo của Bà La Môn hay Đức Phật; trong đạo Hồi thì đã có rồi. Vậy nó không chỉ có trong Subud, mà cũng có thể có nơi nào đó khác.

Điều duy nhất anh chị em cần biết được là cái cội nguồn, nơi từ đó nó xuất phát, và điều này có thể được trải nghiệm tùy theo cái khả năng đã có nơi bên trong mình. Bapak còn nói thêm:

Nếu anh chị em cần phải hỏi, Bapak nghe nói và biết được rằng việc tìm cách giao tiếp với quyền năng của Thượng Đế thì có nhiều phương pháp đòi hỏi một nghị lực mà ta khó bắt chước hay làm theo được; nói cách khác là qua cách hạn chế ăn uống, tránh xa những thú vui trần gian -tóm lại là bằng cách xa lánh xã hội. Nhưng trong Subud thì hoàn toàn trái lại; chúng ta không nên chối bỏ những nhu cầu và đòi hỏi của cuộc sống trên thế gian.

(Bapak's Taks Vol. 1-31)

Subud không là con đường của những người sống ẩn dật và xa lánh xã hội. Nó cũng không là con đường cho những người đặc biệt hay được lựa chọn. Như đã nói trên kia, Subud là một sự giáo hóa và một con đường cho những người bình thường sống cuộc đời mình để chứng nghiệm được sự phát triển của nội tâm. Một trong những đặc điểm của

Subud là thích ứng được với cuộc sống nội giới và ngoại giới của mình.

Tư tưởng, cảm xúc và ý chí, những thứ không có chỗ đứng trong latihan, có thể được dùng để phát triển đời sống ngoại giới của mình cho được trọn vẹn.

Cuối cùng, tôi kết thúc tập sách này bằng cách nói tới cuộc sống mình sau đó. Năm 1997 tại Hội nghị Thế Giới của Subud ở Spokane, Hoa Kỳ, khi được 69 tuổi, tôi giao những bốn phạm quốc tế trong Subud của mình cho người khác. Công việc cuối cùng của tôi là công việc của một ủy viên quản trị của tổ chức Muhammad Subuh được thành lập ở Hoa Kỳ để tưởng niệm Bapak. Công việc của tổ chức đó là xúc tiến sự phát triển dài hạn của Subud bằng cách tài trợ những quốc gia nghèo để xây cất những phòng tập latihan, và bằng cách trợ giúp những hoạt động nhân đạo, từ thiện và giáo dục của hội viên Subud trên khắp thế giới.

Sau khi trở thành lại hội viên bình thường của một nhóm Subud nọ ở Nhật, tôi bắt đầu làm hai kinh doanh từ con số không, với những người đã cùng làm việc với mình trong ISC và một hội viên trẻ. Điều này đúng với ước muốn của Bapak là hội viên Subud nên tự đứng trên bàn chân mình, cả bên trong lẫn bên ngoài, và nên có khả năng làm kinh doanh cho bản thân mình và cho sự lợi lạc của những người khác. Những gì chúng tôi làm - một cái là về thương mại và cái kia là một tổ chức bất vụ lợi, tuy vẫn còn nhỏ bé nhưng được may mắn là phát triển đều đặn và dần dần. Hiện nay tôi đang chuẩn bị giao lại tất cả cho những người nối nghiệp mình. (11 tháng 12 năm 2005)

Lời Bạt

Trong phần hai của tập sách này, tôi đặc biệt tập trung vào những chứng nghiệm tâm linh trước kia đã ảnh hưởng mãnh liệt tới mình. Tất cả các chứng nghiệm đó đã ảnh hưởng tới cách sống của mình, và trong một vài trường hợp đã làm cho cuộc đời mình hoàn toàn thay đổi.

Ngoài những chứng nghiệm đó, tôi còn nhận được những chứng nghiệm và hướng dẫn ngoại giới khác trong cuộc hành trình của mình, những điều liên hệ tới đời sống thiết thực của mình. Tôi không nói tới những điều đó trong tập sách này, vì mình khó chứng minh được đó là sự trợ giúp của quyền năng Thượng Đế, hay chỉ là những biến cố ngẫu nhiên xảy ra, những chuyện may mắn hay xui xẻo của bất cứ ai.



gn

10.2015

